

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH
VIỆT NAM

Số: 126/2024/TB-VPA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO

THỜI GIAN ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 19/9/2024

Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trân trọng thông báo thời gian tổ chức đấu giá biển số xe ô tô ngày 19/9/2024 như sau:

1. Danh sách biển số xe ô tô, thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước, thời gian tổ chức đấu giá: (Có danh sách chi tiết)

2. Địa điểm đấu giá, cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước

- Địa điểm đấu giá: Trang thông tin đấu giá trực tuyến <https://vpa.com.vn>.

- Cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước:

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 19/9/2024: Trước 16h30' ngày 16/9/2024 (theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam chậm nhất đến 16h30' ngày 16/9/2024).

+ Tổng số tiền: 40.100.000 đồng/biển số xe ô tô (Bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng). Trong đó: tiền đặt trước: 40.000.000 đồng; tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng.

+ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam.

+ Số tài khoản: 1410999999999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Agribank Mỹ Đình).

+ Nội dung chuyển khoản: nhập "mã số thanh toán" trong phần **Nội dung chuyển khoản/Nội dung giao dịch** tại mục "**Thanh toán biển số xe**" trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến biển số xe ô tô.

- Thời lượng đấu giá: Tối thiểu 25 phút/01 biển số xe ô tô.

Lưu ý: Mã xác thực để truy cập đấu giá trực tuyến sẽ được hệ thống gửi đến số điện thoại và email của Quý khách đã đăng ký tối thiểu trước 60 phút khi cuộc đấu giá bắt đầu. Quý khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ hotline: 1900.05.5515

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Cổng thông tin điện tử - Bộ Công an;
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến;
- Các điểm niêm yết theo quy định;
- Lưu HS, VT./.



Lâm Thị Mai Anh



DANH SÁCH ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 19/9/2024

Thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: chậm nhất đến 16h30p ngày 16/9/2024
(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1	51L-886.65	Hồ Chí Minh	1001	19A-669.92	Phú Thọ	2001	30L-599.99	Hà Nội
2	51L-886.67	Hồ Chí Minh	1002	20A-777.73	Thái Nguyên	2002	20B-033.33	Thái Nguyên
3	19A-669.95	Phú Thọ	1003	27C-068.68	Điện Biên	2003	43A-889.96	Đà Nẵng
4	27B-011.11	Điện Biên	1004	28A-239.79	Hòa Bình	2004	61K-496.69	Bình Dương
5	29D-622.22	Hà Nội	1005	29K-197.79	Hà Nội	2005	62C-198.89	Long An
6	37C-539.79	Nghệ An	1006	61K-489.98	Bình Dương	2006	63A-298.89	Tiền Giang
7	47C-393.98	Đắk Lắk	1007	72A-797.96	Bà Rịa - Vũng Tàu	2007	65A-499.66	Cần Thơ
8	61C-599.66	Bình Dương	1008	72A-800.09	Bà Rịa - Vũng Tàu	2008	70B-033.33	Tây Ninh
9	61K-499.66	Bình Dương	1009	76D-011.11	Quảng Ngãi	2009	72B-044.44	Bà Rịa - Vũng Tàu
10	65C-244.44	Cần Thơ	1010	90C-144.44	Hà Nam	2010	99A-797.96	Bắc Ninh
11	86A-300.09	Bình Thuận	1011	30K-400.22	Hà Nội	2011	30K-404.39	Hà Nội
12	99C-322.22	Bắc Ninh	1012	30K-404.89	Hà Nội	2012	30K-404.88	Hà Nội
13	30K-400.39	Hà Nội	1013	30K-405.88	Hà Nội	2013	30K-407.66	Hà Nội
14	30K-404.99	Hà Nội	1014	30K-406.89	Hà Nội	2014	30K-407.88	Hà Nội
15	30K-408.39	Hà Nội	1015	30K-410.89	Hà Nội	2015	30K-410.88	Hà Nội
16	30K-409.66	Hà Nội	1016	30K-410.99	Hà Nội	2016	30K-414.39	Hà Nội
17	30K-409.68	Hà Nội	1017	30K-413.88	Hà Nội	2017	30K-418.89	Hà Nội
18	30K-411.22	Hà Nội	1018	30K-414.79	Hà Nội	2018	30K-422.39	Hà Nội
19	30K-412.99	Hà Nội	1019	30K-418.39	Hà Nội	2019	30K-422.89	Hà Nội
20	30K-413.39	Hà Nội	1020	30K-418.79	Hà Nội	2020	30K-423.39	Hà Nội
21	30K-417.88	Hà Nội	1021	30K-424.24	Hà Nội	2021	30K-424.39	Hà Nội
22	30K-419.66	Hà Nội	1022	30K-430.39	Hà Nội	2022	30K-425.79	Hà Nội
23	30K-421.39	Hà Nội	1023	30K-435.99	Hà Nội	2023	30K-427.88	Hà Nội
24	30K-421.68	Hà Nội	1024	30K-436.79	Hà Nội	2024	30K-430.89	Hà Nội
25	30K-423.68	Hà Nội	1025	30K-442.39	Hà Nội	2025	30K-435.88	Hà Nội
26	30K-430.79	Hà Nội	1026	30K-442.66	Hà Nội	2026	30K-438.99	Hà Nội
27	30K-430.99	Hà Nội	1027	30K-445.68	Hà Nội	2027	30K-447.99	Hà Nội
28	30K-432.79	Hà Nội	1028	30K-445.89	Hà Nội	2028	30K-449.49	Hà Nội
29	30K-432.89	Hà Nội	1029	30K-449.39	Hà Nội	2029	30K-450.89	Hà Nội
30	30K-433.44	Hà Nội	1030	30K-450.66	Hà Nội	2030	30K-453.88	Hà Nội
31	30K-434.68	Hà Nội	1031	30K-457.39	Hà Nội	2031	30K-461.66	Hà Nội
32	30K-434.88	Hà Nội	1032	30K-459.39	Hà Nội	2032	30K-465.99	Hà Nội
33	30K-436.68	Hà Nội	1033	30K-470.66	Hà Nội	2033	30K-470.39	Hà Nội
34	30K-441.66	Hà Nội	1034	30K-470.89	Hà Nội	2034	30K-477.39	Hà Nội
35	30K-443.39	Hà Nội	1035	30K-471.89	Hà Nội	2035	30K-479.66	Hà Nội
36	30K-443.68	Hà Nội	1036	30K-474.68	Hà Nội	2036	30K-496.39	Hà Nội
37	30K-452.39	Hà Nội	1037	30K-478.78	Hà Nội	2037	30K-500.77	Hà Nội
38	30K-452.89	Hà Nội	1038	30K-487.66	Hà Nội	2038	30K-501.39	Hà Nội
39	30K-453.66	Hà Nội	1039	30K-489.39	Hà Nội	2039	30K-504.68	Hà Nội
40	30K-459.79	Hà Nội	1040	30K-491.99	Hà Nội	2040	30K-505.39	Hà Nội
41	30K-461.39	Hà Nội	1041	30K-495.79	Hà Nội	2041	30K-520.79	Hà Nội
42	30K-462.89	Hà Nội	1042	30K-497.88	Hà Nội	2042	30K-542.66	Hà Nội
43	30K-463.99	Hà Nội	1043	30K-509.39	Hà Nội	2043	30K-544.68	Hà Nội
44	30K-469.66	Hà Nội	1044	30K-510.99	Hà Nội	2044	30K-546.68	Hà Nội
45	30K-472.99	Hà Nội	1045	30K-521.69	Hà Nội	2045	30K-547.88	Hà Nội
46	30K-473.68	Hà Nội	1046	30K-521.79	Hà Nội	2046	30K-548.39	Hà Nội
47	30K-473.88	Hà Nội	1047	30K-524.88	Hà Nội	2047	30K-548.48	Hà Nội
48	30K-476.89	Hà Nội	1048	30K-524.99	Hà Nội	2048	30K-550.69	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
49	30K-479.39	Hà Nội	1049	30K-540.00	Hà Nội	2049	30K-563.39	Hà Nội
50	30K-481.89	Hà Nội	1050	30K-540.66	Hà Nội	2050	30K-574.69	Hà Nội
51	30K-482.66	Hà Nội	1051	30K-541.86	Hà Nội	2051	30K-574.86	Hà Nội
52	30K-482.68	Hà Nội	1052	30K-542.89	Hà Nội	2052	30K-577.39	Hà Nội
53	30K-483.39	Hà Nội	1053	30K-543.66	Hà Nội	2053	30K-584.66	Hà Nội
54	30K-485.89	Hà Nội	1054	30K-543.79	Hà Nội	2054	30K-594.79	Hà Nội
55	30K-493.88	Hà Nội	1055	30K-548.79	Hà Nội	2055	30K-601.99	Hà Nội
56	30K-502.69	Hà Nội	1056	30K-554.39	Hà Nội	2056	30K-602.02	Hà Nội
57	30K-503.66	Hà Nội	1057	30K-554.86	Hà Nội	2057	30K-607.69	Hà Nội
58	30K-520.86	Hà Nội	1058	30K-564.39	Hà Nội	2058	30K-608.39	Hà Nội
59	30K-524.79	Hà Nội	1059	30K-580.99	Hà Nội	2059	30K-612.69	Hà Nội
60	30K-524.89	Hà Nội	1060	30K-594.39	Hà Nội	2060	30K-613.13	Hà Nội
61	30K-531.66	Hà Nội	1061	30K-600.77	Hà Nội	2061	30K-644.79	Hà Nội
62	30K-531.86	Hà Nội	1062	30K-607.86	Hà Nội	2062	30K-710.39	Hà Nội
63	30K-534.99	Hà Nội	1063	30K-617.66	Hà Nội	2063	30K-717.69	Hà Nội
64	30K-537.66	Hà Nội	1064	30K-703.30	Hà Nội	2064	30K-728.86	Hà Nội
65	30K-537.69	Hà Nội	1065	30K-705.89	Hà Nội	2065	30K-735.86	Hà Nội
66	30K-538.69	Hà Nội	1066	30K-710.66	Hà Nội	2066	30K-740.99	Hà Nội
67	30K-541.89	Hà Nội	1067	30K-717.86	Hà Nội	2067	30K-746.99	Hà Nội
68	30K-544.89	Hà Nội	1068	30K-718.86	Hà Nội	2068	30K-752.69	Hà Nội
69	30K-547.66	Hà Nội	1069	30K-718.99	Hà Nội	2069	30K-752.99	Hà Nội
70	30K-550.89	Hà Nội	1070	30K-738.66	Hà Nội	2070	30K-758.69	Hà Nội
71	30K-554.69	Hà Nội	1071	30K-764.86	Hà Nội	2071	30K-774.99	Hà Nội
72	30K-554.79	Hà Nội	1072	30K-781.86	Hà Nội	2072	30K-781.99	Hà Nội
73	30K-557.86	Hà Nội	1073	30K-792.39	Hà Nội	2073	30K-782.66	Hà Nội
74	30K-570.88	Hà Nội	1074	30K-856.39	Hà Nội	2074	30K-827.79	Hà Nội
75	30K-574.89	Hà Nội	1075	30K-921.69	Hà Nội	2075	30K-829.69	Hà Nội
76	30K-594.89	Hà Nội	1076	30K-935.93	Hà Nội	2076	30K-847.79	Hà Nội
77	30K-597.69	Hà Nội	1077	30K-975.86	Hà Nội	2077	30K-873.66	Hà Nội
78	30K-610.00	Hà Nội	1078	30L-010.68	Hà Nội	2078	30K-900.22	Hà Nội
79	30K-617.86	Hà Nội	1079	30L-015.89	Hà Nội	2079	30K-907.66	Hà Nội
80	30K-654.44	Hà Nội	1080	30L-020.66	Hà Nội	2080	30K-920.00	Hà Nội
81	30K-654.88	Hà Nội	1081	30L-038.69	Hà Nội	2081	30K-928.69	Hà Nội
82	30K-694.88	Hà Nội	1082	30L-042.79	Hà Nội	2082	30K-934.69	Hà Nội
83	30K-704.69	Hà Nội	1083	30L-042.99	Hà Nội	2083	30K-947.39	Hà Nội
84	30K-705.68	Hà Nội	1084	30L-054.89	Hà Nội	2084	30K-953.68	Hà Nội
85	30K-721.99	Hà Nội	1085	30L-063.39	Hà Nội	2085	30K-963.39	Hà Nội
86	30K-725.39	Hà Nội	1086	30L-078.86	Hà Nội	2086	30K-970.89	Hà Nội
87	30K-742.79	Hà Nội	1087	30L-085.79	Hà Nội	2087	30K-970.99	Hà Nội
88	30K-751.15	Hà Nội	1088	30L-102.69	Hà Nội	2088	30K-984.39	Hà Nội
89	30K-759.88	Hà Nội	1089	30L-109.39	Hà Nội	2089	30L-015.51	Hà Nội
90	30K-802.69	Hà Nội	1090	30L-110.68	Hà Nội	2090	30L-025.39	Hà Nội
91	30K-807.68	Hà Nội	1091	30L-130.86	Hà Nội	2091	30L-027.88	Hà Nội
92	30K-820.99	Hà Nội	1092	30L-190.69	Hà Nội	2092	30L-031.89	Hà Nội
93	30K-824.88	Hà Nội	1093	30L-205.68	Hà Nội	2093	30L-041.39	Hà Nội
94	30K-840.68	Hà Nội	1094	30L-207.86	Hà Nội	2094	30L-051.79	Hà Nội
95	30K-845.66	Hà Nội	1095	30L-274.39	Hà Nội	2095	30L-063.69	Hà Nội
96	30K-870.66	Hà Nội	1096	30L-284.89	Hà Nội	2096	30L-071.68	Hà Nội
97	30K-871.68	Hà Nội	1097	30L-296.39	Hà Nội	2097	30L-088.69	Hà Nội
98	30K-874.39	Hà Nội	1098	30L-301.66	Hà Nội	2098	30L-111.00	Hà Nội
99	30K-902.69	Hà Nội	1099	30L-310.00	Hà Nội	2099	30L-114.66	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
100	30K-930.68	Hà Nội	1100	30L-314.66	Hà Nội	2100	30L-134.99	Hà Nội
101	30K-931.79	Hà Nội	1101	30L-326.39	Hà Nội	2101	30L-135.86	Hà Nội
102	30K-935.86	Hà Nội	1102	30L-327.72	Hà Nội	2102	30L-150.66	Hà Nội
103	30K-937.68	Hà Nội	1103	30L-349.86	Hà Nội	2103	30L-154.39	Hà Nội
104	30K-940.79	Hà Nội	1104	30L-354.79	Hà Nội	2104	30L-157.66	Hà Nội
105	30K-950.88	Hà Nội	1105	30L-360.69	Hà Nội	2105	30L-164.79	Hà Nội
106	30K-954.86	Hà Nội	1106	30L-371.79	Hà Nội	2106	30L-175.66	Hà Nội
107	30K-970.00	Hà Nội	1107	30L-375.57	Hà Nội	2107	30L-201.39	Hà Nội
108	30L-004.69	Hà Nội	1108	30L-404.69	Hà Nội	2108	30L-210.01	Hà Nội
109	30L-005.69	Hà Nội	1109	30L-406.68	Hà Nội	2109	30L-220.00	Hà Nội
110	30L-034.39	Hà Nội	1110	30L-416.99	Hà Nội	2110	30L-222.78	Hà Nội
111	30L-034.89	Hà Nội	1111	30L-419.39	Hà Nội	2111	30L-230.99	Hà Nội
112	30L-049.88	Hà Nội	1112	30L-419.92	Hà Nội	2112	30L-243.68	Hà Nội
113	30L-050.86	Hà Nội	1113	30L-437.37	Hà Nội	2113	30L-255.39	Hà Nội
114	30L-057.39	Hà Nội	1114	30L-438.79	Hà Nội	2114	30L-263.39	Hà Nội
115	30L-070.39	Hà Nội	1115	30L-440.39	Hà Nội	2115	30L-312.21	Hà Nội
116	30L-070.79	Hà Nội	1116	30L-446.64	Hà Nội	2116	30L-334.88	Hà Nội
117	30L-094.68	Hà Nội	1117	30L-447.88	Hà Nội	2117	30L-350.39	Hà Nội
118	30L-099.11	Hà Nội	1118	30L-450.68	Hà Nội	2118	30L-353.68	Hà Nội
119	30L-124.66	Hà Nội	1119	30L-451.11	Hà Nội	2119	30L-360.68	Hà Nội
120	30L-175.68	Hà Nội	1120	30L-452.86	Hà Nội	2120	30L-362.89	Hà Nội
121	30L-177.44	Hà Nội	1121	30L-457.66	Hà Nội	2121	30L-367.36	Hà Nội
122	30L-200.33	Hà Nội	1122	30L-460.39	Hà Nội	2122	30L-370.68	Hà Nội
123	30L-204.66	Hà Nội	1123	30L-472.27	Hà Nội	2123	30L-380.68	Hà Nội
124	30L-211.69	Hà Nội	1124	30L-474.47	Hà Nội	2124	30L-390.66	Hà Nội
125	30L-214.41	Hà Nội	1125	30L-475.57	Hà Nội	2125	30L-394.89	Hà Nội
126	30L-240.88	Hà Nội	1126	30L-479.66	Hà Nội	2126	30L-407.77	Hà Nội
127	30L-247.74	Hà Nội	1127	30L-483.69	Hà Nội	2127	30L-408.66	Hà Nội
128	30L-248.86	Hà Nội	1128	30L-498.88	Hà Nội	2128	30L-408.99	Hà Nội
129	30L-248.89	Hà Nội	1129	30L-499.22	Hà Nội	2129	30L-414.14	Hà Nội
130	30L-253.66	Hà Nội	1130	30L-503.66	Hà Nội	2130	30L-414.99	Hà Nội
131	30L-273.79	Hà Nội	1131	30L-504.99	Hà Nội	2131	30L-415.55	Hà Nội
132	30L-293.66	Hà Nội	1132	30L-510.01	Hà Nội	2132	30L-416.39	Hà Nội
133	30L-302.86	Hà Nội	1133	30L-513.79	Hà Nội	2133	30L-430.68	Hà Nội
134	30L-309.69	Hà Nội	1134	30L-532.39	Hà Nội	2134	30L-431.13	Hà Nội
135	30L-317.77	Hà Nội	1135	30L-539.96	Hà Nội	2135	30L-444.42	Hà Nội
136	30L-352.86	Hà Nội	1136	30L-541.69	Hà Nội	2136	30L-447.89	Hà Nội
137	30L-357.69	Hà Nội	1137	30L-547.48	Hà Nội	2137	30L-454.79	Hà Nội
138	30L-360.00	Hà Nội	1138	30L-547.83	Hà Nội	2138	30L-455.86	Hà Nội
139	30L-406.06	Hà Nội	1139	30L-551.86	Hà Nội	2139	30L-457.77	Hà Nội
140	30L-406.69	Hà Nội	1140	30L-555.75	Hà Nội	2140	30L-473.73	Hà Nội
141	30L-409.39	Hà Nội	1141	30L-559.09	Hà Nội	2141	30L-477.44	Hà Nội
142	30L-411.77	Hà Nội	1142	30L-562.44	Hà Nội	2142	30L-491.86	Hà Nội
143	30L-413.79	Hà Nội	1143	30L-565.52	Hà Nội	2143	30L-495.66	Hà Nội
144	30L-414.88	Hà Nội	1144	30L-568.16	Hà Nội	2144	30L-517.69	Hà Nội
145	30L-419.98	Hà Nội	1145	30L-570.56	Hà Nội	2145	30L-541.66	Hà Nội
146	30L-420.20	Hà Nội	1146	30L-582.19	Hà Nội	2146	30L-544.88	Hà Nội
147	30L-422.11	Hà Nội	1147	30L-582.89	Hà Nội	2147	30L-556.18	Hà Nội
148	30L-426.88	Hà Nội	1148	30L-584.33	Hà Nội	2148	30L-561.69	Hà Nội
149	30L-434.86	Hà Nội	1149	30L-584.96	Hà Nội	2149	30L-562.56	Hà Nội
150	30L-435.99	Hà Nội	1150	30L-588.65	Hà Nội	2150	30L-565.16	Hà Nội

GY
IA
NH
IAM
I-T.P

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
151	30L-444.35	Hà Nội	1151	30L-596.95	Hà Nội	2151	30L-573.39	Hà Nội
152	30L-448.84	Hà Nội	1152	30L-599.26	Hà Nội	2152	30L-578.86	Hà Nội
153	30L-451.15	Hà Nội	1153	30L-601.69	Hà Nội	2153	30L-582.18	Hà Nội
154	30L-454.68	Hà Nội	1154	30L-603.26	Hà Nội	2154	30L-587.99	Hà Nội
155	30L-454.89	Hà Nội	1155	30L-603.39	Hà Nội	2155	30L-592.19	Hà Nội
156	30L-462.86	Hà Nội	1156	30L-605.05	Hà Nội	2156	30L-599.00	Hà Nội
157	30L-479.68	Hà Nội	1157	30L-609.35	Hà Nội	2157	30L-601.23	Hà Nội
158	30L-485.69	Hà Nội	1158	30L-611.58	Hà Nội	2158	30L-602.16	Hà Nội
159	30L-490.09	Hà Nội	1159	30L-624.35	Hà Nội	2159	30L-613.95	Hà Nội
160	30L-492.39	Hà Nội	1160	30L-627.99	Hà Nội	2160	30L-615.89	Hà Nội
161	30L-492.88	Hà Nội	1161	30L-631.96	Hà Nội	2161	30L-619.56	Hà Nội
162	30L-497.88	Hà Nội	1162	30L-634.38	Hà Nội	2162	30L-620.55	Hà Nội
163	30L-503.89	Hà Nội	1163	30L-635.59	Hà Nội	2163	30L-628.35	Hà Nội
164	30L-517.39	Hà Nội	1164	30L-649.64	Hà Nội	2164	30L-630.06	Hà Nội
165	30L-532.89	Hà Nội	1165	30L-649.94	Hà Nội	2165	30L-631.31	Hà Nội
166	30L-533.34	Hà Nội	1166	30L-651.56	Hà Nội	2166	30L-633.00	Hà Nội
167	30L-534.88	Hà Nội	1167	30L-653.53	Hà Nội	2167	30L-633.34	Hà Nội
168	30L-545.79	Hà Nội	1168	30L-653.99	Hà Nội	2168	30L-633.98	Hà Nội
169	30L-549.58	Hà Nội	1169	30L-654.83	Hà Nội	2169	30L-643.89	Hà Nội
170	30L-551.15	Hà Nội	1170	30L-655.33	Hà Nội	2170	30L-645.96	Hà Nội
171	30L-552.65	Hà Nội	1171	30L-657.65	Hà Nội	2171	30L-647.06	Hà Nội
172	30L-555.64	Hà Nội	1172	30L-675.88	Hà Nội	2172	30L-654.66	Hà Nội
173	30L-560.77	Hà Nội	1173	30L-678.39	Hà Nội	2173	30L-655.25	Hà Nội
174	30L-561.85	Hà Nội	1174	30L-687.78	Hà Nội	2174	30L-655.39	Hà Nội
175	30L-562.79	Hà Nội	1175	30L-692.08	Hà Nội	2175	30L-655.50	Hà Nội
176	30L-565.19	Hà Nội	1176	30L-696.58	Hà Nội	2176	30L-656.16	Hà Nội
177	30L-566.92	Hà Nội	1177	30L-702.95	Hà Nội	2177	30L-659.85	Hà Nội
178	30L-579.56	Hà Nội	1178	30L-710.17	Hà Nội	2178	30L-670.99	Hà Nội
179	30L-580.95	Hà Nội	1179	30L-713.22	Hà Nội	2179	30L-672.35	Hà Nội
180	30L-581.69	Hà Nội	1180	30L-716.83	Hà Nội	2180	30L-676.15	Hà Nội
181	30L-583.62	Hà Nội	1181	30L-720.72	Hà Nội	2181	30L-678.03	Hà Nội
182	30L-587.68	Hà Nội	1182	30L-735.26	Hà Nội	2182	30L-683.56	Hà Nội
183	30L-587.98	Hà Nội	1183	30L-746.55	Hà Nội	2183	30L-689.85	Hà Nội
184	30L-588.00	Hà Nội	1184	30L-747.66	Hà Nội	2184	30L-699.45	Hà Nội
185	30L-595.38	Hà Nội	1185	30L-748.99	Hà Nội	2185	30L-699.70	Hà Nội
186	30L-604.06	Hà Nội	1186	30L-752.39	Hà Nội	2186	30L-703.29	Hà Nội
187	30L-608.00	Hà Nội	1187	30L-761.06	Hà Nội	2187	30L-703.33	Hà Nội
188	30L-615.86	Hà Nội	1188	30L-761.59	Hà Nội	2188	30L-704.40	Hà Nội
189	30L-633.25	Hà Nội	1189	30L-764.79	Hà Nội	2189	30L-707.19	Hà Nội
190	30L-637.65	Hà Nội	1190	30L-765.39	Hà Nội	2190	30L-711.39	Hà Nội
191	30L-637.69	Hà Nội	1191	30L-765.99	Hà Nội	2191	30L-712.66	Hà Nội
192	30L-644.79	Hà Nội	1192	30L-770.79	Hà Nội	2192	30L-712.99	Hà Nội
193	30L-649.00	Hà Nội	1193	30L-778.06	Hà Nội	2193	30L-720.83	Hà Nội
194	30L-650.85	Hà Nội	1194	30L-780.87	Hà Nội	2194	30L-720.86	Hà Nội
195	30L-651.86	Hà Nội	1195	30L-784.84	Hà Nội	2195	30L-721.99	Hà Nội
196	30L-654.65	Hà Nội	1196	30L-790.56	Hà Nội	2196	30L-722.18	Hà Nội
197	30L-655.22	Hà Nội	1197	30L-793.22	Hà Nội	2197	30L-725.86	Hà Nội
198	30L-659.58	Hà Nội	1198	30L-794.22	Hà Nội	2198	30L-726.44	Hà Nội
199	30L-665.58	Hà Nội	1199	30L-795.36	Hà Nội	2199	30L-733.35	Hà Nội
200	30L-666.31	Hà Nội	1200	30L-797.66	Hà Nội	2200	30L-734.34	Hà Nội
201	30L-666.74	Hà Nội	1201	30L-799.91	Hà Nội	2201	30L-740.28	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
202	30L-676.38	Hà Nội	1202	30L-800.36	Hà Nội	2202	30L-740.69	Hà Nội
203	30L-678.40	Hà Nội	1203	30L-804.98	Hà Nội	2203	30L-742.79	Hà Nội
204	30L-681.95	Hà Nội	1204	30L-805.95	Hà Nội	2204	30L-748.49	Hà Nội
205	30L-682.98	Hà Nội	1205	30L-806.07	Hà Nội	2205	30L-749.74	Hà Nội
206	30L-687.11	Hà Nội	1206	30L-809.19	Hà Nội	2206	30L-751.18	Hà Nội
207	30L-688.15	Hà Nội	1207	30L-809.97	Hà Nội	2207	30L-753.77	Hà Nội
208	30L-690.79	Hà Nội	1208	30L-810.38	Hà Nội	2208	30L-753.85	Hà Nội
209	30L-692.39	Hà Nội	1209	30L-811.22	Hà Nội	2209	30L-759.69	Hà Nội
210	30L-696.29	Hà Nội	1210	30L-818.25	Hà Nội	2210	30L-759.95	Hà Nội
211	30L-697.11	Hà Nội	1211	30L-819.29	Hà Nội	2211	30L-765.18	Hà Nội
212	30L-698.79	Hà Nội	1212	30L-825.89	Hà Nội	2212	30L-771.09	Hà Nội
213	30L-705.56	Hà Nội	1213	30L-830.58	Hà Nội	2213	30L-773.06	Hà Nội
214	30L-718.69	Hà Nội	1214	30L-837.86	Hà Nội	2214	30L-773.86	Hà Nội
215	30L-719.15	Hà Nội	1215	30L-842.39	Hà Nội	2215	30L-778.83	Hà Nội
216	30L-722.11	Hà Nội	1216	30L-847.99	Hà Nội	2216	30L-779.58	Hà Nội
217	30L-725.66	Hà Nội	1217	30L-854.69	Hà Nội	2217	30L-780.80	Hà Nội
218	30L-732.35	Hà Nội	1218	30L-857.65	Hà Nội	2218	30L-782.88	Hà Nội
219	30L-734.09	Hà Nội	1219	30L-872.99	Hà Nội	2219	30L-784.78	Hà Nội
220	30L-736.86	Hà Nội	1220	30L-874.56	Hà Nội	2220	30L-789.52	Hà Nội
221	30L-737.38	Hà Nội	1221	30L-876.89	Hà Nội	2221	30L-790.55	Hà Nội
222	30L-743.43	Hà Nội	1222	30L-882.63	Hà Nội	2222	30L-791.83	Hà Nội
223	30L-743.55	Hà Nội	1223	30L-885.23	Hà Nội	2223	30L-792.16	Hà Nội
224	30L-744.11	Hà Nội	1224	30L-885.82	Hà Nội	2224	30L-794.28	Hà Nội
225	30L-748.69	Hà Nội	1225	30L-886.03	Hà Nội	2225	30L-794.69	Hà Nội
226	30L-750.69	Hà Nội	1226	30L-886.48	Hà Nội	2226	30L-800.77	Hà Nội
227	30L-753.59	Hà Nội	1227	30L-888.01	Hà Nội	2227	30L-801.79	Hà Nội
228	30L-758.85	Hà Nội	1228	30L-888.57	Hà Nội	2228	30L-801.88	Hà Nội
229	30L-759.86	Hà Nội	1229	30L-890.08	Hà Nội	2229	30L-806.85	Hà Nội
230	30L-759.98	Hà Nội	1230	30L-891.26	Hà Nội	2230	30L-810.69	Hà Nội
231	30L-774.89	Hà Nội	1231	30L-893.62	Hà Nội	2231	30L-811.00	Hà Nội
232	30L-776.15	Hà Nội	1232	30L-894.96	Hà Nội	2232	30L-815.00	Hà Nội
233	30L-777.19	Hà Nội	1233	30L-897.00	Hà Nội	2233	30L-815.99	Hà Nội
234	30L-798.39	Hà Nội	1234	30L-898.35	Hà Nội	2234	30L-821.39	Hà Nội
235	30L-800.01	Hà Nội	1235	30L-901.66	Hà Nội	2235	30L-825.52	Hà Nội
236	30L-820.09	Hà Nội	1236	30L-901.85	Hà Nội	2236	30L-837.19	Hà Nội
237	30L-826.19	Hà Nội	1237	30L-905.86	Hà Nội	2237	30L-838.08	Hà Nội
238	30L-827.69	Hà Nội	1238	30L-920.86	Hà Nội	2238	30L-839.56	Hà Nội
239	30L-831.11	Hà Nội	1239	30L-923.16	Hà Nội	2239	30L-841.14	Hà Nội
240	30L-834.99	Hà Nội	1240	30L-925.18	Hà Nội	2240	30L-845.88	Hà Nội
241	30L-839.23	Hà Nội	1241	30L-935.26	Hà Nội	2241	30L-847.69	Hà Nội
242	30L-842.65	Hà Nội	1242	30L-947.58	Hà Nội	2242	30L-848.59	Hà Nội
243	30L-846.59	Hà Nội	1243	30L-950.59	Hà Nội	2243	30L-848.66	Hà Nội
244	30L-852.08	Hà Nội	1244	30L-952.83	Hà Nội	2244	30L-854.66	Hà Nội
245	30L-853.95	Hà Nội	1245	30L-952.89	Hà Nội	2245	30L-857.99	Hà Nội
246	30L-854.58	Hà Nội	1246	30L-953.08	Hà Nội	2246	30L-861.62	Hà Nội
247	30L-857.38	Hà Nội	1247	30L-953.65	Hà Nội	2247	30L-869.95	Hà Nội
248	30L-860.06	Hà Nội	1248	30L-953.89	Hà Nội	2248	30L-871.95	Hà Nội
249	30L-860.61	Hà Nội	1249	30L-957.18	Hà Nội	2249	30L-872.72	Hà Nội
250	30L-861.11	Hà Nội	1250	30L-960.89	Hà Nội	2250	30L-873.06	Hà Nội
251	30L-862.15	Hà Nội	1251	30L-960.96	Hà Nội	2251	30L-876.09	Hà Nội
252	30L-872.66	Hà Nội	1252	30L-964.89	Hà Nội	2252	30L-888.03	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
253	30L-874.79	Hà Nội	1253	30L-965.16	Hà Nội	2253	30L-894.28	Hà Nội
254	30L-876.39	Hà Nội	1254	30L-966.44	Hà Nội	2254	30L-902.90	Hà Nội
255	30L-882.39	Hà Nội	1255	30L-967.79	Hà Nội	2255	30L-909.08	Hà Nội
256	30L-886.32	Hà Nội	1256	30L-967.88	Hà Nội	2256	30L-912.98	Hà Nội
257	30L-887.44	Hà Nội	1257	30L-970.66	Hà Nội	2257	30L-913.69	Hà Nội
258	30L-901.35	Hà Nội	1258	30L-970.89	Hà Nội	2258	30L-915.88	Hà Nội
259	30L-909.63	Hà Nội	1259	30L-971.66	Hà Nội	2259	30L-916.91	Hà Nội
260	30L-923.69	Hà Nội	1260	30L-971.77	Hà Nội	2260	30L-928.16	Hà Nội
261	30L-925.79	Hà Nội	1261	30L-987.85	Hà Nội	2261	30L-928.85	Hà Nội
262	30L-929.63	Hà Nội	1262	30L-993.29	Hà Nội	2262	30L-941.35	Hà Nội
263	30L-936.19	Hà Nội	1263	30L-997.31	Hà Nội	2263	30L-947.49	Hà Nội
264	30L-940.41	Hà Nội	1264	30M-003.29	Hà Nội	2264	30L-950.98	Hà Nội
265	30L-948.68	Hà Nội	1265	30M-007.85	Hà Nội	2265	30L-962.93	Hà Nội
266	30L-954.29	Hà Nội	1266	30M-013.77	Hà Nội	2266	30L-963.85	Hà Nội
267	30L-956.33	Hà Nội	1267	30M-015.79	Hà Nội	2267	30L-964.19	Hà Nội
268	30L-964.66	Hà Nội	1268	30M-019.81	Hà Nội	2268	30L-973.74	Hà Nội
269	30L-966.55	Hà Nội	1269	30M-024.42	Hà Nội	2269	30L-978.33	Hà Nội
270	30L-967.08	Hà Nội	1270	30M-027.86	Hà Nội	2270	30L-984.69	Hà Nội
271	30L-972.16	Hà Nội	1271	30M-029.00	Hà Nội	2271	30L-988.44	Hà Nội
272	30L-973.26	Hà Nội	1272	51K-751.39	Hồ Chí Minh	2272	30L-997.59	Hà Nội
273	30L-975.76	Hà Nội	1273	51K-760.39	Hồ Chí Minh	2273	30M-004.00	Hà Nội
274	30L-984.38	Hà Nội	1274	51K-760.99	Hồ Chí Minh	2274	30M-005.50	Hà Nội
275	30L-986.09	Hà Nội	1275	51K-763.79	Hồ Chí Minh	2275	30M-027.28	Hà Nội
276	30L-987.25	Hà Nội	1276	51K-765.66	Hồ Chí Minh	2276	51K-747.68	Hồ Chí Minh
277	30L-987.28	Hà Nội	1277	51K-769.88	Hồ Chí Minh	2277	51K-749.79	Hồ Chí Minh
278	30L-988.61	Hà Nội	1278	51K-774.39	Hồ Chí Minh	2278	51K-750.66	Hồ Chí Minh
279	30L-996.40	Hà Nội	1279	51K-783.68	Hồ Chí Minh	2279	51K-752.88	Hồ Chí Minh
280	30M-005.28	Hà Nội	1280	51K-795.66	Hồ Chí Minh	2280	51K-754.39	Hồ Chí Minh
281	30M-006.35	Hà Nội	1281	51K-801.39	Hồ Chí Minh	2281	51K-754.89	Hồ Chí Minh
282	30M-016.55	Hà Nội	1282	51K-805.66	Hồ Chí Minh	2282	51K-755.39	Hồ Chí Minh
283	30M-017.17	Hà Nội	1283	51K-806.79	Hồ Chí Minh	2283	51K-760.66	Hồ Chí Minh
284	30M-018.66	Hà Nội	1284	51K-814.66	Hồ Chí Minh	2284	51K-763.89	Hồ Chí Minh
285	30M-018.69	Hà Nội	1285	51K-815.99	Hồ Chí Minh	2285	51K-765.79	Hồ Chí Minh
286	30M-021.99	Hà Nội	1286	51K-817.89	Hồ Chí Minh	2286	51K-774.68	Hồ Chí Minh
287	30M-027.44	Hà Nội	1287	51K-820.39	Hồ Chí Minh	2287	51K-782.66	Hồ Chí Minh
288	51K-747.89	Hồ Chí Minh	1288	51K-821.89	Hồ Chí Minh	2288	51K-790.89	Hồ Chí Minh
289	51K-748.48	Hồ Chí Minh	1289	51K-822.44	Hồ Chí Minh	2289	51K-800.77	Hồ Chí Minh
290	51K-749.89	Hồ Chí Minh	1290	51K-825.99	Hồ Chí Minh	2290	51K-805.39	Hồ Chí Minh
291	51K-751.66	Hồ Chí Minh	1291	51K-826.39	Hồ Chí Minh	2291	51K-813.89	Hồ Chí Minh
292	51K-753.89	Hồ Chí Minh	1292	51K-834.99	Hồ Chí Minh	2292	51K-815.66	Hồ Chí Minh
293	51K-764.99	Hồ Chí Minh	1293	51K-837.39	Hồ Chí Minh	2293	51K-824.88	Hồ Chí Minh
294	51K-765.39	Hồ Chí Minh	1294	51K-841.89	Hồ Chí Minh	2294	51K-824.89	Hồ Chí Minh
295	51K-770.66	Hồ Chí Minh	1295	51K-842.69	Hồ Chí Minh	2295	51K-834.79	Hồ Chí Minh
296	51K-773.68	Hồ Chí Minh	1296	51K-843.66	Hồ Chí Minh	2296	51K-840.66	Hồ Chí Minh
297	51K-775.39	Hồ Chí Minh	1297	51K-843.68	Hồ Chí Minh	2297	51K-840.89	Hồ Chí Minh
298	51K-780.66	Hồ Chí Minh	1298	51K-845.99	Hồ Chí Minh	2298	51K-841.39	Hồ Chí Minh
299	51K-782.89	Hồ Chí Minh	1299	51K-847.66	Hồ Chí Minh	2299	51K-845.39	Hồ Chí Minh
300	51K-783.39	Hồ Chí Minh	1300	51K-847.68	Hồ Chí Minh	2300	51K-848.39	Hồ Chí Minh
301	51K-784.88	Hồ Chí Minh	1301	51K-848.69	Hồ Chí Minh	2301	51K-850.68	Hồ Chí Minh
302	51K-787.66	Hồ Chí Minh	1302	51K-856.69	Hồ Chí Minh	2302	51K-855.39	Hồ Chí Minh
303	51K-790.66	Hồ Chí Minh	1303	51K-860.39	Hồ Chí Minh	2303	51K-855.86	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
304	51K-801.89	Hồ Chí Minh	1304	51K-864.69	Hồ Chí Minh	2304	51K-860.69	Hồ Chí Minh
305	51K-802.39	Hồ Chí Minh	1305	51K-865.69	Hồ Chí Minh	2305	51K-864.99	Hồ Chí Minh
306	51K-802.99	Hồ Chí Minh	1306	51K-865.99	Hồ Chí Minh	2306	51K-865.39	Hồ Chí Minh
307	51K-804.89	Hồ Chí Minh	1307	51K-871.39	Hồ Chí Minh	2307	51K-872.22	Hồ Chí Minh
308	51K-806.39	Hồ Chí Minh	1308	51K-871.89	Hồ Chí Minh	2308	51K-873.33	Hồ Chí Minh
309	51K-807.39	Hồ Chí Minh	1309	51K-873.86	Hồ Chí Minh	2309	51K-873.69	Hồ Chí Minh
310	51K-810.39	Hồ Chí Minh	1310	51K-873.89	Hồ Chí Minh	2310	51K-874.69	Hồ Chí Minh
311	51K-810.66	Hồ Chí Minh	1311	51K-874.66	Hồ Chí Minh	2311	51K-876.99	Hồ Chí Minh
312	51K-811.44	Hồ Chí Minh	1312	51K-879.66	Hồ Chí Minh	2312	51K-900.39	Hồ Chí Minh
313	51K-812.39	Hồ Chí Minh	1313	51K-891.39	Hồ Chí Minh	2313	51K-901.11	Hồ Chí Minh
314	51K-817.39	Hồ Chí Minh	1314	51K-895.66	Hồ Chí Minh	2314	51K-905.66	Hồ Chí Minh
315	51K-817.88	Hồ Chí Minh	1315	51K-897.66	Hồ Chí Minh	2315	51K-906.39	Hồ Chí Minh
316	51K-819.66	Hồ Chí Minh	1316	51K-903.89	Hồ Chí Minh	2316	51K-906.69	Hồ Chí Minh
317	51K-825.89	Hồ Chí Minh	1317	51K-913.13	Hồ Chí Minh	2317	51K-906.89	Hồ Chí Minh
318	51K-834.68	Hồ Chí Minh	1318	51K-913.66	Hồ Chí Minh	2318	51K-906.99	Hồ Chí Minh
319	51K-841.69	Hồ Chí Minh	1319	51K-917.68	Hồ Chí Minh	2319	51K-910.68	Hồ Chí Minh
320	51K-842.68	Hồ Chí Minh	1320	51K-936.69	Hồ Chí Minh	2320	51K-913.86	Hồ Chí Minh
321	51K-852.86	Hồ Chí Minh	1321	51K-938.69	Hồ Chí Minh	2321	51K-917.66	Hồ Chí Minh
322	51K-854.39	Hồ Chí Minh	1322	51K-940.68	Hồ Chí Minh	2322	51K-917.88	Hồ Chí Minh
323	51K-854.79	Hồ Chí Minh	1323	51K-943.79	Hồ Chí Minh	2323	51K-918.39	Hồ Chí Minh
324	51K-855.69	Hồ Chí Minh	1324	51K-947.66	Hồ Chí Minh	2324	51K-924.79	Hồ Chí Minh
325	51K-859.68	Hồ Chí Minh	1325	51K-949.86	Hồ Chí Minh	2325	51K-925.79	Hồ Chí Minh
326	51K-859.69	Hồ Chí Minh	1326	51K-950.00	Hồ Chí Minh	2326	51K-937.66	Hồ Chí Minh
327	51K-860.89	Hồ Chí Minh	1327	51K-953.69	Hồ Chí Minh	2327	51K-937.86	Hồ Chí Minh
328	51K-864.39	Hồ Chí Minh	1328	51K-955.39	Hồ Chí Minh	2328	51K-940.88	Hồ Chí Minh
329	51K-870.00	Hồ Chí Minh	1329	51K-960.39	Hồ Chí Minh	2329	51K-941.86	Hồ Chí Minh
330	51K-871.99	Hồ Chí Minh	1330	51K-960.86	Hồ Chí Minh	2330	51K-942.89	Hồ Chí Minh
331	51K-875.39	Hồ Chí Minh	1331	51K-961.79	Hồ Chí Minh	2331	51K-943.99	Hồ Chí Minh
332	51K-875.69	Hồ Chí Minh	1332	51K-962.68	Hồ Chí Minh	2332	51K-947.88	Hồ Chí Minh
333	51K-875.86	Hồ Chí Minh	1333	51K-967.39	Hồ Chí Minh	2333	51K-951.86	Hồ Chí Minh
334	51K-881.39	Hồ Chí Minh	1334	51K-967.79	Hồ Chí Minh	2334	51K-951.88	Hồ Chí Minh
335	51K-887.69	Hồ Chí Minh	1335	51K-971.89	Hồ Chí Minh	2335	51K-954.66	Hồ Chí Minh
336	51K-890.66	Hồ Chí Minh	1336	51K-975.39	Hồ Chí Minh	2336	51K-956.68	Hồ Chí Minh
337	51K-891.66	Hồ Chí Minh	1337	51L-002.66	Hồ Chí Minh	2337	51K-964.66	Hồ Chí Minh
338	51K-894.86	Hồ Chí Minh	1338	51L-005.86	Hồ Chí Minh	2338	51K-970.66	Hồ Chí Minh
339	51K-901.39	Hồ Chí Minh	1339	51L-010.88	Hồ Chí Minh	2339	51K-971.39	Hồ Chí Minh
340	51K-902.86	Hồ Chí Minh	1340	51L-019.66	Hồ Chí Minh	2340	51K-971.88	Hồ Chí Minh
341	51K-915.99	Hồ Chí Minh	1341	51L-045.79	Hồ Chí Minh	2341	51K-973.89	Hồ Chí Minh
342	51K-916.69	Hồ Chí Minh	1342	51L-067.76	Hồ Chí Minh	2342	51K-974.69	Hồ Chí Minh
343	51K-920.86	Hồ Chí Minh	1343	51L-074.68	Hồ Chí Minh	2343	51K-977.39	Hồ Chí Minh
344	51K-921.79	Hồ Chí Minh	1344	51L-077.11	Hồ Chí Minh	2344	51K-983.79	Hồ Chí Minh
345	51K-924.39	Hồ Chí Minh	1345	51L-094.88	Hồ Chí Minh	2345	51L-004.66	Hồ Chí Minh
346	51K-925.89	Hồ Chí Minh	1346	51L-094.99	Hồ Chí Minh	2346	51L-017.39	Hồ Chí Minh
347	51K-927.39	Hồ Chí Minh	1347	51L-102.69	Hồ Chí Minh	2347	51L-028.86	Hồ Chí Minh
348	51K-928.69	Hồ Chí Minh	1348	51L-103.39	Hồ Chí Minh	2348	51L-044.88	Hồ Chí Minh
349	51K-934.89	Hồ Chí Minh	1349	51L-110.89	Hồ Chí Minh	2349	51L-067.66	Hồ Chí Minh
350	51K-940.00	Hồ Chí Minh	1350	51L-119.39	Hồ Chí Minh	2350	51L-073.66	Hồ Chí Minh
351	51K-942.66	Hồ Chí Minh	1351	51L-120.68	Hồ Chí Minh	2351	51L-075.68	Hồ Chí Minh
352	51K-943.68	Hồ Chí Minh	1352	51L-130.69	Hồ Chí Minh	2352	51L-077.39	Hồ Chí Minh
353	51K-943.86	Hồ Chí Minh	1353	51L-132.22	Hồ Chí Minh	2353	51L-100.69	Hồ Chí Minh
354	51K-946.68	Hồ Chí Minh	1354	51L-147.89	Hồ Chí Minh	2354	51L-114.39	Hồ Chí Minh



Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
355	51K-951.89	Hồ Chí Minh	1355	51L-156.86	Hồ Chí Minh	2355	51L-117.86	Hồ Chí Minh
356	51K-952.99	Hồ Chí Minh	1356	51L-167.69	Hồ Chí Minh	2356	51L-122.69	Hồ Chí Minh
357	51K-953.39	Hồ Chí Minh	1357	51L-178.86	Hồ Chí Minh	2357	51L-124.79	Hồ Chí Minh
358	51K-953.79	Hồ Chí Minh	1358	51L-193.89	Hồ Chí Minh	2358	51L-131.39	Hồ Chí Minh
359	51K-954.89	Hồ Chí Minh	1359	51L-202.86	Hồ Chí Minh	2359	51L-148.79	Hồ Chí Minh
360	51K-955.68	Hồ Chí Minh	1360	51L-205.86	Hồ Chí Minh	2360	51L-173.68	Hồ Chí Minh
361	51K-955.89	Hồ Chí Minh	1361	51L-205.99	Hồ Chí Minh	2361	51L-174.39	Hồ Chí Minh
362	51K-956.39	Hồ Chí Minh	1362	51L-211.77	Hồ Chí Minh	2362	51L-183.99	Hồ Chí Minh
363	51K-960.79	Hồ Chí Minh	1363	51L-233.22	Hồ Chí Minh	2363	51L-192.69	Hồ Chí Minh
364	51K-961.66	Hồ Chí Minh	1364	51L-242.68	Hồ Chí Minh	2364	51L-194.69	Hồ Chí Minh
365	51K-962.86	Hồ Chí Minh	1365	51L-252.66	Hồ Chí Minh	2365	51L-224.99	Hồ Chí Minh
366	51K-970.68	Hồ Chí Minh	1366	51L-261.66	Hồ Chí Minh	2366	51L-233.23	Hồ Chí Minh
367	51K-970.86	Hồ Chí Minh	1367	51L-263.86	Hồ Chí Minh	2367	51L-238.69	Hồ Chí Minh
368	51K-971.69	Hồ Chí Minh	1368	51L-271.66	Hồ Chí Minh	2368	51L-267.66	Hồ Chí Minh
369	51K-972.99	Hồ Chí Minh	1369	51L-276.99	Hồ Chí Minh	2369	51L-271.99	Hồ Chí Minh
370	51K-976.69	Hồ Chí Minh	1370	51L-278.66	Hồ Chí Minh	2370	51L-275.69	Hồ Chí Minh
371	51L-072.39	Hồ Chí Minh	1371	51L-280.68	Hồ Chí Minh	2371	51L-306.06	Hồ Chí Minh
372	51L-072.69	Hồ Chí Minh	1372	51L-286.39	Hồ Chí Minh	2372	51L-315.79	Hồ Chí Minh
373	51L-075.55	Hồ Chí Minh	1373	51L-290.66	Hồ Chí Minh	2373	51L-321.79	Hồ Chí Minh
374	51L-076.88	Hồ Chí Minh	1374	51L-295.99	Hồ Chí Minh	2374	51L-329.23	Hồ Chí Minh
375	51L-103.86	Hồ Chí Minh	1375	51L-300.69	Hồ Chí Minh	2375	51L-335.69	Hồ Chí Minh
376	51L-109.88	Hồ Chí Minh	1376	51L-301.69	Hồ Chí Minh	2376	51L-343.69	Hồ Chí Minh
377	51L-110.66	Hồ Chí Minh	1377	51L-304.99	Hồ Chí Minh	2377	51L-346.89	Hồ Chí Minh
378	51L-117.88	Hồ Chí Minh	1378	51L-334.79	Hồ Chí Minh	2378	51L-350.88	Hồ Chí Minh
379	51L-130.79	Hồ Chí Minh	1379	51L-343.88	Hồ Chí Minh	2379	51L-360.89	Hồ Chí Minh
380	51L-147.99	Hồ Chí Minh	1380	51L-348.79	Hồ Chí Minh	2380	51L-385.69	Hồ Chí Minh
381	51L-150.99	Hồ Chí Minh	1381	51L-348.86	Hồ Chí Minh	2381	51L-399.22	Hồ Chí Minh
382	51L-156.39	Hồ Chí Minh	1382	51L-352.39	Hồ Chí Minh	2382	51L-407.89	Hồ Chí Minh
383	51L-162.88	Hồ Chí Minh	1383	51L-360.86	Hồ Chí Minh	2383	51L-418.66	Hồ Chí Minh
384	51L-167.99	Hồ Chí Minh	1384	51L-371.88	Hồ Chí Minh	2384	51L-421.86	Hồ Chí Minh
385	51L-182.86	Hồ Chí Minh	1385	51L-372.79	Hồ Chí Minh	2385	51L-423.23	Hồ Chí Minh
386	51L-203.89	Hồ Chí Minh	1386	51L-381.79	Hồ Chí Minh	2386	51L-423.99	Hồ Chí Minh
387	51L-209.66	Hồ Chí Minh	1387	51L-401.99	Hồ Chí Minh	2387	51L-430.99	Hồ Chí Minh
388	51L-217.99	Hồ Chí Minh	1388	51L-402.39	Hồ Chí Minh	2388	51L-435.35	Hồ Chí Minh
389	51L-219.98	Hồ Chí Minh	1389	51L-413.31	Hồ Chí Minh	2389	51L-440.69	Hồ Chí Minh
390	51L-247.88	Hồ Chí Minh	1390	51L-416.16	Hồ Chí Minh	2390	51L-443.99	Hồ Chí Minh
391	51L-248.68	Hồ Chí Minh	1391	51L-421.39	Hồ Chí Minh	2391	51L-448.48	Hồ Chí Minh
392	51L-248.86	Hồ Chí Minh	1392	51L-423.79	Hồ Chí Minh	2392	51L-448.79	Hồ Chí Minh
393	51L-248.99	Hồ Chí Minh	1393	51L-424.24	Hồ Chí Minh	2393	51L-458.69	Hồ Chí Minh
394	51L-259.39	Hồ Chí Minh	1394	51L-439.69	Hồ Chí Minh	2394	51L-464.89	Hồ Chí Minh
395	51L-265.89	Hồ Chí Minh	1395	51L-443.68	Hồ Chí Minh	2395	51L-465.86	Hồ Chí Minh
396	51L-267.69	Hồ Chí Minh	1396	51L-452.86	Hồ Chí Minh	2396	51L-470.89	Hồ Chí Minh
397	51L-295.69	Hồ Chí Minh	1397	51L-452.89	Hồ Chí Minh	2397	51L-471.89	Hồ Chí Minh
398	51L-301.86	Hồ Chí Minh	1398	51L-455.68	Hồ Chí Minh	2398	51L-473.99	Hồ Chí Minh
399	51L-306.68	Hồ Chí Minh	1399	51L-457.69	Hồ Chí Minh	2399	51L-476.89	Hồ Chí Minh
400	51L-307.77	Hồ Chí Minh	1400	51L-462.99	Hồ Chí Minh	2400	51L-480.79	Hồ Chí Minh
401	51L-315.86	Hồ Chí Minh	1401	51L-463.69	Hồ Chí Minh	2401	51L-487.77	Hồ Chí Minh
402	51L-325.86	Hồ Chí Minh	1402	51L-466.00	Hồ Chí Minh	2402	51L-488.00	Hồ Chí Minh
403	51L-341.86	Hồ Chí Minh	1403	51L-469.66	Hồ Chí Minh	2403	51L-501.01	Hồ Chí Minh
404	51L-352.35	Hồ Chí Minh	1404	51L-469.88	Hồ Chí Minh	2404	51L-502.66	Hồ Chí Minh
405	51L-352.88	Hồ Chí Minh	1405	51L-476.39	Hồ Chí Minh	2405	51L-521.88	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
406	51L-372.69	Hồ Chí Minh	1406	51L-484.99	Hồ Chí Minh	2406	51L-524.99	Hồ Chí Minh
407	51L-373.66	Hồ Chí Minh	1407	51L-495.99	Hồ Chí Minh	2407	51L-536.79	Hồ Chí Minh
408	51L-381.89	Hồ Chí Minh	1408	51L-496.68	Hồ Chí Minh	2408	51L-541.99	Hồ Chí Minh
409	51L-389.66	Hồ Chí Minh	1409	51L-502.69	Hồ Chí Minh	2409	51L-543.66	Hồ Chí Minh
410	51L-400.86	Hồ Chí Minh	1410	51L-506.88	Hồ Chí Minh	2410	51L-554.45	Hồ Chí Minh
411	51L-402.22	Hồ Chí Minh	1411	51L-508.79	Hồ Chí Minh	2411	51L-554.68	Hồ Chí Minh
412	51L-406.06	Hồ Chí Minh	1412	51L-511.68	Hồ Chí Minh	2412	51L-557.88	Hồ Chí Minh
413	51L-406.60	Hồ Chí Minh	1413	51L-519.98	Hồ Chí Minh	2413	51L-560.06	Hồ Chí Minh
414	51L-408.66	Hồ Chí Minh	1414	51L-520.39	Hồ Chí Minh	2414	51L-561.86	Hồ Chí Minh
415	51L-411.77	Hồ Chí Minh	1415	51L-533.44	Hồ Chí Minh	2415	51L-564.99	Hồ Chí Minh
416	51L-429.29	Hồ Chí Minh	1416	51L-538.86	Hồ Chí Minh	2416	51L-565.69	Hồ Chí Minh
417	51L-438.83	Hồ Chí Minh	1417	51L-548.66	Hồ Chí Minh	2417	51L-566.22	Hồ Chí Minh
418	51L-444.89	Hồ Chí Minh	1418	51L-563.36	Hồ Chí Minh	2418	51L-594.79	Hồ Chí Minh
419	51L-446.99	Hồ Chí Minh	1419	51L-577.78	Hồ Chí Minh	2419	51L-595.66	Hồ Chí Minh
420	51L-452.22	Hồ Chí Minh	1420	51L-594.86	Hồ Chí Minh	2420	51L-600.68	Hồ Chí Minh
421	51L-454.99	Hồ Chí Minh	1421	51L-601.89	Hồ Chí Minh	2421	51L-601.69	Hồ Chí Minh
422	51L-474.74	Hồ Chí Minh	1422	51L-608.89	Hồ Chí Minh	2422	51L-602.02	Hồ Chí Minh
423	51L-481.79	Hồ Chí Minh	1423	51L-617.99	Hồ Chí Minh	2423	51L-604.79	Hồ Chí Minh
424	51L-503.79	Hồ Chí Minh	1424	51L-618.56	Hồ Chí Minh	2424	51L-613.33	Hồ Chí Minh
425	51L-507.66	Hồ Chí Minh	1425	51L-623.24	Hồ Chí Minh	2425	51L-615.68	Hồ Chí Minh
426	51L-507.89	Hồ Chí Minh	1426	51L-623.33	Hồ Chí Minh	2426	51L-619.72	Hồ Chí Minh
427	51L-509.90	Hồ Chí Minh	1427	51L-623.35	Hồ Chí Minh	2427	51L-629.15	Hồ Chí Minh
428	51L-514.39	Hồ Chí Minh	1428	51L-624.39	Hồ Chí Minh	2428	51L-629.68	Hồ Chí Minh
429	51L-520.68	Hồ Chí Minh	1429	51L-625.25	Hồ Chí Minh	2429	51L-631.39	Hồ Chí Minh
430	51L-520.79	Hồ Chí Minh	1430	51L-637.38	Hồ Chí Minh	2430	51L-631.98	Hồ Chí Minh
431	51L-528.39	Hồ Chí Minh	1431	51L-640.88	Hồ Chí Minh	2431	51L-639.63	Hồ Chí Minh
432	51L-533.86	Hồ Chí Minh	1432	51L-642.33	Hồ Chí Minh	2432	51L-647.77	Hồ Chí Minh
433	51L-540.79	Hồ Chí Minh	1433	51L-642.43	Hồ Chí Minh	2433	51L-655.11	Hồ Chí Minh
434	51L-540.89	Hồ Chí Minh	1434	51L-650.50	Hồ Chí Minh	2434	51L-655.15	Hồ Chí Minh
435	51L-545.86	Hồ Chí Minh	1435	51L-652.95	Hồ Chí Minh	2435	51L-657.58	Hồ Chí Minh
436	51L-547.69	Hồ Chí Minh	1436	51L-658.09	Hồ Chí Minh	2436	51L-662.63	Hồ Chí Minh
437	51L-554.44	Hồ Chí Minh	1437	51L-663.98	Hồ Chí Minh	2437	51L-677.83	Hồ Chí Minh
438	51L-572.88	Hồ Chí Minh	1438	51L-664.08	Hồ Chí Minh	2438	51L-678.50	Hồ Chí Minh
439	51L-584.79	Hồ Chí Minh	1439	51L-664.89	Hồ Chí Minh	2439	51L-678.71	Hồ Chí Minh
440	51L-592.29	Hồ Chí Minh	1440	51L-666.50	Hồ Chí Minh	2440	51L-678.83	Hồ Chí Minh
441	51L-593.59	Hồ Chí Minh	1441	51L-669.08	Hồ Chí Minh	2441	51L-680.35	Hồ Chí Minh
442	51L-603.03	Hồ Chí Minh	1442	51L-680.08	Hồ Chí Minh	2442	51L-682.65	Hồ Chí Minh
443	51L-614.41	Hồ Chí Minh	1443	51L-681.99	Hồ Chí Minh	2443	51L-684.35	Hồ Chí Minh
444	51L-618.33	Hồ Chí Minh	1444	51L-682.15	Hồ Chí Minh	2444	51L-691.79	Hồ Chí Minh
445	51L-619.56	Hồ Chí Minh	1445	51L-690.59	Hồ Chí Minh	2445	51L-694.44	Hồ Chí Minh
446	51L-619.97	Hồ Chí Minh	1446	51L-697.35	Hồ Chí Minh	2446	51L-698.66	Hồ Chí Minh
447	51L-623.26	Hồ Chí Minh	1447	51L-700.70	Hồ Chí Minh	2447	51L-698.96	Hồ Chí Minh
448	51L-630.58	Hồ Chí Minh	1448	51L-706.26	Hồ Chí Minh	2448	51L-699.61	Hồ Chí Minh
449	51L-633.55	Hồ Chí Minh	1449	51L-710.89	Hồ Chí Minh	2449	51L-701.23	Hồ Chí Minh
450	51L-636.89	Hồ Chí Minh	1450	51L-712.86	Hồ Chí Minh	2450	51L-706.39	Hồ Chí Minh
451	51L-647.35	Hồ Chí Minh	1451	51L-713.17	Hồ Chí Minh	2451	51L-709.96	Hồ Chí Minh
452	51L-648.48	Hồ Chí Minh	1452	51L-719.74	Hồ Chí Minh	2452	51L-718.81	Hồ Chí Minh
453	51L-648.88	Hồ Chí Minh	1453	51L-726.62	Hồ Chí Minh	2453	51L-720.72	Hồ Chí Minh
454	51L-652.99	Hồ Chí Minh	1454	51L-731.89	Hồ Chí Minh	2454	51L-728.66	Hồ Chí Minh
455	51L-658.59	Hồ Chí Minh	1455	51L-732.36	Hồ Chí Minh	2455	51L-728.72	Hồ Chí Minh
456	51L-661.39	Hồ Chí Minh	1456	51L-734.33	Hồ Chí Minh	2456	51L-733.77	Hồ Chí Minh

ĐI
CƠ
ĐÀ
HỢI
VIỆ
VH X

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
457	51L-664.59	Hồ Chí Minh	1457	51L-739.66	Hồ Chí Minh	2457	51L-736.25	Hồ Chí Minh
458	51L-666.44	Hồ Chí Minh	1458	51L-757.69	Hồ Chí Minh	2458	51L-736.65	Hồ Chí Minh
459	51L-667.44	Hồ Chí Minh	1459	51L-758.89	Hồ Chí Minh	2459	51L-738.79	Hồ Chí Minh
460	51L-669.93	Hồ Chí Minh	1460	51L-759.39	Hồ Chí Minh	2460	51L-740.41	Hồ Chí Minh
461	51L-672.26	Hồ Chí Minh	1461	51L-762.95	Hồ Chí Minh	2461	51L-745.68	Hồ Chí Minh
462	51L-684.39	Hồ Chí Minh	1462	51L-763.85	Hồ Chí Minh	2462	51L-751.38	Hồ Chí Minh
463	51L-697.36	Hồ Chí Minh	1463	51L-765.25	Hồ Chí Minh	2463	51L-762.09	Hồ Chí Minh
464	51L-698.65	Hồ Chí Minh	1464	51L-767.83	Hồ Chí Minh	2464	51L-763.38	Hồ Chí Minh
465	51L-702.39	Hồ Chí Minh	1465	51L-768.67	Hồ Chí Minh	2465	51L-768.28	Hồ Chí Minh
466	51L-705.50	Hồ Chí Minh	1466	51L-769.86	Hồ Chí Minh	2466	51L-770.39	Hồ Chí Minh
467	51L-712.71	Hồ Chí Minh	1467	51L-771.66	Hồ Chí Minh	2467	51L-770.95	Hồ Chí Minh
468	51L-716.89	Hồ Chí Minh	1468	51L-777.06	Hồ Chí Minh	2468	51L-772.55	Hồ Chí Minh
469	51L-718.68	Hồ Chí Minh	1469	51L-777.09	Hồ Chí Minh	2469	51L-777.08	Hồ Chí Minh
470	51L-721.66	Hồ Chí Minh	1470	51L-780.85	Hồ Chí Minh	2470	51L-777.65	Hồ Chí Minh
471	51L-726.19	Hồ Chí Minh	1471	51L-781.83	Hồ Chí Minh	2471	51L-778.83	Hồ Chí Minh
472	51L-726.35	Hồ Chí Minh	1472	51L-781.95	Hồ Chí Minh	2472	51L-783.00	Hồ Chí Minh
473	51L-727.28	Hồ Chí Minh	1473	51L-784.99	Hồ Chí Minh	2473	51L-784.79	Hồ Chí Minh
474	51L-730.55	Hồ Chí Minh	1474	51L-785.22	Hồ Chí Minh	2474	51L-788.39	Hồ Chí Minh
475	51L-733.55	Hồ Chí Minh	1475	51L-786.65	Hồ Chí Minh	2475	51L-789.07	Hồ Chí Minh
476	51L-742.24	Hồ Chí Minh	1476	51L-791.97	Hồ Chí Minh	2476	51L-790.33	Hồ Chí Minh
477	51L-742.74	Hồ Chí Minh	1477	51L-796.11	Hồ Chí Minh	2477	51L-792.89	Hồ Chí Minh
478	51L-749.68	Hồ Chí Minh	1478	51L-805.16	Hồ Chí Minh	2478	51L-799.94	Hồ Chí Minh
479	51L-750.36	Hồ Chí Minh	1479	51L-807.66	Hồ Chí Minh	2479	51L-800.69	Hồ Chí Minh
480	51L-756.28	Hồ Chí Minh	1480	51L-809.44	Hồ Chí Minh	2480	51L-802.02	Hồ Chí Minh
481	51L-758.39	Hồ Chí Minh	1481	51L-810.58	Hồ Chí Minh	2481	51L-804.79	Hồ Chí Minh
482	51L-759.57	Hồ Chí Minh	1482	51L-811.55	Hồ Chí Minh	2482	51L-805.05	Hồ Chí Minh
483	51L-767.33	Hồ Chí Minh	1483	51L-816.86	Hồ Chí Minh	2483	51L-808.83	Hồ Chí Minh
484	51L-770.89	Hồ Chí Minh	1484	51L-818.06	Hồ Chí Minh	2484	51L-813.28	Hồ Chí Minh
485	51L-772.73	Hồ Chí Minh	1485	51L-820.20	Hồ Chí Minh	2485	51L-814.14	Hồ Chí Minh
486	51L-776.28	Hồ Chí Minh	1486	51L-822.96	Hồ Chí Minh	2486	51L-820.39	Hồ Chí Minh
487	51L-784.78	Hồ Chí Minh	1487	51L-831.33	Hồ Chí Minh	2487	51L-823.19	Hồ Chí Minh
488	51L-791.11	Hồ Chí Minh	1488	51L-848.79	Hồ Chí Minh	2488	51L-825.59	Hồ Chí Minh
489	51L-791.91	Hồ Chí Minh	1489	51L-855.29	Hồ Chí Minh	2489	51L-829.65	Hồ Chí Minh
490	51L-792.29	Hồ Chí Minh	1490	51L-856.85	Hồ Chí Minh	2490	51L-838.06	Hồ Chí Minh
491	51L-793.36	Hồ Chí Minh	1491	51L-858.96	Hồ Chí Minh	2491	51L-844.48	Hồ Chí Minh
492	51L-795.25	Hồ Chí Minh	1492	51L-859.18	Hồ Chí Minh	2492	51L-849.48	Hồ Chí Minh
493	51L-795.86	Hồ Chí Minh	1493	51L-867.19	Hồ Chí Minh	2493	51L-861.96	Hồ Chí Minh
494	51L-803.59	Hồ Chí Minh	1494	51L-867.81	Hồ Chí Minh	2494	51L-865.25	Hồ Chí Minh
495	51L-809.08	Hồ Chí Minh	1495	51L-868.06	Hồ Chí Minh	2495	51L-866.00	Hồ Chí Minh
496	51L-809.38	Hồ Chí Minh	1496	51L-870.69	Hồ Chí Minh	2496	51L-871.87	Hồ Chí Minh
497	51L-809.97	Hồ Chí Minh	1497	51L-872.15	Hồ Chí Minh	2497	51L-872.79	Hồ Chí Minh
498	51L-814.44	Hồ Chí Minh	1498	51L-872.69	Hồ Chí Minh	2498	51L-881.26	Hồ Chí Minh
499	51L-814.79	Hồ Chí Minh	1499	51L-875.66	Hồ Chí Minh	2499	51L-882.39	Hồ Chí Minh
500	51L-819.60	Hồ Chí Minh	1500	51L-880.66	Hồ Chí Minh	2500	51L-887.96	Hồ Chí Minh
501	51L-822.65	Hồ Chí Minh	1501	51L-885.26	Hồ Chí Minh	2501	51L-889.83	Hồ Chí Minh
502	51L-830.39	Hồ Chí Minh	1502	51L-886.78	Hồ Chí Minh	2502	51L-890.55	Hồ Chí Minh
503	51L-838.15	Hồ Chí Minh	1503	51L-889.16	Hồ Chí Minh	2503	51L-890.91	Hồ Chí Minh
504	51L-839.33	Hồ Chí Minh	1504	51L-892.79	Hồ Chí Minh	2504	51L-892.86	Hồ Chí Minh
505	51L-839.98	Hồ Chí Minh	1505	11A-124.89	Cao Bằng	2505	51L-893.25	Hồ Chí Minh
506	51L-847.47	Hồ Chí Minh	1506	11C-085.85	Cao Bằng	2506	11A-122.11	Cao Bằng
507	51L-848.25	Hồ Chí Minh	1507	12A-220.00	Lạng Sơn	2507	11A-129.21	Cao Bằng

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
508	51L-850.09	Hồ Chí Minh	1508	12A-222.11	Lạng Sơn	2508	11C-081.89	Cao Bằng
509	51L-852.00	Hồ Chí Minh	1509	12A-222.37	Lạng Sơn	2509	12A-215.88	Lạng Sơn
510	51L-852.88	Hồ Chí Minh	1510	12B-012.68	Lạng Sơn	2510	12A-255.79	Lạng Sơn
511	51L-852.96	Hồ Chí Minh	1511	12C-138.38	Lạng Sơn	2511	14A-791.39	Quảng Ninh
512	51L-865.39	Hồ Chí Minh	1512	14A-823.79	Quảng Ninh	2512	14A-797.66	Quảng Ninh
513	51L-869.35	Hồ Chí Minh	1513	14A-833.44	Quảng Ninh	2513	14A-800.44	Quảng Ninh
514	51L-873.16	Hồ Chí Minh	1514	14A-854.68	Quảng Ninh	2514	14A-814.14	Quảng Ninh
515	11A-114.99	Cao Bằng	1515	14A-879.69	Quảng Ninh	2515	14A-825.69	Quảng Ninh
516	12A-260.69	Lạng Sơn	1516	14A-911.22	Quảng Ninh	2516	14A-825.79	Quảng Ninh
517	12C-137.66	Lạng Sơn	1517	14A-915.86	Quảng Ninh	2517	14A-854.88	Quảng Ninh
518	14A-875.69	Quảng Ninh	1518	14A-921.79	Quảng Ninh	2518	14A-855.11	Quảng Ninh
519	14A-915.39	Quảng Ninh	1519	14A-958.79	Quảng Ninh	2519	14A-872.79	Quảng Ninh
520	14A-930.03	Quảng Ninh	1520	14B-051.66	Quảng Ninh	2520	14A-915.66	Quảng Ninh
521	14A-953.86	Quảng Ninh	1521	15K-143.99	Hải Phòng	2521	14A-980.98	Quảng Ninh
522	15K-144.88	Hải Phòng	1522	15K-148.39	Hải Phòng	2522	14D-028.89	Quảng Ninh
523	15K-153.89	Hải Phòng	1523	15K-149.39	Hải Phòng	2523	15K-147.66	Hải Phòng
524	15K-171.39	Hải Phòng	1524	15K-160.68	Hải Phòng	2524	15K-174.39	Hải Phòng
525	15K-307.79	Hải Phòng	1525	15K-175.99	Hải Phòng	2525	15K-178.68	Hải Phòng
526	15K-307.99	Hải Phòng	1526	15K-185.69	Hải Phòng	2526	15K-187.86	Hải Phòng
527	15K-311.13	Hải Phòng	1527	15K-244.89	Hải Phòng	2527	15K-193.86	Hải Phòng
528	15K-311.89	Hải Phòng	1528	15K-278.86	Hải Phòng	2528	15K-245.69	Hải Phòng
529	15K-337.86	Hải Phòng	1529	15K-279.66	Hải Phòng	2529	15K-294.99	Hải Phòng
530	15K-342.43	Hải Phòng	1530	15K-317.68	Hải Phòng	2530	15K-300.66	Hải Phòng
531	15K-358.53	Hải Phòng	1531	15K-403.04	Hải Phòng	2531	15K-308.79	Hải Phòng
532	15K-366.22	Hải Phòng	1532	15K-407.86	Hải Phòng	2532	15K-311.69	Hải Phòng
533	15K-403.30	Hải Phòng	1533	15K-410.88	Hải Phòng	2533	15K-317.71	Hải Phòng
534	15K-410.14	Hải Phòng	1534	15K-413.14	Hải Phòng	2534	15K-317.86	Hải Phòng
535	15K-417.71	Hải Phòng	1535	15K-415.41	Hải Phòng	2535	15K-322.79	Hải Phòng
536	15K-419.71	Hải Phòng	1536	15K-417.99	Hải Phòng	2536	15K-329.33	Hải Phòng
537	17A-375.79	Thái Bình	1537	15K-420.20	Hải Phòng	2537	15K-366.55	Hải Phòng
538	17A-442.66	Thái Bình	1538	17A-430.03	Thái Bình	2538	15K-400.01	Hải Phòng
539	17A-461.69	Thái Bình	1539	17A-442.42	Thái Bình	2539	15K-404.66	Hải Phòng
540	17A-466.33	Thái Bình	1540	17A-442.99	Thái Bình	2540	15K-412.41	Hải Phòng
541	17A-489.88	Thái Bình	1541	17A-470.70	Thái Bình	2541	15K-419.97	Hải Phòng
542	17B-026.79	Thái Bình	1542	17A-484.39	Thái Bình	2542	17A-411.88	Thái Bình
543	17B-028.79	Thái Bình	1543	17A-487.39	Thái Bình	2543	17A-432.23	Thái Bình
544	17C-212.79	Thái Bình	1544	17C-211.68	Thái Bình	2544	17A-459.66	Thái Bình
545	18A-400.55	Nam Định	1545	18A-382.69	Nam Định	2545	17A-474.68	Thái Bình
546	18A-421.11	Nam Định	1546	18A-404.39	Nam Định	2546	17A-490.86	Thái Bình
547	18A-442.88	Nam Định	1547	18A-428.39	Nam Định	2547	18A-473.39	Nam Định
548	18A-450.79	Nam Định	1548	18A-435.88	Nam Định	2548	18A-473.89	Nam Định
549	18A-463.33	Nam Định	1549	18A-437.37	Nam Định	2549	18A-480.00	Nam Định
550	18A-477.44	Nam Định	1550	18A-445.86	Nam Định	2550	18B-029.29	Nam Định
551	18A-485.89	Nam Định	1551	18A-450.00	Nam Định	2551	19A-550.99	Phú Thọ
552	18C-167.88	Nam Định	1552	18A-465.99	Nam Định	2552	19A-621.86	Phú Thọ
553	19A-536.79	Phú Thọ	1553	18A-486.89	Nam Định	2553	19A-629.86	Phú Thọ
554	19A-537.99	Phú Thọ	1554	18A-487.78	Nam Định	2554	19A-646.88	Phú Thọ
555	19A-577.00	Phú Thọ	1555	19A-553.69	Phú Thọ	2555	19A-647.66	Phú Thọ
556	19A-580.08	Phú Thọ	1556	19A-559.86	Phú Thọ	2556	19A-649.69	Phú Thọ
557	19A-610.69	Phú Thọ	1557	19A-563.66	Phú Thọ	2557	19A-660.06	Phú Thọ
558	19A-662.89	Phú Thọ	1558	19A-574.88	Phú Thọ	2558	19A-682.99	Phú Thọ



Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
559	19A-672.79	Phú Thọ	1559	19A-575.75	Phú Thọ	2559	19C-252.99	Phú Thọ
560	19A-677.86	Phú Thọ	1560	19A-580.80	Phú Thọ	2560	19C-263.33	Phú Thọ
561	19A-681.89	Phú Thọ	1561	19A-582.66	Phú Thọ	2561	19D-016.89	Phú Thọ
562	19A-699.77	Phú Thọ	1562	19A-587.88	Phú Thọ	2562	20A-672.88	Thái Nguyên
563	19C-257.86	Phú Thọ	1563	19A-600.89	Phú Thọ	2563	20A-745.55	Thái Nguyên
564	19C-259.79	Phú Thọ	1564	19A-641.88	Phú Thọ	2564	20A-770.39	Thái Nguyên
565	19C-262.89	Phú Thọ	1565	19A-642.66	Phú Thọ	2565	20A-810.88	Thái Nguyên
566	19D-013.13	Phú Thọ	1566	19A-651.89	Phú Thọ	2566	20A-820.00	Thái Nguyên
567	20A-719.86	Thái Nguyên	1567	19A-652.56	Phú Thọ	2567	20A-847.68	Thái Nguyên
568	20A-758.66	Thái Nguyên	1568	19A-666.28	Phú Thọ	2568	20A-855.00	Thái Nguyên
569	20A-766.89	Thái Nguyên	1569	19A-690.88	Phú Thọ	2569	20B-033.79	Thái Nguyên
570	20A-783.83	Thái Nguyên	1570	19A-712.12	Phú Thọ	2570	20C-297.69	Thái Nguyên
571	20A-800.89	Thái Nguyên	1571	20A-678.39	Thái Nguyên	2571	20C-309.39	Thái Nguyên
572	20A-829.69	Thái Nguyên	1572	20A-712.86	Thái Nguyên	2572	21A-171.88	Yên Bái
573	20B-032.66	Thái Nguyên	1573	20A-712.99	Thái Nguyên	2573	21A-181.11	Yên Bái
574	21A-210.99	Yên Bái	1574	20A-759.88	Thái Nguyên	2574	22A-209.68	Tuyên Quang
575	21A-214.66	Yên Bái	1575	20A-771.99	Thái Nguyên	2575	22A-233.44	Tuyên Quang
576	21C-111.13	Yên Bái	1576	20A-780.79	Thái Nguyên	2576	22A-242.66	Tuyên Quang
577	22A-203.89	Tuyên Quang	1577	20A-784.69	Thái Nguyên	2577	22A-267.86	Tuyên Quang
578	22A-218.79	Tuyên Quang	1578	20A-789.39	Thái Nguyên	2578	22B-015.55	Tuyên Quang
579	22A-226.89	Tuyên Quang	1579	20A-790.09	Thái Nguyên	2579	22C-112.12	Tuyên Quang
580	22A-236.36	Tuyên Quang	1580	20A-793.86	Thái Nguyên	2580	23A-134.39	Hà Giang
581	22A-236.63	Tuyên Quang	1581	20A-819.74	Thái Nguyên	2581	23A-148.66	Hà Giang
582	22A-238.86	Tuyên Quang	1582	20A-835.36	Thái Nguyên	2582	23A-148.84	Hà Giang
583	22A-245.79	Tuyên Quang	1583	20A-854.55	Thái Nguyên	2583	24A-244.55	Lào Cai
584	22A-248.48	Tuyên Quang	1584	20A-855.86	Thái Nguyên	2584	24A-284.69	Lào Cai
585	22A-249.89	Tuyên Quang	1585	21A-202.89	Yên Bái	2585	24A-290.88	Lào Cai
586	22A-257.66	Tuyên Quang	1586	21A-207.88	Yên Bái	2586	24A-302.02	Lào Cai
587	22A-265.65	Tuyên Quang	1587	22A-204.99	Tuyên Quang	2587	24A-311.69	Lào Cai
588	22C-111.88	Tuyên Quang	1588	22A-205.99	Tuyên Quang	2588	24A-312.88	Lào Cai
589	24A-270.69	Lào Cai	1589	22A-211.79	Tuyên Quang	2589	25A-083.08	Lai Châu
590	24A-281.68	Lào Cai	1590	22A-234.44	Tuyên Quang	2590	26A-198.66	Sơn La
591	24A-308.89	Lào Cai	1591	22A-248.79	Tuyên Quang	2591	26A-201.99	Sơn La
592	24A-309.68	Lào Cai	1592	23A-138.79	Hà Giang	2592	26A-209.69	Sơn La
593	24B-018.18	Lào Cai	1593	23A-156.68	Hà Giang	2593	26A-210.39	Sơn La
594	25A-071.17	Lai Châu	1594	23A-159.69	Hà Giang	2594	26A-223.32	Sơn La
595	25C-056.86	Lai Châu	1595	24A-251.86	Lào Cai	2595	26D-011.88	Sơn La
596	26A-212.99	Sơn La	1596	24A-266.55	Lào Cai	2596	27A-101.79	Điện Biên
597	26A-222.05	Sơn La	1597	24A-294.94	Lào Cai	2597	27A-105.88	Điện Biên
598	27A-106.69	Điện Biên	1598	24A-300.55	Lào Cai	2598	27A-112.79	Điện Biên
599	28A-210.39	Hòa Bình	1599	24A-302.20	Lào Cai	2599	27B-012.68	Điện Biên
600	28A-238.38	Hòa Bình	1600	24A-306.79	Lào Cai	2600	28A-200.00	Hòa Bình
601	29B-651.69	Hà Nội	1601	25A-071.88	Lai Châu	2601	28A-228.66	Hòa Bình
602	29D-607.79	Hà Nội	1602	25A-084.39	Lai Châu	2602	28A-230.66	Hòa Bình
603	29D-609.86	Hà Nội	1603	25C-056.99	Lai Châu	2603	28A-244.77	Hòa Bình
604	29D-613.66	Hà Nội	1604	26A-180.99	Sơn La	2604	28A-251.11	Hòa Bình
605	29D-617.88	Hà Nội	1605	26A-185.69	Sơn La	2605	29D-608.66	Hà Nội
606	29K-225.89	Hà Nội	1606	26A-186.99	Sơn La	2606	29K-222.17	Hà Nội
607	29K-227.66	Hà Nội	1607	26A-195.86	Sơn La	2607	29K-225.88	Hà Nội
608	29K-230.88	Hà Nội	1608	26A-200.22	Sơn La	2608	29K-236.68	Hà Nội
609	29K-249.86	Hà Nội	1609	26A-203.03	Sơn La	2609	29K-241.41	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
610	29K-265.79	Hà Nội	1610	26A-210.66	Sơn La	2610	29K-246.99	Hà Nội
611	29K-266.77	Hà Nội	1611	26A-213.33	Sơn La	2611	29K-247.79	Hà Nội
612	29K-272.27	Hà Nội	1612	26A-231.79	Sơn La	2612	29K-247.86	Hà Nội
613	29K-274.74	Hà Nội	1613	26D-012.79	Sơn La	2613	29K-248.99	Hà Nội
614	29K-276.66	Hà Nội	1614	27A-103.69	Điện Biên	2614	29K-253.86	Hà Nội
615	29K-290.88	Hà Nội	1615	27A-113.86	Điện Biên	2615	29K-254.88	Hà Nội
616	29K-310.99	Hà Nội	1616	27A-122.44	Điện Biên	2616	29K-255.44	Hà Nội
617	29K-313.89	Hà Nội	1617	27B-011.69	Điện Biên	2617	29K-276.89	Hà Nội
618	29K-315.66	Hà Nội	1618	27C-073.68	Điện Biên	2618	29K-279.68	Hà Nội
619	29K-319.76	Hà Nội	1619	28A-222.86	Hòa Bình	2619	29K-281.28	Hà Nội
620	34A-725.86	Hải Dương	1620	29D-607.66	Hà Nội	2620	29K-282.88	Hà Nội
621	34A-730.89	Hải Dương	1621	29D-611.11	Hà Nội	2621	29K-283.82	Hà Nội
622	34A-734.69	Hải Dương	1622	29D-611.99	Hà Nội	2622	29K-285.55	Hà Nội
623	34A-741.69	Hải Dương	1623	29D-612.12	Hà Nội	2623	29K-285.66	Hà Nội
624	34A-751.88	Hải Dương	1624	29D-617.69	Hà Nội	2624	29K-299.66	Hà Nội
625	34A-763.86	Hải Dương	1625	29K-221.11	Hà Nội	2625	29K-311.88	Hà Nội
626	34A-778.86	Hải Dương	1626	29K-224.22	Hà Nội	2626	29K-319.97	Hà Nội
627	34A-782.86	Hải Dương	1627	29K-250.99	Hà Nội	2627	29K-320.32	Hà Nội
628	34A-809.86	Hải Dương	1628	29K-259.39	Hà Nội	2628	34A-700.39	Hải Dương
629	34A-820.86	Hải Dương	1629	29K-259.66	Hà Nội	2629	34A-713.69	Hải Dương
630	34A-857.99	Hải Dương	1630	29K-259.68	Hà Nội	2630	34A-739.68	Hải Dương
631	34A-877.22	Hải Dương	1631	29K-260.88	Hà Nội	2631	34A-764.46	Hải Dương
632	34A-894.49	Hải Dương	1632	29K-280.08	Hà Nội	2632	34A-785.86	Hải Dương
633	35A-353.66	Ninh Bình	1633	29K-286.28	Hà Nội	2633	34A-802.99	Hải Dương
634	35A-378.89	Ninh Bình	1634	29K-286.69	Hà Nội	2634	34A-827.99	Hải Dương
635	35A-412.22	Ninh Bình	1635	29K-294.88	Hà Nội	2635	34A-860.66	Hải Dương
636	35A-417.77	Ninh Bình	1636	29K-312.13	Hà Nội	2636	34A-877.55	Hải Dương
637	35A-419.19	Ninh Bình	1637	29K-317.88	Hà Nội	2637	34A-917.77	Hải Dương
638	35A-420.00	Ninh Bình	1638	34A-700.88	Hải Dương	2638	34D-037.99	Hải Dương
639	35A-421.88	Ninh Bình	1639	34A-705.99	Hải Dương	2639	35A-371.66	Ninh Bình
640	35A-429.89	Ninh Bình	1640	34A-712.66	Hải Dương	2640	35A-413.66	Ninh Bình
641	35A-459.88	Ninh Bình	1641	34A-714.14	Hải Dương	2641	35A-422.68	Ninh Bình
642	35D-013.89	Ninh Bình	1642	34A-723.23	Hải Dương	2642	35A-442.79	Ninh Bình
643	35D-015.39	Ninh Bình	1643	34A-744.55	Hải Dương	2643	35A-443.43	Ninh Bình
644	36A-946.99	Thanh Hóa	1644	34A-752.69	Hải Dương	2644	35A-448.89	Ninh Bình
645	36A-980.69	Thanh Hóa	1645	34A-752.79	Hải Dương	2645	35A-451.99	Ninh Bình
646	36D-025.55	Thanh Hóa	1646	34A-756.65	Hải Dương	2646	35A-461.86	Ninh Bình
647	36K-040.39	Thanh Hóa	1647	34A-773.66	Hải Dương	2647	36A-948.66	Thanh Hóa
648	36K-044.11	Thanh Hóa	1648	34A-796.79	Hải Dương	2648	36A-964.89	Thanh Hóa
649	36K-045.69	Thanh Hóa	1649	34A-808.89	Hải Dương	2649	36A-974.66	Thanh Hóa
650	36K-053.89	Thanh Hóa	1650	34A-811.86	Hải Dương	2650	36C-517.69	Thanh Hóa
651	36K-076.79	Thanh Hóa	1651	34A-820.20	Hải Dương	2651	36C-518.39	Thanh Hóa
652	36K-090.86	Thanh Hóa	1652	34A-820.39	Hải Dương	2652	36C-518.66	Thanh Hóa
653	36K-120.86	Thanh Hóa	1653	34A-830.30	Hải Dương	2653	36C-518.86	Thanh Hóa
654	36K-151.51	Thanh Hóa	1654	34A-831.88	Hải Dương	2654	36K-006.99	Thanh Hóa
655	36K-153.35	Thanh Hóa	1655	34A-844.11	Hải Dương	2655	36K-016.89	Thanh Hóa
656	36K-164.66	Thanh Hóa	1656	34A-864.65	Hải Dương	2656	36K-017.99	Thanh Hóa
657	36K-172.89	Thanh Hóa	1657	34A-866.33	Hải Dương	2657	36K-022.79	Thanh Hóa
658	36K-185.79	Thanh Hóa	1658	34A-866.67	Hải Dương	2658	36K-041.79	Thanh Hóa
659	36K-194.44	Thanh Hóa	1659	34A-871.66	Hải Dương	2659	36K-041.86	Thanh Hóa
660	36K-207.07	Thanh Hóa	1660	34A-873.37	Hải Dương	2660	36K-046.46	Thanh Hóa

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
661	36K-215.88	Thanh Hóa	1661	34A-882.83	Hải Dương	2661	36K-057.57	Thanh Hóa
662	37K-202.69	Nghệ An	1662	35A-416.99	Ninh Bình	2662	36K-090.66	Thanh Hóa
663	37K-232.69	Nghệ An	1663	35A-422.44	Ninh Bình	2663	36K-109.09	Thanh Hóa
664	37K-244.86	Nghệ An	1664	35A-435.53	Ninh Bình	2664	36K-112.39	Thanh Hóa
665	37K-247.39	Nghệ An	1665	35A-448.48	Ninh Bình	2665	36K-114.39	Thanh Hóa
666	37K-291.69	Nghệ An	1666	35A-461.46	Ninh Bình	2666	36K-115.86	Thanh Hóa
667	37K-325.39	Nghệ An	1667	35B-021.39	Ninh Bình	2667	36K-121.68	Thanh Hóa
668	37K-344.22	Nghệ An	1668	36A-940.68	Thanh Hóa	2668	36K-157.69	Thanh Hóa
669	37K-407.99	Nghệ An	1669	36C-512.86	Thanh Hóa	2669	36K-165.55	Thanh Hóa
670	37K-409.88	Nghệ An	1670	36K-004.44	Thanh Hóa	2670	36K-174.88	Thanh Hóa
671	37K-440.04	Nghệ An	1671	36K-025.88	Thanh Hóa	2671	36K-227.22	Thanh Hóa
672	37K-445.45	Nghệ An	1672	36K-026.89	Thanh Hóa	2672	37K-193.88	Nghệ An
673	37K-460.79	Nghệ An	1673	36K-027.68	Thanh Hóa	2673	37K-202.88	Nghệ An
674	38A-552.69	Hà Tĩnh	1674	36K-041.66	Thanh Hóa	2674	37K-207.07	Nghệ An
675	38A-553.88	Hà Tĩnh	1675	36K-052.86	Thanh Hóa	2675	37K-234.44	Nghệ An
676	38A-602.99	Hà Tĩnh	1676	36K-056.79	Thanh Hóa	2676	37K-285.89	Nghệ An
677	38A-621.99	Hà Tĩnh	1677	36K-064.79	Thanh Hóa	2677	37K-323.39	Nghệ An
678	38A-641.11	Hà Tĩnh	1678	36K-065.39	Thanh Hóa	2678	37K-346.64	Nghệ An
679	38C-232.23	Hà Tĩnh	1679	36K-065.99	Thanh Hóa	2679	37K-372.66	Nghệ An
680	43A-841.41	Đà Nẵng	1680	36K-074.79	Thanh Hóa	2680	37K-403.69	Nghệ An
681	43A-867.39	Đà Nẵng	1681	36K-082.68	Thanh Hóa	2681	37K-414.15	Nghệ An
682	43A-883.89	Đà Nẵng	1682	36K-091.86	Thanh Hóa	2682	37K-425.24	Nghệ An
683	43A-895.99	Đà Nẵng	1683	36K-105.39	Thanh Hóa	2683	37K-453.53	Nghệ An
684	43A-902.09	Đà Nẵng	1684	36K-219.88	Thanh Hóa	2684	37K-458.86	Nghệ An
685	43A-906.06	Đà Nẵng	1685	37K-189.79	Nghệ An	2685	37K-471.89	Nghệ An
686	43A-930.79	Đà Nẵng	1686	37K-195.89	Nghệ An	2686	37K-473.88	Nghệ An
687	43A-933.34	Đà Nẵng	1687	37K-205.39	Nghệ An	2687	38A-532.79	Hà Tĩnh
688	43A-940.00	Đà Nẵng	1688	37K-207.89	Nghệ An	2688	38A-554.39	Hà Tĩnh
689	43C-305.39	Đà Nẵng	1689	37K-211.69	Nghệ An	2689	38A-598.69	Hà Tĩnh
690	43C-306.39	Đà Nẵng	1690	37K-240.69	Nghệ An	2690	38A-614.69	Hà Tĩnh
691	43C-309.89	Đà Nẵng	1691	37K-254.79	Nghệ An	2691	38A-637.38	Hà Tĩnh
692	47A-604.04	Đắk Lắk	1692	37K-270.99	Nghệ An	2692	38A-637.39	Hà Tĩnh
693	47A-611.86	Đắk Lắk	1693	37K-342.68	Nghệ An	2693	38A-657.79	Hà Tĩnh
694	47A-617.39	Đắk Lắk	1694	37K-358.69	Nghệ An	2694	43A-764.68	Đà Nẵng
695	47A-659.68	Đắk Lắk	1695	37K-364.46	Nghệ An	2695	43A-771.68	Đà Nẵng
696	47A-702.89	Đắk Lắk	1696	37K-374.69	Nghệ An	2696	43A-776.99	Đà Nẵng
697	47A-717.39	Đắk Lắk	1697	37K-386.39	Nghệ An	2697	43A-778.39	Đà Nẵng
698	47A-717.66	Đắk Lắk	1698	37K-387.86	Nghệ An	2698	43A-786.89	Đà Nẵng
699	47A-735.89	Đắk Lắk	1699	37K-388.55	Nghệ An	2699	43A-807.68	Đà Nẵng
700	47A-740.66	Đắk Lắk	1700	37K-402.89	Nghệ An	2700	43A-826.26	Đà Nẵng
701	47A-747.68	Đắk Lắk	1701	37K-407.77	Nghệ An	2701	43A-829.69	Đà Nẵng
702	47A-761.79	Đắk Lắk	1702	37K-421.66	Nghệ An	2702	43A-836.99	Đà Nẵng
703	47A-765.88	Đắk Lắk	1703	37K-422.23	Nghệ An	2703	43A-875.75	Đà Nẵng
704	47A-782.83	Đắk Lắk	1704	37K-423.86	Nghệ An	2704	43A-884.44	Đà Nẵng
705	47A-807.77	Đắk Lắk	1705	37K-444.12	Nghệ An	2705	43A-884.68	Đà Nẵng
706	47A-813.31	Đắk Lắk	1706	37K-448.49	Nghệ An	2706	43A-894.89	Đà Nẵng
707	47C-382.82	Đắk Lắk	1707	37K-451.39	Nghệ An	2707	43A-913.13	Đà Nẵng
708	47C-385.69	Đắk Lắk	1708	37K-471.79	Nghệ An	2708	43A-926.99	Đà Nẵng
709	47C-386.79	Đắk Lắk	1709	38A-590.90	Hà Tĩnh	2709	43B-062.62	Đà Nẵng
710	47D-015.88	Đắk Lắk	1710	38A-623.99	Hà Tĩnh	2710	47A-627.66	Đắk Lắk
711	48A-198.98	Đắk Nông	1711	38A-632.89	Hà Tĩnh	2711	47A-657.68	Đắk Lắk

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
712	48A-205.86	Đắk Nông	1712	38B-021.86	Hà Tĩnh	2712	47A-659.95	Đắk Lắk
713	48A-233.69	Đắk Nông	1713	38C-239.39	Hà Tĩnh	2713	47A-683.69	Đắk Lắk
714	48A-233.89	Đắk Nông	1714	38C-239.79	Hà Tĩnh	2714	47A-721.88	Đắk Lắk
715	48C-111.55	Đắk Nông	1715	38D-016.69	Hà Tĩnh	2715	47A-723.32	Đắk Lắk
716	49A-648.88	Lâm Đồng	1716	43A-800.66	Đà Nẵng	2716	47A-725.86	Đắk Lắk
717	49A-692.66	Lâm Đồng	1717	43A-802.22	Đà Nẵng	2717	47A-737.39	Đắk Lắk
718	49A-710.10	Lâm Đồng	1718	43A-821.89	Đà Nẵng	2718	47A-739.86	Đắk Lắk
719	49A-717.39	Lâm Đồng	1719	43A-835.39	Đà Nẵng	2719	47A-744.39	Đắk Lắk
720	49A-730.00	Lâm Đồng	1720	43A-842.22	Đà Nẵng	2720	47A-744.55	Đắk Lắk
721	49A-742.68	Lâm Đồng	1721	43A-855.33	Đà Nẵng	2721	47A-746.39	Đắk Lắk
722	49C-376.66	Lâm Đồng	1722	43A-855.44	Đà Nẵng	2722	47A-748.69	Đắk Lắk
723	51D-836.66	Hồ Chí Minh	1723	43A-899.44	Đà Nẵng	2723	47A-760.89	Đắk Lắk
724	51D-888.84	Hồ Chí Minh	1724	43A-924.25	Đà Nẵng	2724	47A-771.86	Đắk Lắk
725	51D-892.66	Hồ Chí Minh	1725	43A-926.29	Đà Nẵng	2725	47A-793.94	Đắk Lắk
726	51E-332.22	Hồ Chí Minh	1726	43B-061.66	Đà Nẵng	2726	47C-382.66	Đắk Lắk
727	51E-333.38	Hồ Chí Minh	1727	43C-307.39	Đà Nẵng	2727	48A-193.68	Đắk Nông
728	51E-337.69	Hồ Chí Minh	1728	43C-308.99	Đà Nẵng	2728	48A-195.79	Đắk Nông
729	51M-013.66	Hồ Chí Minh	1729	43C-311.22	Đà Nẵng	2729	48A-205.55	Đắk Nông
730	51M-014.01	Hồ Chí Minh	1730	47A-640.86	Đắk Lắk	2730	48A-213.69	Đắk Nông
731	51M-015.51	Hồ Chí Minh	1731	47A-677.44	Đắk Lắk	2731	48A-215.88	Đắk Nông
732	51M-017.10	Hồ Chí Minh	1732	47A-678.66	Đắk Lắk	2732	48A-217.86	Đắk Nông
733	51M-018.19	Hồ Chí Minh	1733	47A-692.88	Đắk Lắk	2733	48A-219.96	Đắk Nông
734	51M-028.86	Hồ Chí Minh	1734	47A-724.66	Đắk Lắk	2734	48A-221.68	Đắk Nông
735	51M-031.03	Hồ Chí Minh	1735	47A-730.39	Đắk Lắk	2735	48A-221.69	Đắk Nông
736	51M-037.89	Hồ Chí Minh	1736	47A-747.74	Đắk Lắk	2736	48A-237.66	Đắk Nông
737	51M-039.99	Hồ Chí Minh	1737	47A-751.39	Đắk Lắk	2737	49A-608.08	Lâm Đồng
738	51M-045.39	Hồ Chí Minh	1738	47A-796.99	Đắk Lắk	2738	49A-610.89	Lâm Đồng
739	51M-048.48	Hồ Chí Minh	1739	47A-806.60	Đắk Lắk	2739	49A-611.66	Lâm Đồng
740	51M-048.66	Hồ Chí Minh	1740	47A-809.69	Đắk Lắk	2740	49A-612.88	Lâm Đồng
741	51M-048.69	Hồ Chí Minh	1741	47C-381.99	Đắk Lắk	2741	49A-633.68	Lâm Đồng
742	60B-069.86	Đồng Nai	1742	48A-197.69	Đắk Nông	2742	49A-645.45	Lâm Đồng
743	60C-755.99	Đồng Nai	1743	48A-207.88	Đắk Nông	2743	49A-661.68	Lâm Đồng
744	60K-361.99	Đồng Nai	1744	49A-624.86	Lâm Đồng	2744	49A-670.86	Lâm Đồng
745	60K-374.88	Đồng Nai	1745	49A-634.34	Lâm Đồng	2745	49A-671.66	Lâm Đồng
746	60K-380.79	Đồng Nai	1746	49A-660.99	Lâm Đồng	2746	49A-741.74	Lâm Đồng
747	60K-397.69	Đồng Nai	1747	49A-666.64	Lâm Đồng	2747	49C-372.89	Lâm Đồng
748	60K-400.44	Đồng Nai	1748	49A-687.66	Lâm Đồng	2748	51B-516.88	Hồ Chí Minh
749	60K-408.66	Đồng Nai	1749	49A-718.86	Lâm Đồng	2749	51B-711.11	Hồ Chí Minh
750	60K-411.44	Đồng Nai	1750	49A-726.99	Lâm Đồng	2750	51D-831.69	Hồ Chí Minh
751	60K-413.39	Đồng Nai	1751	49A-729.92	Lâm Đồng	2751	51D-836.69	Hồ Chí Minh
752	60K-413.86	Đồng Nai	1752	49A-742.43	Lâm Đồng	2752	51D-852.89	Hồ Chí Minh
753	60K-467.76	Đồng Nai	1753	49C-371.88	Lâm Đồng	2753	51D-872.99	Hồ Chí Minh
754	60K-474.99	Đồng Nai	1754	49C-373.68	Lâm Đồng	2754	51D-883.89	Hồ Chí Minh
755	60K-492.39	Đồng Nai	1755	51D-867.86	Hồ Chí Minh	2755	51E-332.23	Hồ Chí Minh
756	60K-493.39	Đồng Nai	1756	51D-876.69	Hồ Chí Minh	2756	51E-335.79	Hồ Chí Minh
757	60K-503.68	Đồng Nai	1757	51D-879.39	Hồ Chí Minh	2757	51M-020.69	Hồ Chí Minh
758	60K-511.44	Đồng Nai	1758	51D-883.68	Hồ Chí Minh	2758	51M-022.69	Hồ Chí Minh
759	60K-526.68	Đồng Nai	1759	51E-337.68	Hồ Chí Minh	2759	51M-023.99	Hồ Chí Minh
760	60K-529.68	Đồng Nai	1760	51M-011.22	Hồ Chí Minh	2760	51M-029.88	Hồ Chí Minh
761	60K-537.77	Đồng Nai	1761	51M-013.79	Hồ Chí Minh	2761	51M-048.88	Hồ Chí Minh
762	60K-549.94	Đồng Nai	1762	51M-014.79	Hồ Chí Minh	2762	60C-733.66	Đồng Nai

CHỖ
H
M
T.P.H

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
763	60K-555.13	Đồng Nai	1763	51M-033.79	Hồ Chí Minh	2763	60C-736.39	Đồng Nai
764	60K-560.06	Đồng Nai	1764	51M-037.39	Hồ Chí Minh	2764	60C-736.79	Đồng Nai
765	60K-588.62	Đồng Nai	1765	51M-039.86	Hồ Chí Minh	2765	60K-341.79	Đồng Nai
766	60K-605.66	Đồng Nai	1766	51M-042.68	Hồ Chí Minh	2766	60K-346.88	Đồng Nai
767	61C-592.79	Bình Dương	1767	60K-357.66	Đồng Nai	2767	60K-361.39	Đồng Nai
768	61C-599.68	Bình Dương	1768	60K-373.68	Đồng Nai	2768	60K-361.79	Đồng Nai
769	61C-601.66	Bình Dương	1769	60K-413.33	Đồng Nai	2769	60K-369.86	Đồng Nai
770	61D-022.39	Bình Dương	1770	60K-418.99	Đồng Nai	2770	60K-383.89	Đồng Nai
771	61K-273.89	Bình Dương	1771	60K-458.39	Đồng Nai	2771	60K-415.68	Đồng Nai
772	61K-300.99	Bình Dương	1772	60K-470.99	Đồng Nai	2772	60K-442.88	Đồng Nai
773	61K-306.86	Bình Dương	1773	60K-481.86	Đồng Nai	2773	60K-472.72	Đồng Nai
774	61K-353.33	Bình Dương	1774	60K-486.79	Đồng Nai	2774	60K-477.88	Đồng Nai
775	61K-401.66	Bình Dương	1775	60K-500.44	Đồng Nai	2775	60K-483.39	Đồng Nai
776	61K-401.79	Bình Dương	1776	60K-505.86	Đồng Nai	2776	60K-503.04	Đồng Nai
777	61K-411.88	Bình Dương	1777	60K-510.99	Đồng Nai	2777	60K-511.22	Đồng Nai
778	61K-412.79	Bình Dương	1778	60K-545.68	Đồng Nai	2778	60K-564.46	Đồng Nai
779	61K-418.68	Bình Dương	1779	60K-552.88	Đồng Nai	2779	60K-608.39	Đồng Nai
780	61K-420.02	Bình Dương	1780	60K-602.06	Đồng Nai	2780	60K-615.88	Đồng Nai
781	61K-433.22	Bình Dương	1781	60K-618.39	Đồng Nai	2781	61C-602.68	Bình Dương
782	61K-440.00	Bình Dương	1782	61C-606.99	Bình Dương	2782	61K-251.79	Bình Dương
783	61K-468.89	Bình Dương	1783	61K-302.68	Bình Dương	2783	61K-261.88	Bình Dương
784	61K-481.86	Bình Dương	1784	61K-371.68	Bình Dương	2784	61K-295.69	Bình Dương
785	61K-481.89	Bình Dương	1785	61K-376.67	Bình Dương	2785	61K-300.11	Bình Dương
786	61K-487.68	Bình Dương	1786	61K-395.66	Bình Dương	2786	61K-317.86	Bình Dương
787	61K-491.88	Bình Dương	1787	61K-400.99	Bình Dương	2787	61K-355.22	Bình Dương
788	61K-497.94	Bình Dương	1788	61K-403.39	Bình Dương	2788	61K-404.68	Bình Dương
789	61K-498.94	Bình Dương	1789	61K-428.86	Bình Dương	2789	61K-406.89	Bình Dương
790	62A-415.66	Long An	1790	61K-473.89	Bình Dương	2790	61K-423.86	Bình Dương
791	62A-417.99	Long An	1791	61K-482.66	Bình Dương	2791	61K-424.66	Bình Dương
792	62A-437.39	Long An	1792	61K-501.10	Bình Dương	2792	61K-426.89	Bình Dương
793	62A-451.54	Long An	1793	61K-503.89	Bình Dương	2793	61K-430.00	Bình Dương
794	62A-456.65	Long An	1794	61K-507.89	Bình Dương	2794	61K-432.79	Bình Dương
795	62A-461.62	Long An	1795	62A-355.68	Long An	2795	61K-461.61	Bình Dương
796	62B-028.28	Long An	1796	62A-387.68	Long An	2796	61K-466.86	Bình Dương
797	62B-029.92	Long An	1797	62A-399.11	Long An	2797	61K-492.93	Bình Dương
798	62C-212.79	Long An	1798	62A-401.88	Long An	2798	61K-503.39	Bình Dương
799	62C-215.99	Long An	1799	62A-417.39	Long An	2799	62A-403.66	Long An
800	62D-013.13	Long An	1800	62A-429.99	Long An	2800	62A-405.69	Long An
801	63A-285.66	Tiền Giang	1801	62A-440.39	Long An	2801	62A-421.79	Long An
802	63A-307.77	Tiền Giang	1802	62A-449.68	Long An	2802	62A-440.89	Long An
803	63A-321.23	Tiền Giang	1803	62A-465.79	Long An	2803	62A-444.01	Long An
804	63C-223.79	Tiền Giang	1804	62C-212.88	Long An	2804	62A-449.79	Long An
805	64A-164.68	Vĩnh Long	1805	63A-267.86	Tiền Giang	2805	63A-259.66	Tiền Giang
806	64A-164.79	Vĩnh Long	1806	63A-302.39	Tiền Giang	2806	63A-305.86	Tiền Giang
807	64A-194.69	Vĩnh Long	1807	63A-310.68	Tiền Giang	2807	63A-307.08	Tiền Giang
808	64A-195.55	Vĩnh Long	1808	64A-174.66	Vĩnh Long	2808	63A-321.11	Tiền Giang
809	65A-390.89	Cần Thơ	1809	64A-176.39	Vĩnh Long	2809	63A-321.68	Tiền Giang
810	65A-419.91	Cần Thơ	1810	64A-196.19	Vĩnh Long	2810	64A-174.69	Vĩnh Long
811	65A-441.68	Cần Thơ	1811	64A-200.20	Vĩnh Long	2811	64A-180.88	Vĩnh Long
812	65A-453.79	Cần Thơ	1812	64A-203.39	Vĩnh Long	2812	65A-406.66	Cần Thơ
813	65A-463.39	Cần Thơ	1813	65A-401.79	Cần Thơ	2813	65A-415.66	Cần Thơ

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
814	65A-498.68	Cần Thơ	1814	65A-427.68	Cần Thơ	2814	65A-426.79	Cần Thơ
815	65A-510.00	Cần Thơ	1815	65A-435.86	Cần Thơ	2815	65A-439.69	Cần Thơ
816	66A-237.86	Đồng Tháp	1816	65A-440.66	Cần Thơ	2816	65A-443.66	Cần Thơ
817	66A-255.39	Đồng Tháp	1817	65A-454.69	Cần Thơ	2817	65A-444.78	Cần Thơ
818	66A-274.68	Đồng Tháp	1818	65A-455.33	Cần Thơ	2818	65A-448.86	Cần Thơ
819	66A-287.86	Đồng Tháp	1819	65A-476.39	Cần Thơ	2819	65A-459.69	Cần Thơ
820	66A-292.22	Đồng Tháp	1820	65A-476.79	Cần Thơ	2820	65A-460.66	Cần Thơ
821	66A-299.86	Đồng Tháp	1821	65A-485.99	Cần Thơ	2821	65A-487.77	Cần Thơ
822	67A-267.39	An Giang	1822	65A-492.79	Cần Thơ	2822	65A-490.66	Cần Thơ
823	67A-283.88	An Giang	1823	65A-501.10	Cần Thơ	2823	65A-500.89	Cần Thơ
824	67A-285.66	An Giang	1824	65A-510.99	Cần Thơ	2824	65A-504.44	Cần Thơ
825	67A-294.39	An Giang	1825	65C-227.66	Cần Thơ	2825	65A-512.22	Cần Thơ
826	67A-325.66	An Giang	1826	65C-235.89	Cần Thơ	2826	65C-233.77	Cần Thơ
827	67C-187.78	An Giang	1827	66A-226.89	Đồng Tháp	2827	66A-242.86	Đồng Tháp
828	68A-333.31	Kiên Giang	1828	66A-269.69	Đồng Tháp	2828	66A-280.08	Đồng Tháp
829	68A-355.22	Kiên Giang	1829	66A-288.77	Đồng Tháp	2829	66A-291.92	Đồng Tháp
830	68B-033.99	Kiên Giang	1830	66A-289.82	Đồng Tháp	2830	66B-023.32	Đồng Tháp
831	69A-148.86	Cà Mau	1831	66A-292.86	Đồng Tháp	2831	67A-272.68	An Giang
832	69A-161.11	Cà Mau	1832	66C-181.39	Đồng Tháp	2832	67A-272.69	An Giang
833	70A-464.88	Tây Ninh	1833	67A-263.79	An Giang	2833	67A-300.44	An Giang
834	70A-501.79	Tây Ninh	1834	67A-270.66	An Giang	2834	67A-318.13	An Giang
835	70A-502.22	Tây Ninh	1835	67A-277.68	An Giang	2835	67A-318.81	An Giang
836	70A-514.69	Tây Ninh	1836	67A-321.11	An Giang	2836	67A-319.71	An Giang
837	70A-514.89	Tây Ninh	1837	67B-029.66	An Giang	2837	67A-322.32	An Giang
838	70A-527.69	Tây Ninh	1838	68A-288.79	Kiên Giang	2838	67A-328.79	An Giang
839	70C-211.68	Tây Ninh	1839	68A-290.66	Kiên Giang	2839	67C-183.38	An Giang
840	71A-177.39	Bến Tre	1840	68A-311.69	Kiên Giang	2840	68A-299.68	Kiên Giang
841	71A-179.88	Bến Tre	1841	68A-311.89	Kiên Giang	2841	68A-331.31	Kiên Giang
842	71A-186.99	Bến Tre	1842	68A-331.88	Kiên Giang	2842	68A-355.79	Kiên Giang
843	71A-188.44	Bến Tre	1843	68A-332.66	Kiên Giang	2843	68A-361.79	Kiên Giang
844	71A-197.86	Bến Tre	1844	68A-354.35	Kiên Giang	2844	68B-032.86	Kiên Giang
845	71A-207.79	Bến Tre	1845	69A-154.69	Cà Mau	2845	68B-033.68	Kiên Giang
846	71A-210.00	Bến Tre	1846	70A-454.39	Tây Ninh	2846	69A-151.89	Cà Mau
847	71B-022.22	Bến Tre	1847	70A-478.69	Tây Ninh	2847	70A-485.89	Tây Ninh
848	72A-703.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	1848	70A-513.31	Tây Ninh	2848	70A-489.39	Tây Ninh
849	72A-705.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	1849	70A-545.99	Tây Ninh	2849	70A-495.95	Tây Ninh
850	72A-706.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	1850	70A-555.69	Tây Ninh	2850	70A-497.69	Tây Ninh
851	72A-711.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	1851	70A-574.68	Tây Ninh	2851	70A-517.77	Tây Ninh
852	72A-754.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	1852	71A-202.20	Bến Tre	2852	70A-530.89	Tây Ninh
853	72A-776.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	1853	72A-705.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	2853	70A-549.69	Tây Ninh
854	72A-784.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	1854	72A-726.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	2854	70A-552.22	Tây Ninh
855	72A-792.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	1855	72A-768.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	2855	70A-554.69	Tây Ninh
856	72A-805.05	Bà Rịa - Vũng Tàu	1856	72A-786.87	Bà Rịa - Vũng Tàu	2856	70A-571.86	Tây Ninh
857	72A-834.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	1857	72A-790.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	2857	70A-572.72	Tây Ninh
858	73A-312.88	Quảng Bình	1858	72A-811.81	Bà Rịa - Vũng Tàu	2858	70B-032.79	Tây Ninh
859	73A-342.66	Quảng Bình	1859	72A-822.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	2859	70C-209.89	Tây Ninh
860	73A-345.86	Quảng Bình	1860	72C-231.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	2860	71A-183.66	Bến Tre
861	73A-349.68	Quảng Bình	1861	72C-236.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	2861	71A-199.00	Bến Tre
862	73A-365.89	Quảng Bình	1862	73A-311.89	Quảng Bình	2862	71B-019.79	Bến Tre
863	74A-233.68	Quảng Trị	1863	73A-348.79	Quảng Bình	2863	72A-750.00	Bà Rịa - Vũng Tàu
864	75A-329.39	Thừa Thiên Huế	1864	73A-366.33	Quảng Bình	2864	72A-752.25	Bà Rịa - Vũng Tàu

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
865	75A-333.44	Thừa Thiên Huế	1865	74A-233.88	Quảng Trị	2865	72A-758.66	Bà Rịa - Vũng Tàu
866	75A-346.66	Thừa Thiên Huế	1866	74A-235.86	Quảng Trị	2866	72A-781.86	Bà Rịa - Vũng Tàu
867	75A-353.88	Thừa Thiên Huế	1867	74A-235.99	Quảng Trị	2867	72A-805.08	Bà Rịa - Vũng Tàu
868	75A-358.86	Thừa Thiên Huế	1868	74A-242.39	Quảng Trị	2868	72A-824.79	Bà Rịa - Vũng Tàu
869	75A-386.66	Thừa Thiên Huế	1869	74A-252.66	Quảng Trị	2869	72C-238.39	Bà Rịa - Vũng Tàu
870	75B-026.69	Thừa Thiên Huế	1870	74A-277.22	Quảng Trị	2870	73A-309.88	Quảng Bình
871	75C-155.66	Thừa Thiên Huế	1871	74B-015.86	Quảng Trị	2871	73A-314.99	Quảng Bình
872	76A-262.39	Quảng Ngãi	1872	74C-137.39	Quảng Trị	2872	73A-317.17	Quảng Bình
873	76A-280.69	Quảng Ngãi	1873	74D-011.33	Quảng Trị	2873	73A-331.89	Quảng Bình
874	76A-294.89	Quảng Ngãi	1874	75A-315.88	Thừa Thiên Huế	2874	73A-351.66	Quảng Bình
875	76A-311.00	Quảng Ngãi	1875	75A-322.39	Thừa Thiên Huế	2875	74A-251.69	Quảng Trị
876	76B-023.99	Quảng Ngãi	1876	75A-324.88	Thừa Thiên Huế	2876	74A-252.89	Quảng Trị
877	77A-291.79	Bình Định	1877	75A-329.29	Thừa Thiên Huế	2877	74A-256.39	Quảng Trị
878	77A-308.68	Bình Định	1878	75A-361.11	Thừa Thiên Huế	2878	75A-327.77	Thừa Thiên Huế
879	77A-310.86	Bình Định	1879	75A-361.68	Thừa Thiên Huế	2879	75A-362.99	Thừa Thiên Huế
880	77A-329.66	Bình Định	1880	75A-361.69	Thừa Thiên Huế	2880	75B-027.77	Thừa Thiên Huế
881	77A-334.43	Bình Định	1881	75A-371.68	Thừa Thiên Huế	2881	76A-259.88	Quảng Ngãi
882	77A-354.39	Bình Định	1882	75A-372.68	Thừa Thiên Huế	2882	76A-259.89	Quảng Ngãi
883	77C-252.99	Bình Định	1883	75A-387.39	Thừa Thiên Huế	2883	76A-264.99	Quảng Ngãi
884	78A-185.66	Phú Yên	1884	75C-155.77	Thừa Thiên Huế	2884	76A-278.78	Quảng Ngãi
885	78A-200.55	Phú Yên	1885	76A-230.68	Quảng Ngãi	2885	76A-279.66	Quảng Ngãi
886	79A-465.66	Khánh Hòa	1886	76A-244.99	Quảng Ngãi	2886	76A-299.66	Quảng Ngãi
887	79A-557.68	Khánh Hòa	1887	76A-287.39	Quảng Ngãi	2887	76A-322.39	Quảng Ngãi
888	81A-360.79	Gia Lai	1888	76A-317.17	Quảng Ngãi	2888	76B-025.86	Quảng Ngãi
889	81A-363.69	Gia Lai	1889	77A-304.86	Bình Định	2889	77A-313.33	Bình Định
890	81A-382.99	Gia Lai	1890	77A-310.88	Bình Định	2890	77A-323.68	Bình Định
891	81A-385.68	Gia Lai	1891	77A-351.69	Bình Định	2891	77A-348.89	Bình Định
892	81A-390.00	Gia Lai	1892	77B-035.99	Bình Định	2892	77B-036.39	Bình Định
893	81A-392.66	Gia Lai	1893	77C-255.22	Bình Định	2893	77B-036.79	Bình Định
894	81A-404.79	Gia Lai	1894	78A-171.79	Phú Yên	2894	77B-037.37	Bình Định
895	81B-025.89	Gia Lai	1895	78A-186.69	Phú Yên	2895	78A-182.68	Phú Yên
896	81D-012.89	Gia Lai	1896	78A-193.69	Phú Yên	2896	78A-201.79	Phú Yên
897	82A-125.89	Kon Tum	1897	79A-481.69	Khánh Hòa	2897	79A-479.68	Khánh Hòa
898	83A-161.86	Sóc Trăng	1898	79A-483.69	Khánh Hòa	2898	79A-481.68	Khánh Hòa
899	83A-170.70	Sóc Trăng	1899	79A-522.89	Khánh Hòa	2899	79A-493.86	Khánh Hòa
900	83A-179.69	Sóc Trăng	1900	79A-524.99	Khánh Hòa	2900	79A-527.89	Khánh Hòa
901	84A-119.39	Trà Vinh	1901	79A-533.39	Khánh Hòa	2901	79A-531.89	Khánh Hòa
902	84A-137.66	Trà Vinh	1902	81A-365.89	Gia Lai	2902	79A-555.47	Khánh Hòa
903	84A-144.14	Trà Vinh	1903	81A-367.39	Gia Lai	2903	81A-389.86	Gia Lai
904	84C-123.66	Trà Vinh	1904	81A-367.86	Gia Lai	2904	81A-392.79	Gia Lai
905	85A-114.89	Ninh Thuận	1905	81A-405.88	Gia Lai	2905	81A-401.39	Gia Lai
906	85A-143.88	Ninh Thuận	1906	81A-410.79	Gia Lai	2906	81A-410.39	Gia Lai
907	86A-263.79	Bình Thuận	1907	81A-444.29	Gia Lai	2907	81A-414.66	Gia Lai
908	86A-273.66	Bình Thuận	1908	81A-450.50	Gia Lai	2908	81A-416.69	Gia Lai
909	86A-290.90	Bình Thuận	1909	81B-027.79	Gia Lai	2909	81A-420.20	Gia Lai
910	86A-302.89	Bình Thuận	1910	82A-121.79	Kon Tum	2910	81A-423.89	Gia Lai
911	88A-620.99	Vĩnh Phúc	1911	82A-126.26	Kon Tum	2911	81A-449.66	Gia Lai
912	88A-631.11	Vĩnh Phúc	1912	82A-143.79	Kon Tum	2912	81C-269.86	Gia Lai
913	88A-644.88	Vĩnh Phúc	1913	82A-144.55	Kon Tum	2913	81C-270.07	Gia Lai
914	88A-660.99	Vĩnh Phúc	1914	82A-148.89	Kon Tum	2914	82A-135.66	Kon Tum
915	88A-690.39	Vĩnh Phúc	1915	82A-155.15	Kon Tum	2915	82A-148.84	Kon Tum

4
ÔNG
ẤU
JP D
ỆT
XUÂN

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
916	88A-737.99	Vĩnh Phúc	1916	82B-019.79	Kon Tum	2916	82A-150.68	Kon Tum
917	88A-744.22	Vĩnh Phúc	1917	83A-159.68	Sóc Trăng	2917	82A-157.69	Kon Tum
918	88A-751.99	Vĩnh Phúc	1918	83A-161.69	Sóc Trăng	2918	82B-016.79	Kon Tum
919	88A-753.79	Vĩnh Phúc	1919	83A-162.88	Sóc Trăng	2919	83A-162.89	Sóc Trăng
920	88A-772.66	Vĩnh Phúc	1920	83A-174.44	Sóc Trăng	2920	83A-180.99	Sóc Trăng
921	88A-777.02	Vĩnh Phúc	1921	83A-185.68	Sóc Trăng	2921	84A-119.69	Trà Vinh
922	88A-782.89	Vĩnh Phúc	1922	83A-192.22	Sóc Trăng	2922	84A-128.66	Trà Vinh
923	88C-297.69	Vĩnh Phúc	1923	84A-116.86	Trà Vinh	2923	84B-017.79	Trà Vinh
924	88C-303.79	Vĩnh Phúc	1924	84A-143.68	Trà Vinh	2924	85A-126.89	Ninh Thuận
925	88C-309.89	Vĩnh Phúc	1925	84C-123.88	Trà Vinh	2925	85A-132.68	Ninh Thuận
926	89A-425.69	Hung Yên	1926	85A-136.99	Ninh Thuận	2926	85A-139.93	Ninh Thuận
927	89A-435.99	Hung Yên	1927	85A-142.42	Ninh Thuận	2927	86A-287.99	Bình Thuận
928	89A-452.69	Hung Yên	1928	86A-277.89	Bình Thuận	2928	86A-316.17	Bình Thuận
929	89A-455.00	Hung Yên	1929	86C-207.79	Bình Thuận	2929	86B-022.66	Bình Thuận
930	89A-458.85	Hung Yên	1930	88A-649.39	Vĩnh Phúc	2930	86C-206.99	Bình Thuận
931	89A-487.69	Hung Yên	1931	88A-670.89	Vĩnh Phúc	2931	86C-207.99	Bình Thuận
932	89A-492.99	Hung Yên	1932	88A-694.68	Vĩnh Phúc	2932	88A-674.69	Vĩnh Phúc
933	89A-494.66	Hung Yên	1933	88A-701.79	Vĩnh Phúc	2933	88A-709.68	Vĩnh Phúc
934	89A-497.89	Hung Yên	1934	88A-728.28	Vĩnh Phúc	2934	88A-745.88	Vĩnh Phúc
935	89A-521.25	Hung Yên	1935	88A-732.69	Vĩnh Phúc	2935	88A-754.79	Vĩnh Phúc
936	89A-521.99	Hung Yên	1936	88A-734.89	Vĩnh Phúc	2936	88A-763.86	Vĩnh Phúc
937	89A-527.66	Hung Yên	1937	88A-745.89	Vĩnh Phúc	2937	88A-771.86	Vĩnh Phúc
938	89C-333.66	Hung Yên	1938	88A-765.79	Vĩnh Phúc	2938	88A-776.69	Vĩnh Phúc
939	89C-336.68	Hung Yên	1939	88A-777.01	Vĩnh Phúc	2939	88C-305.89	Vĩnh Phúc
940	89C-344.44	Hung Yên	1940	88C-295.69	Vĩnh Phúc	2940	89A-400.55	Hung Yên
941	90A-255.00	Hà Nam	1941	88C-298.39	Vĩnh Phúc	2941	89A-422.44	Hung Yên
942	90A-269.68	Hà Nam	1942	88C-299.22	Vĩnh Phúc	2942	89A-424.86	Hung Yên
943	90A-281.69	Hà Nam	1943	89A-402.99	Hung Yên	2943	89A-452.39	Hung Yên
944	92A-350.39	Quảng Nam	1944	89A-418.79	Hung Yên	2944	89A-452.89	Hung Yên
945	92A-375.55	Quảng Nam	1945	89A-460.79	Hung Yên	2945	89A-467.68	Hung Yên
946	92A-379.89	Quảng Nam	1946	89A-491.66	Hung Yên	2946	89A-493.79	Hung Yên
947	92A-414.41	Quảng Nam	1947	89A-509.88	Hung Yên	2947	89A-497.66	Hung Yên
948	92A-419.94	Quảng Nam	1948	89A-513.31	Hung Yên	2948	89A-500.69	Hung Yên
949	92A-430.66	Quảng Nam	1949	90A-275.57	Hà Nam	2949	89A-530.31	Hung Yên
950	92A-430.79	Quảng Nam	1950	90A-278.27	Hà Nam	2950	89B-022.66	Hung Yên
951	92B-033.99	Quảng Nam	1951	92A-364.88	Quảng Nam	2951	89C-335.39	Hung Yên
952	92C-252.22	Quảng Nam	1952	92A-385.66	Quảng Nam	2952	89D-019.66	Hung Yên
953	93A-409.66	Bình Phước	1953	92A-401.88	Quảng Nam	2953	90A-225.69	Hà Nam
954	93A-418.69	Bình Phước	1954	92A-426.88	Quảng Nam	2954	90A-231.66	Hà Nam
955	93A-418.86	Bình Phước	1955	92A-427.39	Quảng Nam	2955	90A-246.69	Hà Nam
956	93A-437.68	Bình Phước	1956	92A-428.88	Quảng Nam	2956	92A-394.69	Quảng Nam
957	93A-441.11	Bình Phước	1957	92C-252.79	Quảng Nam	2957	92A-404.79	Quảng Nam
958	93A-458.69	Bình Phước	1958	93A-421.89	Bình Phước	2958	92A-426.66	Quảng Nam
959	93A-464.64	Bình Phước	1959	93A-431.68	Bình Phước	2959	93A-410.88	Bình Phước
960	93A-466.11	Bình Phước	1960	93A-433.69	Bình Phước	2960	93A-421.66	Bình Phước
961	93A-499.49	Bình Phước	1961	93A-461.68	Bình Phước	2961	93A-428.89	Bình Phước
962	93B-019.99	Bình Phước	1962	93A-463.68	Bình Phước	2962	93A-462.86	Bình Phước
963	94A-093.89	Bạc Liêu	1963	93A-467.77	Bình Phước	2963	93A-474.47	Bình Phước
964	94B-013.99	Bạc Liêu	1964	93A-481.18	Bình Phước	2964	93A-477.86	Bình Phước
965	94C-083.66	Bạc Liêu	1965	93A-491.19	Bình Phước	2965	93A-482.28	Bình Phước
966	95A-119.39	Hậu Giang	1966	94A-092.66	Bạc Liêu	2966	93A-491.92	Bình Phước

TỶ
IÁ
NH
AM
-T.P.H

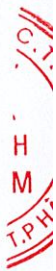
Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
967	95A-125.68	Hậu Giang	1967	94A-108.08	Bạc Liêu	2967	94A-097.68	Bạc Liêu
968	95A-128.69	Hậu Giang	1968	94B-012.88	Bạc Liêu	2968	94A-103.39	Bạc Liêu
969	95C-088.39	Hậu Giang	1969	94D-003.33	Bạc Liêu	2969	94C-082.69	Bạc Liêu
970	97A-085.58	Bắc Kạn	1970	95A-109.39	Hậu Giang	2970	97B-013.13	Bắc Kạn
971	97A-092.69	Bắc Kạn	1971	95A-110.88	Hậu Giang	2971	98A-633.89	Bắc Giang
972	98A-640.86	Bắc Giang	1972	95A-111.56	Hậu Giang	2972	98A-650.00	Bắc Giang
973	98A-641.79	Bắc Giang	1973	95A-135.55	Hậu Giang	2973	98A-664.69	Bắc Giang
974	98A-642.68	Bắc Giang	1974	95C-088.66	Hậu Giang	2974	98A-711.88	Bắc Giang
975	98A-644.68	Bắc Giang	1975	98A-630.79	Bắc Giang	2975	98A-750.00	Bắc Giang
976	98A-657.86	Bắc Giang	1976	98A-651.89	Bắc Giang	2976	98A-752.68	Bắc Giang
977	98A-684.88	Bắc Giang	1977	98A-653.79	Bắc Giang	2977	98A-753.86	Bắc Giang
978	98A-691.89	Bắc Giang	1978	98A-664.39	Bắc Giang	2978	98A-773.86	Bắc Giang
979	98A-720.86	Bắc Giang	1979	98A-687.79	Bắc Giang	2979	98A-775.68	Bắc Giang
980	98A-742.68	Bắc Giang	1980	98A-692.39	Bắc Giang	2980	98A-788.11	Bắc Giang
981	98A-782.79	Bắc Giang	1981	98A-702.88	Bắc Giang	2981	98A-800.55	Bắc Giang
982	98A-784.68	Bắc Giang	1982	98A-743.39	Bắc Giang	2982	98A-804.99	Bắc Giang
983	98A-804.04	Bắc Giang	1983	98A-774.89	Bắc Giang	2983	98A-805.55	Bắc Giang
984	98A-824.99	Bắc Giang	1984	98A-776.39	Bắc Giang	2984	98A-812.88	Bắc Giang
985	98A-838.69	Bắc Giang	1985	98A-800.33	Bắc Giang	2985	98A-824.44	Bắc Giang
986	98C-366.33	Bắc Giang	1986	98A-842.42	Bắc Giang	2986	98A-842.99	Bắc Giang
987	99A-648.79	Bắc Ninh	1987	98A-847.47	Bắc Giang	2987	98A-848.79	Bắc Giang
988	99A-725.55	Bắc Ninh	1988	98A-857.68	Bắc Giang	2988	98A-853.69	Bắc Giang
989	99A-746.99	Bắc Ninh	1989	98A-857.75	Bắc Giang	2989	98C-355.89	Bắc Giang
990	99A-756.69	Bắc Ninh	1990	99A-672.86	Bắc Ninh	2990	98C-363.79	Bắc Giang
991	99A-759.88	Bắc Ninh	1991	99A-765.39	Bắc Ninh	2991	99A-703.39	Bắc Ninh
992	99A-766.86	Bắc Ninh	1992	99A-773.66	Bắc Ninh	2992	99A-735.99	Bắc Ninh
993	99A-777.12	Bắc Ninh	1993	99A-778.87	Bắc Ninh	2993	99A-760.79	Bắc Ninh
994	99A-807.07	Bắc Ninh	1994	99A-811.12	Bắc Ninh	2994	99A-760.86	Bắc Ninh
995	99A-807.80	Bắc Ninh	1995	99A-820.21	Bắc Ninh	2995	99A-797.66	Bắc Ninh
996	99A-844.84	Bắc Ninh	1996	99A-824.42	Bắc Ninh	2996	99A-824.44	Bắc Ninh
997	99A-848.99	Bắc Ninh	1997	99A-850.85	Bắc Ninh	2997	99B-028.99	Bắc Ninh
998	99A-850.50	Bắc Ninh	1998	99B-029.29	Bắc Ninh	2998	99C-322.68	Bắc Ninh
999	99C-323.66	Bắc Ninh	1999	99C-328.68	Bắc Ninh	2999	99C-323.79	Bắc Ninh
1000	99D-023.66	Bắc Ninh	2000	99D-023.79	Bắc Ninh	3000	99C-327.69	Bắc Ninh

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3001	98A-799.99	Bắc Giang	4001	29K-200.09	Hà Nội			
3002	17D-011.11	Thái Bình	4002	29K-211.11	Hà Nội			
3003	20A-797.93	Thái Nguyên	4003	34C-400.09	Hải Dương			
3004	22A-239.79	Tuyên Quang	4004	35A-439.39	Ninh Bình			
3005	26A-211.11	Sơn La	4005	36C-533.33	Thanh Hóa			
3006	29K-244.44	Hà Nội	4006	47A-797.96	Đắk Lắk			
3007	43C-311.11	Đà Nẵng	4007	49A-696.98	Lâm Đồng			
3008	51D-866.89	Hồ Chí Minh	4008	61C-596.69	Bình Dương			
3009	51D-869.69	Hồ Chí Minh	4009	73A-344.44	Quảng Bình			
3010	93A-498.89	Bình Phước	4010	90B-011.11	Hà Nam			
3011	30K-401.99	Hà Nội	4011	98C-369.69	Bắc Giang			
3012	30K-402.66	Hà Nội	4012	99C-311.11	Bắc Ninh			
3013	30K-403.89	Hà Nội	4013	30K-408.66	Hà Nội			
3014	30K-404.66	Hà Nội	4014	30K-409.09	Hà Nội			
3015	30K-408.08	Hà Nội	4015	30K-419.19	Hà Nội			
3016	30K-410.66	Hà Nội	4016	30K-420.79	Hà Nội			
3017	30K-413.99	Hà Nội	4017	30K-421.88	Hà Nội			
3018	30K-417.17	Hà Nội	4018	30K-422.55	Hà Nội			
3019	30K-427.89	Hà Nội	4019	30K-424.99	Hà Nội			
3020	30K-431.89	Hà Nội	4020	30K-427.27	Hà Nội			
3021	30K-434.99	Hà Nội	4021	30K-427.39	Hà Nội			
3022	30K-443.79	Hà Nội	4022	30K-427.68	Hà Nội			
3023	30K-445.45	Hà Nội	4023	30K-428.99	Hà Nội			
3024	30K-446.79	Hà Nội	4024	30K-430.66	Hà Nội			
3025	30K-447.39	Hà Nội	4025	30K-441.39	Hà Nội			
3026	30K-447.47	Hà Nội	4026	30K-441.89	Hà Nội			
3027	30K-450.99	Hà Nội	4027	30K-445.39	Hà Nội			
3028	30K-451.99	Hà Nội	4028	30K-448.99	Hà Nội			
3029	30K-452.88	Hà Nội	4029	30K-461.99	Hà Nội			
3030	30K-457.68	Hà Nội	4030	30K-462.88	Hà Nội			
3031	30K-471.68	Hà Nội	4031	30K-469.68	Hà Nội			
3032	30K-471.79	Hà Nội	4032	30K-470.88	Hà Nội			
3033	30K-472.39	Hà Nội	4033	30K-471.39	Hà Nội			
3034	30K-472.66	Hà Nội	4034	30K-471.88	Hà Nội			
3035	30K-474.88	Hà Nội	4035	30K-473.39	Hà Nội			
3036	30K-481.99	Hà Nội	4036	30K-474.39	Hà Nội			
3037	30K-487.39	Hà Nội	4037	30K-474.89	Hà Nội			
3038	30K-487.79	Hà Nội	4038	30K-475.89	Hà Nội			
3039	30K-491.39	Hà Nội	4039	30K-483.79	Hà Nội			
3040	30K-491.68	Hà Nội	4040	30K-484.89	Hà Nội			
3041	30K-491.88	Hà Nội	4041	30K-484.99	Hà Nội			
3042	30K-493.39	Hà Nội	4042	30K-491.89	Hà Nội			
3043	30K-504.39	Hà Nội	4043	30K-494.39	Hà Nội			
3044	30K-507.69	Hà Nội	4044	30K-494.89	Hà Nội			
3045	30K-514.39	Hà Nội	4045	30K-498.39	Hà Nội			
3046	30K-514.86	Hà Nội	4046	30K-499.68	Hà Nội			
3047	30K-514.99	Hà Nội	4047	30K-503.03	Hà Nội			
3048	30K-517.69	Hà Nội	4048	30K-504.89	Hà Nội			
3049	30K-520.69	Hà Nội	4049	30K-510.39	Hà Nội			
3050	30K-527.69	Hà Nội	4050	30K-511.44	Hà Nội			
3051	30K-534.66	Hà Nội	4051	30K-517.86	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3052	30K-542.79	Hà Nội	4052	30K-522.77	Hà Nội			
3053	30K-542.86	Hà Nội	4053	30K-524.86	Hà Nội			
3054	30K-546.69	Hà Nội	4054	30K-525.39	Hà Nội			
3055	30K-547.79	Hà Nội	4055	30K-530.68	Hà Nội			
3056	30K-549.49	Hà Nội	4056	30K-537.39	Hà Nội			
3057	30K-550.86	Hà Nội	4057	30K-540.99	Hà Nội			
3058	30K-554.89	Hà Nội	4058	30K-541.39	Hà Nội			
3059	30K-572.79	Hà Nội	4059	30K-542.69	Hà Nội			
3060	30K-574.88	Hà Nội	4060	30K-543.99	Hà Nội			
3061	30K-594.88	Hà Nội	4061	30K-544.99	Hà Nội			
3062	30K-601.86	Hà Nội	4062	30K-547.99	Hà Nội			
3063	30K-601.89	Hà Nội	4063	30K-549.39	Hà Nội			
3064	30K-604.86	Hà Nội	4064	30K-570.39	Hà Nội			
3065	30K-613.86	Hà Nội	4065	30K-587.69	Hà Nội			
3066	30K-614.14	Hà Nội	4066	30K-605.39	Hà Nội			
3067	30K-614.89	Hà Nội	4067	30K-605.69	Hà Nội			
3068	30K-615.69	Hà Nội	4068	30K-614.66	Hà Nội			
3069	30K-631.66	Hà Nội	4069	30K-614.68	Hà Nội			
3070	30K-641.68	Hà Nội	4070	30K-634.39	Hà Nội			
3071	30K-665.39	Hà Nội	4071	30K-643.86	Hà Nội			
3072	30K-677.68	Hà Nội	4072	30K-647.88	Hà Nội			
3073	30K-700.99	Hà Nội	4073	30K-660.39	Hà Nội			
3074	30K-704.66	Hà Nội	4074	30K-671.88	Hà Nội			
3075	30K-717.88	Hà Nội	4075	30K-724.88	Hà Nội			
3076	30K-723.79	Hà Nội	4076	30K-745.68	Hà Nội			
3077	30K-726.89	Hà Nội	4077	30K-760.86	Hà Nội			
3078	30K-731.69	Hà Nội	4078	30K-792.66	Hà Nội			
3079	30K-735.99	Hà Nội	4079	30K-800.69	Hà Nội			
3080	30K-739.69	Hà Nội	4080	30K-809.69	Hà Nội			
3081	30K-757.86	Hà Nội	4081	30K-821.66	Hà Nội			
3082	30K-758.89	Hà Nội	4082	30K-845.88	Hà Nội			
3083	30K-762.88	Hà Nội	4083	30K-849.66	Hà Nội			
3084	30K-773.39	Hà Nội	4084	30K-870.79	Hà Nội			
3085	30K-794.69	Hà Nội	4085	30K-873.79	Hà Nội			
3086	30K-802.39	Hà Nội	4086	30K-875.57	Hà Nội			
3087	30K-804.89	Hà Nội	4087	30K-889.22	Hà Nội			
3088	30K-834.86	Hà Nội	4088	30K-902.86	Hà Nội			
3089	30K-845.89	Hà Nội	4089	30K-914.69	Hà Nội			
3090	30K-860.39	Hà Nội	4090	30K-924.39	Hà Nội			
3091	30K-874.69	Hà Nội	4091	30K-940.88	Hà Nội			
3092	30K-902.68	Hà Nội	4092	30K-942.79	Hà Nội			
3093	30K-905.86	Hà Nội	4093	30K-954.44	Hà Nội			
3094	30K-914.68	Hà Nội	4094	30K-957.39	Hà Nội			
3095	30K-928.92	Hà Nội	4095	30K-972.66	Hà Nội			
3096	30K-944.39	Hà Nội	4096	30K-972.69	Hà Nội			
3097	30K-946.86	Hà Nội	4097	30K-972.86	Hà Nội			
3098	30K-949.39	Hà Nội	4098	30L-007.68	Hà Nội			
3099	30K-949.69	Hà Nội	4099	30L-020.89	Hà Nội			
3100	30K-970.69	Hà Nội	4100	30L-022.69	Hà Nội			
3101	30K-974.79	Hà Nội	4101	30L-053.39	Hà Nội			
3102	30K-980.69	Hà Nội	4102	30L-061.86	Hà Nội			

41
NG T
U GI
P DAI
T N
YUAN

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3103	30K-984.69	Hà Nội	4103	30L-064.69	Hà Nội			
3104	30L-016.39	Hà Nội	4104	30L-070.69	Hà Nội			
3105	30L-021.68	Hà Nội	4105	30L-072.39	Hà Nội			
3106	30L-024.69	Hà Nội	4106	30L-074.68	Hà Nội			
3107	30L-030.66	Hà Nội	4107	30L-114.44	Hà Nội			
3108	30L-031.13	Hà Nội	4108	30L-150.79	Hà Nội			
3109	30L-032.86	Hà Nội	4109	30L-154.89	Hà Nội			
3110	30L-035.86	Hà Nội	4110	30L-204.40	Hà Nội			
3111	30L-046.46	Hà Nội	4111	30L-204.99	Hà Nội			
3112	30L-047.69	Hà Nội	4112	30L-217.69	Hà Nội			
3113	30L-047.88	Hà Nội	4113	30L-227.69	Hà Nội			
3114	30L-053.66	Hà Nội	4114	30L-234.43	Hà Nội			
3115	30L-062.99	Hà Nội	4115	30L-253.69	Hà Nội			
3116	30L-087.66	Hà Nội	4116	30L-260.88	Hà Nội			
3117	30L-087.99	Hà Nội	4117	30L-274.88	Hà Nội			
3118	30L-093.66	Hà Nội	4118	30L-277.11	Hà Nội			
3119	30L-094.44	Hà Nội	4119	30L-278.39	Hà Nội			
3120	30L-120.66	Hà Nội	4120	30L-312.99	Hà Nội			
3121	30L-128.39	Hà Nội	4121	30L-315.69	Hà Nội			
3122	30L-130.89	Hà Nội	4122	30L-331.89	Hà Nội			
3123	30L-143.99	Hà Nội	4123	30L-354.69	Hà Nội			
3124	30L-146.68	Hà Nội	4124	30L-372.69	Hà Nội			
3125	30L-164.99	Hà Nội	4125	30L-372.79	Hà Nội			
3126	30L-172.66	Hà Nội	4126	30L-402.68	Hà Nội			
3127	30L-202.69	Hà Nội	4127	30L-413.99	Hà Nội			
3128	30L-215.39	Hà Nội	4128	30L-420.39	Hà Nội			
3129	30L-224.39	Hà Nội	4129	30L-422.66	Hà Nội			
3130	30L-240.68	Hà Nội	4130	30L-429.89	Hà Nội			
3131	30L-246.39	Hà Nội	4131	30L-441.14	Hà Nội			
3132	30L-250.69	Hà Nội	4132	30L-442.69	Hà Nội			
3133	30L-257.68	Hà Nội	4133	30L-443.88	Hà Nội			
3134	30L-264.89	Hà Nội	4134	30L-444.41	Hà Nội			
3135	30L-281.11	Hà Nội	4135	30L-446.39	Hà Nội			
3136	30L-302.66	Hà Nội	4136	30L-447.99	Hà Nội			
3137	30L-307.68	Hà Nội	4137	30L-452.69	Hà Nội			
3138	30L-324.39	Hà Nội	4138	30L-454.44	Hà Nội			
3139	30L-331.11	Hà Nội	4139	30L-455.77	Hà Nội			
3140	30L-331.69	Hà Nội	4140	30L-462.26	Hà Nội			
3141	30L-341.41	Hà Nội	4141	30L-463.86	Hà Nội			
3142	30L-350.05	Hà Nội	4142	30L-470.68	Hà Nội			
3143	30L-351.69	Hà Nội	4143	30L-471.68	Hà Nội			
3144	30L-367.88	Hà Nội	4144	30L-477.89	Hà Nội			
3145	30L-370.89	Hà Nội	4145	30L-478.66	Hà Nội			
3146	30L-372.88	Hà Nội	4146	30L-485.79	Hà Nội			
3147	30L-377.11	Hà Nội	4147	30L-491.88	Hà Nội			
3148	30L-387.69	Hà Nội	4148	30L-496.39	Hà Nội			
3149	30L-387.79	Hà Nội	4149	30L-501.11	Hà Nội			
3150	30L-403.79	Hà Nội	4150	30L-504.40	Hà Nội			
3151	30L-405.99	Hà Nội	4151	30L-514.86	Hà Nội			
3152	30L-409.88	Hà Nội	4152	30L-516.39	Hà Nội			
3153	30L-414.44	Hà Nội	4153	30L-522.69	Hà Nội			



Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3154	30L-421.69	Hà Nội	4154	30L-523.39	Hà Nội			
3155	30L-422.79	Hà Nội	4155	30L-527.86	Hà Nội			
3156	30L-430.66	Hà Nội	4156	30L-533.00	Hà Nội			
3157	30L-434.68	Hà Nội	4157	30L-540.39	Hà Nội			
3158	30L-443.66	Hà Nội	4158	30L-543.39	Hà Nội			
3159	30L-444.36	Hà Nội	4159	30L-548.69	Hà Nội			
3160	30L-451.68	Hà Nội	4160	30L-562.29	Hà Nội			
3161	30L-470.86	Hà Nội	4161	30L-566.83	Hà Nội			
3162	30L-470.88	Hà Nội	4162	30L-574.75	Hà Nội			
3163	30L-474.89	Hà Nội	4163	30L-576.29	Hà Nội			
3164	30L-495.69	Hà Nội	4164	30L-578.58	Hà Nội			
3165	30L-498.98	Hà Nội	4165	30L-578.97	Hà Nội			
3166	30L-499.00	Hà Nội	4166	30L-583.36	Hà Nội			
3167	30L-511.89	Hà Nội	4167	30L-599.94	Hà Nội			
3168	30L-521.86	Hà Nội	4168	30L-607.66	Hà Nội			
3169	30L-522.23	Hà Nội	4169	30L-608.60	Hà Nội			
3170	30L-532.32	Hà Nội	4170	30L-610.58	Hà Nội			
3171	30L-549.54	Hà Nội	4171	30L-612.12	Hà Nội			
3172	30L-550.79	Hà Nội	4172	30L-621.12	Hà Nội			
3173	30L-557.39	Hà Nội	4173	30L-621.79	Hà Nội			
3174	30L-560.85	Hà Nội	4174	30L-630.03	Hà Nội			
3175	30L-562.39	Hà Nội	4175	30L-635.53	Hà Nội			
3176	30L-575.66	Hà Nội	4176	30L-639.77	Hà Nội			
3177	30L-577.69	Hà Nội	4177	30L-642.64	Hà Nội			
3178	30L-581.86	Hà Nội	4178	30L-648.38	Hà Nội			
3179	30L-587.96	Hà Nội	4179	30L-649.69	Hà Nội			
3180	30L-590.91	Hà Nội	4180	30L-650.65	Hà Nội			
3181	30L-594.86	Hà Nội	4181	30L-650.96	Hà Nội			
3182	30L-597.96	Hà Nội	4182	30L-655.51	Hà Nội			
3183	30L-602.79	Hà Nội	4183	30L-666.43	Hà Nội			
3184	30L-607.59	Hà Nội	4184	30L-667.19	Hà Nội			
3185	30L-618.58	Hà Nội	4185	30L-673.68	Hà Nội			
3186	30L-620.86	Hà Nội	4186	30L-677.67	Hà Nội			
3187	30L-622.23	Hà Nội	4187	30L-680.83	Hà Nội			
3188	30L-630.29	Hà Nội	4188	30L-681.97	Hà Nội			
3189	30L-630.31	Hà Nội	4189	30L-682.29	Hà Nội			
3190	30L-634.69	Hà Nội	4190	30L-684.39	Hà Nội			
3191	30L-636.00	Hà Nội	4191	30L-688.06	Hà Nội			
3192	30L-638.58	Hà Nội	4192	30L-702.79	Hà Nội			
3193	30L-639.97	Hà Nội	4193	30L-704.07	Hà Nội			
3194	30L-640.66	Hà Nội	4194	30L-706.68	Hà Nội			
3195	30L-647.48	Hà Nội	4195	30L-707.99	Hà Nội			
3196	30L-659.39	Hà Nội	4196	30L-711.44	Hà Nội			
3197	30L-663.00	Hà Nội	4197	30L-711.55	Hà Nội			
3198	30L-666.04	Hà Nội	4198	30L-718.17	Hà Nội			
3199	30L-667.76	Hà Nội	4199	30L-718.19	Hà Nội			
3200	30L-674.44	Hà Nội	4200	30L-720.19	Hà Nội			
3201	30L-674.86	Hà Nội	4201	30L-726.26	Hà Nội			
3202	30L-678.76	Hà Nội	4202	30L-728.19	Hà Nội			
3203	30L-681.28	Hà Nội	4203	30L-729.68	Hà Nội			
3204	30L-692.18	Hà Nội	4204	30L-738.11	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3205	30L-694.44	Hà Nội	4205	30L-743.34	Hà Nội			
3206	30L-701.86	Hà Nội	4206	30L-752.06	Hà Nội			
3207	30L-705.06	Hà Nội	4207	30L-757.28	Hà Nội			
3208	30L-716.08	Hà Nội	4208	30L-766.83	Hà Nội			
3209	30L-722.16	Hà Nội	4209	30L-766.89	Hà Nội			
3210	30L-731.66	Hà Nội	4210	30L-768.19	Hà Nội			
3211	30L-731.89	Hà Nội	4211	30L-770.07	Hà Nội			
3212	30L-732.23	Hà Nội	4212	30L-775.76	Hà Nội			
3213	30L-734.86	Hà Nội	4213	30L-777.24	Hà Nội			
3214	30L-735.28	Hà Nội	4214	30L-779.36	Hà Nội			
3215	30L-736.96	Hà Nội	4215	30L-783.39	Hà Nội			
3216	30L-748.68	Hà Nội	4216	30L-783.56	Hà Nội			
3217	30L-760.39	Hà Nội	4217	30L-785.16	Hà Nội			
3218	30L-766.25	Hà Nội	4218	30L-792.66	Hà Nội			
3219	30L-768.60	Hà Nội	4219	30L-804.04	Hà Nội			
3220	30L-770.00	Hà Nội	4220	30L-809.68	Hà Nội			
3221	30L-774.15	Hà Nội	4221	30L-810.11	Hà Nội			
3222	30L-779.28	Hà Nội	4222	30L-812.39	Hà Nội			
3223	30L-779.69	Hà Nội	4223	30L-816.28	Hà Nội			
3224	30L-781.82	Hà Nội	4224	30L-821.18	Hà Nội			
3225	30L-783.65	Hà Nội	4225	30L-822.65	Hà Nội			
3226	30L-785.59	Hà Nội	4226	30L-830.95	Hà Nội			
3227	30L-788.08	Hà Nội	4227	30L-838.59	Hà Nội			
3228	30L-795.89	Hà Nội	4228	30L-841.89	Hà Nội			
3229	30L-796.65	Hà Nội	4229	30L-843.38	Hà Nội			
3230	30L-799.72	Hà Nội	4230	30L-846.39	Hà Nội			
3231	30L-805.50	Hà Nội	4231	30L-847.39	Hà Nội			
3232	30L-805.55	Hà Nội	4232	30L-850.39	Hà Nội			
3233	30L-807.39	Hà Nội	4233	30L-852.39	Hà Nội			
3234	30L-807.80	Hà Nội	4234	30L-852.95	Hà Nội			
3235	30L-809.55	Hà Nội	4235	30L-855.33	Hà Nội			
3236	30L-810.06	Hà Nội	4236	30L-857.57	Hà Nội			
3237	30L-817.86	Hà Nội	4237	30L-857.77	Hà Nội			
3238	30L-819.77	Hà Nội	4238	30L-861.19	Hà Nội			
3239	30L-820.86	Hà Nội	4239	30L-875.76	Hà Nội			
3240	30L-823.32	Hà Nội	4240	30L-879.87	Hà Nội			
3241	30L-842.48	Hà Nội	4241	30L-884.08	Hà Nội			
3242	30L-843.48	Hà Nội	4242	30L-899.00	Hà Nội			
3243	30L-848.39	Hà Nội	4243	30L-906.39	Hà Nội			
3244	30L-854.39	Hà Nội	4244	30L-906.79	Hà Nội			
3245	30L-856.29	Hà Nội	4245	30L-907.26	Hà Nội			
3246	30L-860.19	Hà Nội	4246	30L-923.86	Hà Nội			
3247	30L-860.39	Hà Nội	4247	30L-926.16	Hà Nội			
3248	30L-862.96	Hà Nội	4248	30L-926.19	Hà Nội			
3249	30L-871.99	Hà Nội	4249	30L-928.36	Hà Nội			
3250	30L-872.65	Hà Nội	4250	30L-933.98	Hà Nội			
3251	30L-874.87	Hà Nội	4251	30L-934.79	Hà Nội			
3252	30L-876.77	Hà Nội	4252	30L-940.66	Hà Nội			
3253	30L-887.59	Hà Nội	4253	30L-942.49	Hà Nội			
3254	30L-888.17	Hà Nội	4254	30L-944.00	Hà Nội			
3255	30L-899.33	Hà Nội	4255	30L-944.33	Hà Nội			



Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3256	30L-906.09	Hà Nội	4256	30L-949.79	Hà Nội			
3257	30L-910.25	Hà Nội	4257	30L-950.19	Hà Nội			
3258	30L-918.25	Hà Nội	4258	30L-950.83	Hà Nội			
3259	30L-922.06	Hà Nội	4259	30L-951.38	Hà Nội			
3260	30L-931.99	Hà Nội	4260	30L-953.00	Hà Nội			
3261	30L-934.68	Hà Nội	4261	30L-953.32	Hà Nội			
3262	30L-936.08	Hà Nội	4262	30L-954.69	Hà Nội			
3263	30L-945.39	Hà Nội	4263	30L-956.06	Hà Nội			
3264	30L-953.68	Hà Nội	4264	30L-967.86	Hà Nội			
3265	30L-957.75	Hà Nội	4265	30L-968.09	Hà Nội			
3266	30L-972.86	Hà Nội	4266	30L-970.96	Hà Nội			
3267	30L-990.65	Hà Nội	4267	30L-976.77	Hà Nội			
3268	30L-991.44	Hà Nội	4268	30L-977.85	Hà Nội			
3269	30L-993.62	Hà Nội	4269	30L-981.95	Hà Nội			
3270	30L-994.86	Hà Nội	4270	30L-984.96	Hà Nội			
3271	30L-996.95	Hà Nội	4271	30L-985.19	Hà Nội			
3272	30L-999.73	Hà Nội	4272	30L-985.29	Hà Nội			
3273	30M-001.97	Hà Nội	4273	30L-989.18	Hà Nội			
3274	30M-005.66	Hà Nội	4274	30L-996.19	Hà Nội			
3275	30M-005.95	Hà Nội	4275	30M-008.16	Hà Nội			
3276	30M-013.55	Hà Nội	4276	30M-011.69	Hà Nội			
3277	30M-019.01	Hà Nội	4277	30M-013.16	Hà Nội			
3278	30M-019.71	Hà Nội	4278	30M-015.15	Hà Nội			
3279	30M-022.19	Hà Nội	4279	30M-018.10	Hà Nội			
3280	51K-742.39	Hồ Chí Minh	4280	30M-019.29	Hà Nội			
3281	51K-743.89	Hồ Chí Minh	4281	30M-020.26	Hà Nội			
3282	51K-744.89	Hồ Chí Minh	4282	30M-020.68	Hà Nội			
3283	51K-744.99	Hồ Chí Minh	4283	30M-025.86	Hà Nội			
3284	51K-745.39	Hồ Chí Minh	4284	51K-748.39	Hồ Chí Minh			
3285	51K-749.39	Hồ Chí Minh	4285	51K-754.68	Hồ Chí Minh			
3286	51K-749.68	Hồ Chí Minh	4286	51K-756.89	Hồ Chí Minh			
3287	51K-749.88	Hồ Chí Minh	4287	51K-758.68	Hồ Chí Minh			
3288	51K-750.88	Hồ Chí Minh	4288	51K-761.39	Hồ Chí Minh			
3289	51K-751.89	Hồ Chí Minh	4289	51K-780.89	Hồ Chí Minh			
3290	51K-752.99	Hồ Chí Minh	4290	51K-780.99	Hồ Chí Minh			
3291	51K-754.66	Hồ Chí Minh	4291	51K-782.99	Hồ Chí Minh			
3292	51K-760.88	Hồ Chí Minh	4292	51K-794.99	Hồ Chí Minh			
3293	51K-761.99	Hồ Chí Minh	4293	51K-800.39	Hồ Chí Minh			
3294	51K-762.39	Hồ Chí Minh	4294	51K-803.89	Hồ Chí Minh			
3295	51K-767.39	Hồ Chí Minh	4295	51K-804.39	Hồ Chí Minh			
3296	51K-773.79	Hồ Chí Minh	4296	51K-810.89	Hồ Chí Minh			
3297	51K-774.88	Hồ Chí Minh	4297	51K-814.99	Hồ Chí Minh			
3298	51K-776.39	Hồ Chí Minh	4298	51K-815.39	Hồ Chí Minh			
3299	51K-781.39	Hồ Chí Minh	4299	51K-825.79	Hồ Chí Minh			
3300	51K-782.39	Hồ Chí Minh	4300	51K-827.27	Hồ Chí Minh			
3301	51K-783.66	Hồ Chí Minh	4301	51K-831.39	Hồ Chí Minh			
3302	51K-791.89	Hồ Chí Minh	4302	51K-844.66	Hồ Chí Minh			
3303	51K-803.66	Hồ Chí Minh	4303	51K-847.88	Hồ Chí Minh			
3304	51K-815.79	Hồ Chí Minh	4304	51K-851.11	Hồ Chí Minh			
3305	51K-820.89	Hồ Chí Minh	4305	51K-852.69	Hồ Chí Minh			
3306	51K-831.66	Hồ Chí Minh	4306	51K-853.89	Hồ Chí Minh			

41
ÔNG
ẤU C
JP DA
ỆT M
XUÂN

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3307	51K-840.39	Hồ Chí Minh	4307	51K-859.39	Hồ Chí Minh			
3308	51K-848.79	Hồ Chí Minh	4308	51K-862.39	Hồ Chí Minh			
3309	51K-848.86	Hồ Chí Minh	4309	51K-867.66	Hồ Chí Minh			
3310	51K-850.66	Hồ Chí Minh	4310	51K-867.69	Hồ Chí Minh			
3311	51K-851.86	Hồ Chí Minh	4311	51K-871.79	Hồ Chí Minh			
3312	51K-852.89	Hồ Chí Minh	4312	51K-871.86	Hồ Chí Minh			
3313	51K-854.44	Hồ Chí Minh	4313	51K-874.88	Hồ Chí Minh			
3314	51K-854.68	Hồ Chí Minh	4314	51K-890.68	Hồ Chí Minh			
3315	51K-854.89	Hồ Chí Minh	4315	51K-894.39	Hồ Chí Minh			
3316	51K-857.69	Hồ Chí Minh	4316	51K-894.88	Hồ Chí Minh			
3317	51K-867.39	Hồ Chí Minh	4317	51K-900.69	Hồ Chí Minh			
3318	51K-871.11	Hồ Chí Minh	4318	51K-902.66	Hồ Chí Minh			
3319	51K-872.69	Hồ Chí Minh	4319	51K-904.79	Hồ Chí Minh			
3320	51K-877.66	Hồ Chí Minh	4320	51K-905.99	Hồ Chí Minh			
3321	51K-884.69	Hồ Chí Minh	4321	51K-907.99	Hồ Chí Minh			
3322	51K-892.66	Hồ Chí Minh	4322	51K-910.39	Hồ Chí Minh			
3323	51K-892.69	Hồ Chí Minh	4323	51K-912.66	Hồ Chí Minh			
3324	51K-893.86	Hồ Chí Minh	4324	51K-912.69	Hồ Chí Minh			
3325	51K-895.69	Hồ Chí Minh	4325	51K-915.39	Hồ Chí Minh			
3326	51K-897.68	Hồ Chí Minh	4326	51K-915.88	Hồ Chí Minh			
3327	51K-901.69	Hồ Chí Minh	4327	51K-921.39	Hồ Chí Minh			
3328	51K-902.79	Hồ Chí Minh	4328	51K-923.66	Hồ Chí Minh			
3329	51K-913.39	Hồ Chí Minh	4329	51K-926.39	Hồ Chí Minh			
3330	51K-913.88	Hồ Chí Minh	4330	51K-928.86	Hồ Chí Minh			
3331	51K-915.69	Hồ Chí Minh	4331	51K-934.66	Hồ Chí Minh			
3332	51K-917.39	Hồ Chí Minh	4332	51K-937.88	Hồ Chí Minh			
3333	51K-920.39	Hồ Chí Minh	4333	51K-940.86	Hồ Chí Minh			
3334	51K-922.89	Hồ Chí Minh	4334	51K-942.86	Hồ Chí Minh			
3335	51K-924.88	Hồ Chí Minh	4335	51K-943.69	Hồ Chí Minh			
3336	51K-927.69	Hồ Chí Minh	4336	51K-944.86	Hồ Chí Minh			
3337	51K-930.68	Hồ Chí Minh	4337	51K-945.69	Hồ Chí Minh			
3338	51K-930.79	Hồ Chí Minh	4338	51K-946.69	Hồ Chí Minh			
3339	51K-932.86	Hồ Chí Minh	4339	51K-947.86	Hồ Chí Minh			
3340	51K-940.69	Hồ Chí Minh	4340	51K-949.39	Hồ Chí Minh			
3341	51K-941.69	Hồ Chí Minh	4341	51K-949.69	Hồ Chí Minh			
3342	51K-941.79	Hồ Chí Minh	4342	51K-952.69	Hồ Chí Minh			
3343	51K-945.89	Hồ Chí Minh	4343	51K-952.86	Hồ Chí Minh			
3344	51K-949.89	Hồ Chí Minh	4344	51K-952.89	Hồ Chí Minh			
3345	51K-951.69	Hồ Chí Minh	4345	51K-953.68	Hồ Chí Minh			
3346	51K-954.39	Hồ Chí Minh	4346	51K-957.66	Hồ Chí Minh			
3347	51K-956.69	Hồ Chí Minh	4347	51K-959.66	Hồ Chí Minh			
3348	51K-960.66	Hồ Chí Minh	4348	51K-960.99	Hồ Chí Minh			
3349	51K-963.86	Hồ Chí Minh	4349	51K-973.66	Hồ Chí Minh			
3350	51K-965.89	Hồ Chí Minh	4350	51K-975.68	Hồ Chí Minh			
3351	51K-967.86	Hồ Chí Minh	4351	51K-975.88	Hồ Chí Minh			
3352	51K-970.39	Hồ Chí Minh	4352	51K-977.69	Hồ Chí Minh			
3353	51K-971.11	Hồ Chí Minh	4353	51L-013.39	Hồ Chí Minh			
3354	51K-972.66	Hồ Chí Minh	4354	51L-032.88	Hồ Chí Minh			
3355	51K-972.69	Hồ Chí Minh	4355	51L-052.39	Hồ Chí Minh			
3356	51K-972.86	Hồ Chí Minh	4356	51L-065.99	Hồ Chí Minh			
3357	51K-975.66	Hồ Chí Minh	4357	51L-073.99	Hồ Chí Minh			

Y
Á
NH
AM
-TPV

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3358	51K-976.39	Hồ Chí Minh	4358	51L-074.39	Hồ Chí Minh			
3359	51K-995.86	Hồ Chí Minh	4359	51L-097.86	Hồ Chí Minh			
3360	51L-019.68	Hồ Chí Minh	4360	51L-107.86	Hồ Chí Minh			
3361	51L-028.89	Hồ Chí Minh	4361	51L-132.86	Hồ Chí Minh			
3362	51L-033.69	Hồ Chí Minh	4362	51L-132.88	Hồ Chí Minh			
3363	51L-062.79	Hồ Chí Minh	4363	51L-133.86	Hồ Chí Minh			
3364	51L-068.89	Hồ Chí Minh	4364	51L-140.39	Hồ Chí Minh			
3365	51L-071.69	Hồ Chí Minh	4365	51L-150.50	Hồ Chí Minh			
3366	51L-079.66	Hồ Chí Minh	4366	51L-169.68	Hồ Chí Minh			
3367	51L-089.79	Hồ Chí Minh	4367	51L-190.89	Hồ Chí Minh			
3368	51L-101.66	Hồ Chí Minh	4368	51L-206.89	Hồ Chí Minh			
3369	51L-105.88	Hồ Chí Minh	4369	51L-219.75	Hồ Chí Minh			
3370	51L-112.39	Hồ Chí Minh	4370	51L-224.86	Hồ Chí Minh			
3371	51L-122.79	Hồ Chí Minh	4371	51L-225.89	Hồ Chí Minh			
3372	51L-129.89	Hồ Chí Minh	4372	51L-229.68	Hồ Chí Minh			
3373	51L-143.88	Hồ Chí Minh	4373	51L-233.55	Hồ Chí Minh			
3374	51L-146.68	Hồ Chí Minh	4374	51L-235.88	Hồ Chí Minh			
3375	51L-178.99	Hồ Chí Minh	4375	51L-260.68	Hồ Chí Minh			
3376	51L-184.89	Hồ Chí Minh	4376	51L-271.89	Hồ Chí Minh			
3377	51L-185.66	Hồ Chí Minh	4377	51L-272.68	Hồ Chí Minh			
3378	51L-190.66	Hồ Chí Minh	4378	51L-276.69	Hồ Chí Minh			
3379	51L-197.86	Hồ Chí Minh	4379	51L-276.79	Hồ Chí Minh			
3380	51L-201.66	Hồ Chí Minh	4380	51L-293.89	Hồ Chí Minh			
3381	51L-203.66	Hồ Chí Minh	4381	51L-320.79	Hồ Chí Minh			
3382	51L-214.66	Hồ Chí Minh	4382	51L-320.88	Hồ Chí Minh			
3383	51L-222.59	Hồ Chí Minh	4383	51L-344.99	Hồ Chí Minh			
3384	51L-240.68	Hồ Chí Minh	4384	51L-393.88	Hồ Chí Minh			
3385	51L-241.14	Hồ Chí Minh	4385	51L-401.86	Hồ Chí Minh			
3386	51L-256.39	Hồ Chí Minh	4386	51L-403.79	Hồ Chí Minh			
3387	51L-267.79	Hồ Chí Minh	4387	51L-422.11	Hồ Chí Minh			
3388	51L-287.86	Hồ Chí Minh	4388	51L-422.66	Hồ Chí Minh			
3389	51L-290.68	Hồ Chí Minh	4389	51L-423.32	Hồ Chí Minh			
3390	51L-294.79	Hồ Chí Minh	4390	51L-430.69	Hồ Chí Minh			
3391	51L-295.88	Hồ Chí Minh	4391	51L-433.44	Hồ Chí Minh			
3392	51L-305.86	Hồ Chí Minh	4392	51L-445.86	Hồ Chí Minh			
3393	51L-316.61	Hồ Chí Minh	4393	51L-445.88	Hồ Chí Minh			
3394	51L-329.66	Hồ Chí Minh	4394	51L-451.88	Hồ Chí Minh			
3395	51L-343.86	Hồ Chí Minh	4395	51L-455.33	Hồ Chí Minh			
3396	51L-348.39	Hồ Chí Minh	4396	51L-458.79	Hồ Chí Minh			
3397	51L-352.69	Hồ Chí Minh	4397	51L-464.66	Hồ Chí Minh			
3398	51L-352.89	Hồ Chí Minh	4398	51L-477.11	Hồ Chí Minh			
3399	51L-373.89	Hồ Chí Minh	4399	51L-485.68	Hồ Chí Minh			
3400	51L-387.39	Hồ Chí Minh	4400	51L-490.00	Hồ Chí Minh			
3401	51L-407.77	Hồ Chí Minh	4401	51L-498.86	Hồ Chí Minh			
3402	51L-413.66	Hồ Chí Minh	4402	51L-505.69	Hồ Chí Minh			
3403	51L-417.17	Hồ Chí Minh	4403	51L-515.39	Hồ Chí Minh			
3404	51L-419.39	Hồ Chí Minh	4404	51L-520.88	Hồ Chí Minh			
3405	51L-422.77	Hồ Chí Minh	4405	51L-521.68	Hồ Chí Minh			
3406	51L-425.69	Hồ Chí Minh	4406	51L-539.59	Hồ Chí Minh			
3407	51L-426.69	Hồ Chí Minh	4407	51L-542.89	Hồ Chí Minh			
3408	51L-428.99	Hồ Chí Minh	4408	51L-557.75	Hồ Chí Minh			

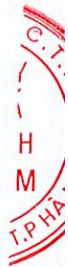
Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3409	51L-433.86	Hồ Chí Minh	4409	51L-558.69	Hồ Chí Minh			
3410	51L-435.89	Hồ Chí Minh	4410	51L-560.60	Hồ Chí Minh			
3411	51L-441.68	Hồ Chí Minh	4411	51L-562.79	Hồ Chí Minh			
3412	51L-444.66	Hồ Chí Minh	4412	51L-563.65	Hồ Chí Minh			
3413	51L-447.39	Hồ Chí Minh	4413	51L-576.79	Hồ Chí Minh			
3414	51L-452.68	Hồ Chí Minh	4414	51L-582.88	Hồ Chí Minh			
3415	51L-462.39	Hồ Chí Minh	4415	51L-588.33	Hồ Chí Minh			
3416	51L-462.79	Hồ Chí Minh	4416	51L-591.86	Hồ Chí Minh			
3417	51L-464.99	Hồ Chí Minh	4417	51L-594.66	Hồ Chí Minh			
3418	51L-472.66	Hồ Chí Minh	4418	51L-599.96	Hồ Chí Minh			
3419	51L-478.86	Hồ Chí Minh	4419	51L-608.79	Hồ Chí Minh			
3420	51L-487.86	Hồ Chí Minh	4420	51L-609.60	Hồ Chí Minh			
3421	51L-494.44	Hồ Chí Minh	4421	51L-611.79	Hồ Chí Minh			
3422	51L-498.69	Hồ Chí Minh	4422	51L-612.69	Hồ Chí Minh			
3423	51L-501.79	Hồ Chí Minh	4423	51L-613.99	Hồ Chí Minh			
3424	51L-501.89	Hồ Chí Minh	4424	51L-623.62	Hồ Chí Minh			
3425	51L-503.99	Hồ Chí Minh	4425	51L-628.39	Hồ Chí Minh			
3426	51L-506.86	Hồ Chí Minh	4426	51L-632.18	Hồ Chí Minh			
3427	51L-510.68	Hồ Chí Minh	4427	51L-651.56	Hồ Chí Minh			
3428	51L-521.86	Hồ Chí Minh	4428	51L-655.00	Hồ Chí Minh			
3429	51L-527.68	Hồ Chí Minh	4429	51L-656.09	Hồ Chí Minh			
3430	51L-541.39	Hồ Chí Minh	4430	51L-657.65	Hồ Chí Minh			
3431	51L-550.88	Hồ Chí Minh	4431	51L-662.65	Hồ Chí Minh			
3432	51L-554.55	Hồ Chí Minh	4432	51L-669.90	Hồ Chí Minh			
3433	51L-558.39	Hồ Chí Minh	4433	51L-672.65	Hồ Chí Minh			
3434	51L-561.16	Hồ Chí Minh	4434	51L-675.16	Hồ Chí Minh			
3435	51L-571.86	Hồ Chí Minh	4435	51L-677.65	Hồ Chí Minh			
3436	51L-573.68	Hồ Chí Minh	4436	51L-680.69	Hồ Chí Minh			
3437	51L-580.89	Hồ Chí Minh	4437	51L-688.46	Hồ Chí Minh			
3438	51L-584.86	Hồ Chí Minh	4438	51L-688.92	Hồ Chí Minh			
3439	51L-593.68	Hồ Chí Minh	4439	51L-690.86	Hồ Chí Minh			
3440	51L-596.59	Hồ Chí Minh	4440	51L-693.66	Hồ Chí Minh			
3441	51L-605.55	Hồ Chí Minh	4441	51L-694.83	Hồ Chí Minh			
3442	51L-615.88	Hồ Chí Minh	4442	51L-695.16	Hồ Chí Minh			
3443	51L-618.89	Hồ Chí Minh	4443	51L-700.33	Hồ Chí Minh			
3444	51L-624.24	Hồ Chí Minh	4444	51L-705.66	Hồ Chí Minh			
3445	51L-624.79	Hồ Chí Minh	4445	51L-710.10	Hồ Chí Minh			
3446	51L-624.86	Hồ Chí Minh	4446	51L-714.86	Hồ Chí Minh			
3447	51L-625.38	Hồ Chí Minh	4447	51L-731.32	Hồ Chí Minh			
3448	51L-625.55	Hồ Chí Minh	4448	51L-734.39	Hồ Chí Minh			
3449	51L-627.86	Hồ Chí Minh	4449	51L-738.37	Hồ Chí Minh			
3450	51L-631.28	Hồ Chí Minh	4450	51L-739.86	Hồ Chí Minh			
3451	51L-632.36	Hồ Chí Minh	4451	51L-745.47	Hồ Chí Minh			
3452	51L-634.79	Hồ Chí Minh	4452	51L-745.88	Hồ Chí Minh			
3453	51L-638.18	Hồ Chí Minh	4453	51L-750.69	Hồ Chí Minh			
3454	51L-650.86	Hồ Chí Minh	4454	51L-751.69	Hồ Chí Minh			
3455	51L-652.52	Hồ Chí Minh	4455	51L-752.89	Hồ Chí Minh			
3456	51L-661.28	Hồ Chí Minh	4456	51L-753.88	Hồ Chí Minh			
3457	51L-662.58	Hồ Chí Minh	4457	51L-755.33	Hồ Chí Minh			
3458	51L-663.89	Hồ Chí Minh	4458	51L-756.15	Hồ Chí Minh			
3459	51L-666.85	Hồ Chí Minh	4459	51L-762.35	Hồ Chí Minh			

A.Đ
CC
Đ
H
VI
ANH

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
3460	51L-668.84	Hồ Chí Minh	4460	51L-762.58	Hồ Chí Minh			
3461	51L-675.86	Hồ Chí Minh	4461	51L-763.16	Hồ Chí Minh			
3462	51L-677.59	Hồ Chí Minh	4462	51L-764.44	Hồ Chí Minh			
3463	51L-685.16	Hồ Chí Minh	4463	51L-764.89	Hồ Chí Minh			
3464	51L-686.67	Hồ Chí Minh	4464	51L-765.95	Hồ Chí Minh			
3465	51L-688.47	Hồ Chí Minh	4465	51L-776.15	Hồ Chí Minh			
3466	51L-690.22	Hồ Chí Minh	4466	51L-782.15	Hồ Chí Minh			
3467	51L-690.29	Hồ Chí Minh	4467	51L-783.59	Hồ Chí Minh			
3468	51L-707.39	Hồ Chí Minh	4468	51L-787.39	Hồ Chí Minh			
3469	51L-709.39	Hồ Chí Minh	4469	51L-788.00	Hồ Chí Minh			
3470	51L-711.85	Hồ Chí Minh	4470	51L-790.95	Hồ Chí Minh			
3471	51L-717.69	Hồ Chí Minh	4471	51L-791.98	Hồ Chí Minh			
3472	51L-718.16	Hồ Chí Minh	4472	51L-798.83	Hồ Chí Minh			
3473	51L-721.11	Hồ Chí Minh	4473	51L-809.80	Hồ Chí Minh			
3474	51L-729.86	Hồ Chí Minh	4474	51L-811.79	Hồ Chí Minh			
3475	51L-729.88	Hồ Chí Minh	4475	51L-812.86	Hồ Chí Minh			
3476	51L-730.66	Hồ Chí Minh	4476	51L-815.59	Hồ Chí Minh			
3477	51L-740.89	Hồ Chí Minh	4477	51L-819.73	Hồ Chí Minh			
3478	51L-746.89	Hồ Chí Minh	4478	51L-821.11	Hồ Chí Minh			
3479	51L-750.75	Hồ Chí Minh	4479	51L-822.29	Hồ Chí Minh			
3480	51L-751.52	Hồ Chí Minh	4480	51L-823.56	Hồ Chí Minh			
3481	51L-753.69	Hồ Chí Minh	4481	51L-824.42	Hồ Chí Minh			
3482	51L-755.22	Hồ Chí Minh	4482	51L-827.06	Hồ Chí Minh			
3483	51L-761.67	Hồ Chí Minh	4483	51L-829.58	Hồ Chí Minh			
3484	51L-761.88	Hồ Chí Minh	4484	51L-832.22	Hồ Chí Minh			
3485	51L-764.66	Hồ Chí Minh	4485	51L-836.08	Hồ Chí Minh			
3486	51L-793.86	Hồ Chí Minh	4486	51L-840.48	Hồ Chí Minh			
3487	51L-798.59	Hồ Chí Minh	4487	51L-842.22	Hồ Chí Minh			
3488	51L-801.69	Hồ Chí Minh	4488	51L-845.26	Hồ Chí Minh			
3489	51L-802.08	Hồ Chí Minh	4489	51L-846.66	Hồ Chí Minh			
3490	51L-807.79	Hồ Chí Minh	4490	51L-854.18	Hồ Chí Minh			
3491	51L-812.21	Hồ Chí Minh	4491	51L-855.11	Hồ Chí Minh			
3492	51L-813.66	Hồ Chí Minh	4492	51L-856.11	Hồ Chí Minh			
3493	51L-814.41	Hồ Chí Minh	4493	51L-859.97	Hồ Chí Minh			
3494	51L-816.99	Hồ Chí Minh	4494	51L-860.35	Hồ Chí Minh			
3495	51L-821.88	Hồ Chí Minh	4495	51L-861.98	Hồ Chí Minh			
3496	51L-829.96	Hồ Chí Minh	4496	51L-863.26	Hồ Chí Minh			
3497	51L-835.86	Hồ Chí Minh	4497	51L-864.11	Hồ Chí Minh			
3498	51L-835.99	Hồ Chí Minh	4498	51L-865.19	Hồ Chí Minh			
3499	51L-842.42	Hồ Chí Minh	4499	51L-871.69	Hồ Chí Minh			
3500	51L-842.79	Hồ Chí Minh	4500	51L-871.88	Hồ Chí Minh			
3501	51L-842.89	Hồ Chí Minh	4501	51L-872.95	Hồ Chí Minh			
3502	51L-847.74	Hồ Chí Minh	4502	51L-873.29	Hồ Chí Minh			
3503	51L-854.88	Hồ Chí Minh	4503	51L-874.18	Hồ Chí Minh			
3504	51L-854.99	Hồ Chí Minh	4504	51L-876.68	Hồ Chí Minh			
3505	51L-855.65	Hồ Chí Minh	4505	51L-877.59	Hồ Chí Minh			
3506	51L-856.39	Hồ Chí Minh	4506	51L-884.83	Hồ Chí Minh			
3507	51L-861.26	Hồ Chí Minh	4507	51L-888.10	Hồ Chí Minh			
3508	51L-862.28	Hồ Chí Minh	4508	51L-891.35	Hồ Chí Minh			
3509	51L-863.64	Hồ Chí Minh	4509	51L-891.36	Hồ Chí Minh			
3510	51L-863.66	Hồ Chí Minh	4510	51L-894.36	Hồ Chí Minh			

41
NG 7
U G
P DA
T N
UÂN

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3511	51L-863.69	Hồ Chí Minh	4511	11A-106.06	Cao Bằng			
3512	51L-874.66	Hồ Chí Minh	4512	11A-125.89	Cao Bằng			
3513	51L-876.18	Hồ Chí Minh	4513	11A-131.66	Cao Bằng			
3514	51L-878.28	Hồ Chí Minh	4514	11C-083.38	Cao Bằng			
3515	51L-886.08	Hồ Chí Minh	4515	12A-257.25	Lạng Sơn			
3516	51L-886.19	Hồ Chí Minh	4516	12A-261.61	Lạng Sơn			
3517	51L-888.70	Hồ Chí Minh	4517	14A-804.66	Quảng Ninh			
3518	51L-888.72	Hồ Chí Minh	4518	14A-830.66	Quảng Ninh			
3519	51L-891.98	Hồ Chí Minh	4519	14A-851.15	Quảng Ninh			
3520	11A-109.88	Cao Bằng	4520	14A-857.88	Quảng Ninh			
3521	11A-111.25	Cao Bằng	4521	14A-904.66	Quảng Ninh			
3522	11A-127.66	Cao Bằng	4522	14A-934.88	Quảng Ninh			
3523	11C-081.69	Cao Bằng	4523	14A-945.69	Quảng Ninh			
3524	12A-222.35	Lạng Sơn	4524	14A-964.99	Quảng Ninh			
3525	12A-261.89	Lạng Sơn	4525	14A-977.55	Quảng Ninh			
3526	12C-136.88	Lạng Sơn	4526	15K-152.89	Hải Phòng			
3527	14A-824.66	Quảng Ninh	4527	15K-157.69	Hải Phòng			
3528	14A-860.79	Quảng Ninh	4528	15K-194.86	Hải Phòng			
3529	14A-894.68	Quảng Ninh	4529	15K-267.77	Hải Phòng			
3530	14A-902.66	Quảng Ninh	4530	15K-277.68	Hải Phòng			
3531	14A-905.50	Quảng Ninh	4531	15K-280.99	Hải Phòng			
3532	14A-909.96	Quảng Ninh	4532	15K-297.69	Hải Phòng			
3533	14A-955.11	Quảng Ninh	4533	15K-311.33	Hải Phòng			
3534	14A-970.07	Quảng Ninh	4534	15K-370.37	Hải Phòng			
3535	14A-971.17	Quảng Ninh	4535	15K-373.69	Hải Phòng			
3536	15C-469.69	Hải Phòng	4536	15K-406.99	Hải Phòng			
3537	15K-150.88	Hải Phòng	4537	15K-412.86	Hải Phòng			
3538	15K-159.66	Hải Phòng	4538	15K-423.66	Hải Phòng			
3539	15K-163.66	Hải Phòng	4539	17A-392.88	Thái Bình			
3540	15K-261.69	Hải Phòng	4540	17A-406.79	Thái Bình			
3541	15K-273.88	Hải Phòng	4541	17A-412.99	Thái Bình			
3542	15K-278.69	Hải Phòng	4542	17A-413.66	Thái Bình			
3543	15K-284.48	Hải Phòng	4543	17A-415.15	Thái Bình			
3544	15K-294.49	Hải Phòng	4544	17A-415.66	Thái Bình			
3545	15K-300.68	Hải Phòng	4545	17D-011.69	Thái Bình			
3546	15K-317.77	Hải Phòng	4546	17D-012.39	Thái Bình			
3547	15K-341.86	Hải Phòng	4547	18A-409.88	Nam Định			
3548	15K-347.86	Hải Phòng	4548	18A-442.66	Nam Định			
3549	15K-384.44	Hải Phòng	4549	18A-448.86	Nam Định			
3550	15K-384.79	Hải Phòng	4550	18A-450.50	Nam Định			
3551	15K-406.39	Hải Phòng	4551	18A-461.86	Nam Định			
3552	15K-418.41	Hải Phòng	4552	18A-476.47	Nam Định			
3553	15K-420.02	Hải Phòng	4553	18A-477.74	Nam Định			
3554	17A-460.06	Thái Bình	4554	18A-487.89	Nam Định			
3555	18A-394.86	Nam Định	4555	19A-531.39	Phú Thọ			
3556	18A-394.99	Nam Định	4556	19A-540.39	Phú Thọ			
3557	18A-428.79	Nam Định	4557	19A-549.66	Phú Thọ			
3558	18A-456.69	Nam Định	4558	19A-553.66	Phú Thọ			
3559	19A-582.39	Phú Thọ	4559	19A-554.89	Phú Thọ			
3560	19A-601.11	Phú Thọ	4560	19A-558.79	Phú Thọ			
3561	19A-604.40	Phú Thọ	4561	19A-600.77	Phú Thọ			



Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố			
3562	19A-607.86	Phú Thọ	4562	19A-603.69	Phú Thọ			
3563	19A-632.99	Phú Thọ	4563	19A-605.39	Phú Thọ			
3564	19A-634.68	Phú Thọ	4564	19A-627.72	Phú Thọ			
3565	19A-641.86	Phú Thọ	4565	19A-629.88	Phú Thọ			
3566	19A-648.89	Phú Thọ	4566	19A-637.68	Phú Thọ			
3567	19A-666.64	Phú Thọ	4567	19A-676.67	Phú Thọ			
3568	19A-672.86	Phú Thọ	4568	19A-680.79	Phú Thọ			
3569	19A-676.77	Phú Thọ	4569	19A-698.96	Phú Thọ			
3570	19A-685.69	Phú Thọ	4570	19A-713.99	Phú Thọ			
3571	19A-695.88	Phú Thọ	4571	19A-714.88	Phú Thọ			
3572	19A-715.16	Phú Thọ	4572	19C-262.86	Phú Thọ			
3573	19B-026.69	Phú Thọ	4573	19D-015.86	Phú Thọ			
3574	20A-704.89	Thái Nguyên	4574	19D-016.16	Phú Thọ			
3575	20A-743.79	Thái Nguyên	4575	20A-727.68	Thái Nguyên			
3576	20A-750.66	Thái Nguyên	4576	20A-751.79	Thái Nguyên			
3577	20A-760.68	Thái Nguyên	4577	20A-763.39	Thái Nguyên			
3578	20A-794.99	Thái Nguyên	4578	20A-774.88	Thái Nguyên			
3579	20A-801.88	Thái Nguyên	4579	20A-777.22	Thái Nguyên			
3580	20A-827.77	Thái Nguyên	4580	20A-780.68	Thái Nguyên			
3581	20A-844.33	Thái Nguyên	4581	20A-787.86	Thái Nguyên			
3582	20A-852.89	Thái Nguyên	4582	20A-792.99	Thái Nguyên			
3583	21A-172.79	Yên Bái	4583	20A-795.86	Thái Nguyên			
3584	21A-176.39	Yên Bái	4584	20A-802.68	Thái Nguyên			
3585	21B-011.55	Yên Bái	4585	20A-815.86	Thái Nguyên			
3586	21C-108.79	Yên Bái	4586	20A-844.89	Thái Nguyên			
3587	22A-202.79	Tuyên Quang	4587	20A-851.89	Thái Nguyên			
3588	22A-240.40	Tuyên Quang	4588	20A-858.59	Thái Nguyên			
3589	22A-240.79	Tuyên Quang	4589	20C-299.66	Thái Nguyên			
3590	22A-241.14	Tuyên Quang	4590	21A-172.22	Yên Bái			
3591	22A-263.63	Tuyên Quang	4591	21A-210.00	Yên Bái			
3592	22C-109.66	Tuyên Quang	4592	21A-219.95	Yên Bái			
3593	23A-142.88	Hà Giang	4593	21C-109.39	Yên Bái			
3594	24A-242.79	Lào Cai	4594	22A-203.03	Tuyên Quang			
3595	24A-253.79	Lào Cai	4595	22A-243.43	Tuyên Quang			
3596	24A-294.99	Lào Cai	4596	23A-132.88	Hà Giang			
3597	24A-299.00	Lào Cai	4597	23A-156.86	Hà Giang			
3598	24B-017.88	Lào Cai	4598	24A-240.68	Lào Cai			
3599	24B-018.99	Lào Cai	4599	24A-278.78	Lào Cai			
3600	25A-076.88	Lai Châu	4600	24A-280.66	Lào Cai			
3601	26A-190.86	Sơn La	4601	24A-315.13	Lào Cai			
3602	26A-194.66	Sơn La	4602	24B-017.79	Lào Cai			
3603	26A-207.68	Sơn La	4603	24C-157.66	Lào Cai			
3604	26A-218.89	Sơn La	4604	25A-073.79	Lai Châu			
3605	26A-221.21	Sơn La	4605	25C-057.75	Lai Châu			
3606	26A-227.99	Sơn La	4606	26A-197.68	Sơn La			
3607	26C-156.65	Sơn La	4607	26A-222.46	Sơn La			
3608	27A-107.39	Điện Biên	4608	26A-230.88	Sơn La			
3609	27A-108.80	Điện Biên	4609	27A-103.89	Điện Biên			
3610	27A-124.69	Điện Biên	4610	27B-012.66	Điện Biên			
3611	27B-011.68	Điện Biên	4611	27C-071.79	Điện Biên			
3612	28A-201.88	Hòa Bình	4612	28A-203.79	Hòa Bình			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3613	28A-202.66	Hòa Bình	4613	28A-205.66	Hòa Bình			
3614	28A-205.89	Hòa Bình	4614	28A-241.39	Hòa Bình			
3615	28A-214.69	Hòa Bình	4615	28A-247.88	Hòa Bình			
3616	28A-219.39	Hòa Bình	4616	29D-616.66	Hà Nội			
3617	28A-239.68	Hòa Bình	4617	29K-222.46	Hà Nội			
3618	28A-241.86	Hòa Bình	4618	29K-244.00	Hà Nội			
3619	28A-248.79	Hòa Bình	4619	29K-246.89	Hà Nội			
3620	28A-252.25	Hòa Bình	4620	29K-260.79	Hà Nội			
3621	29K-220.39	Hà Nội	4621	29K-262.79	Hà Nội			
3622	29K-222.16	Hà Nội	4622	29K-263.69	Hà Nội			
3623	29K-222.39	Hà Nội	4623	29K-270.72	Hà Nội			
3624	29K-222.59	Hà Nội	4624	29K-324.79	Hà Nội			
3625	29K-244.45	Hà Nội	4625	34A-702.02	Hải Dương			
3626	29K-253.25	Hà Nội	4626	34A-707.79	Hải Dương			
3627	29K-253.66	Hà Nội	4627	34A-730.68	Hải Dương			
3628	29K-263.26	Hà Nội	4628	34A-767.76	Hải Dương			
3629	29K-269.26	Hà Nội	4629	34A-782.82	Hải Dương			
3630	29K-274.27	Hà Nội	4630	34A-852.79	Hải Dương			
3631	29K-300.79	Hà Nội	4631	34A-874.88	Hải Dương			
3632	29K-301.86	Hà Nội	4632	34A-885.79	Hải Dương			
3633	29K-306.39	Hà Nội	4633	34A-908.90	Hải Dương			
3634	29K-313.66	Hà Nội	4634	35A-410.66	Ninh Bình			
3635	29K-322.23	Hà Nội	4635	35A-415.68	Ninh Bình			
3636	34A-721.89	Hải Dương	4636	35A-431.69	Ninh Bình			
3637	34A-727.88	Hải Dương	4637	35A-444.43	Ninh Bình			
3638	34A-742.66	Hải Dương	4638	35A-445.69	Ninh Bình			
3639	34A-780.68	Hải Dương	4639	35A-454.86	Ninh Bình			
3640	34A-777.96	Hải Dương	4640	35A-461.66	Ninh Bình			
3641	34A-788.11	Hải Dương	4641	36A-970.89	Thanh Hóa			
3642	34A-816.86	Hải Dương	4642	36C-515.86	Thanh Hóa			
3643	34A-847.39	Hải Dương	4643	36K-044.86	Thanh Hóa			
3644	34A-877.78	Hải Dương	4644	36K-052.22	Thanh Hóa			
3645	34A-899.39	Hải Dương	4645	36K-077.68	Thanh Hóa			
3646	34A-904.39	Hải Dương	4646	36K-078.66	Thanh Hóa			
3647	34A-908.79	Hải Dương	4647	36K-111.23	Thanh Hóa			
3648	34C-422.22	Hải Dương	4648	36K-114.69	Thanh Hóa			
3649	35A-417.79	Ninh Bình	4649	36K-125.26	Thanh Hóa			
3650	35A-424.39	Ninh Bình	4650	36K-126.39	Thanh Hóa			
3651	35A-426.99	Ninh Bình	4651	36K-145.89	Thanh Hóa			
3652	35A-430.68	Ninh Bình	4652	36K-146.86	Thanh Hóa			
3653	35A-436.88	Ninh Bình	4653	36K-150.88	Thanh Hóa			
3654	35A-449.94	Ninh Bình	4654	36K-151.11	Thanh Hóa			
3655	36A-945.45	Thanh Hóa	4655	36K-165.39	Thanh Hóa			
3656	36A-960.88	Thanh Hóa	4656	37K-183.39	Nghệ An			
3657	36C-516.39	Thanh Hóa	4657	37K-248.48	Nghệ An			
3658	36C-518.79	Thanh Hóa	4658	37K-249.66	Nghệ An			
3659	36C-522.69	Thanh Hóa	4659	37K-274.66	Nghệ An			
3660	36K-007.99	Thanh Hóa	4660	37K-290.69	Nghệ An			
3661	36K-013.33	Thanh Hóa	4661	37K-299.44	Nghệ An			
3662	36K-043.39	Thanh Hóa	4662	37K-317.66	Nghệ An			
3663	36K-045.45	Thanh Hóa	4663	37K-334.66	Nghệ An			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3664	36K-055.39	Thanh Hóa	4664	37K-409.86	Nghệ An			
3665	36K-064.86	Thanh Hóa	4665	37K-428.66	Nghệ An			
3666	36K-066.00	Thanh Hóa	4666	37K-429.69	Nghệ An			
3667	36K-075.75	Thanh Hóa	4667	37K-434.86	Nghệ An			
3668	36K-096.39	Thanh Hóa	4668	37K-436.68	Nghệ An			
3669	36K-102.86	Thanh Hóa	4669	37K-439.93	Nghệ An			
3670	36K-119.96	Thanh Hóa	4670	37K-444.59	Nghệ An			
3671	36K-122.79	Thanh Hóa	4671	37K-460.06	Nghệ An			
3672	36K-144.86	Thanh Hóa	4672	37K-462.88	Nghệ An			
3673	36K-163.86	Thanh Hóa	4673	37K-463.88	Nghệ An			
3674	36K-172.68	Thanh Hóa	4674	37K-469.68	Nghệ An			
3675	36K-173.68	Thanh Hóa	4675	38A-534.79	Hà Tĩnh			
3676	36K-180.69	Thanh Hóa	4676	38A-550.86	Hà Tĩnh			
3677	36K-194.94	Thanh Hóa	4677	38A-571.39	Hà Tĩnh			
3678	36K-207.68	Thanh Hóa	4678	38A-594.39	Hà Tĩnh			
3679	36K-222.12	Thanh Hóa	4679	38A-618.69	Hà Tĩnh			
3680	37C-551.68	Nghệ An	4680	38A-627.27	Hà Tĩnh			
3681	37K-186.39	Nghệ An	4681	38A-632.39	Hà Tĩnh			
3682	37K-204.39	Nghệ An	4682	38A-657.69	Hà Tĩnh			
3683	37K-232.79	Nghệ An	4683	38C-233.99	Hà Tĩnh			
3684	37K-244.79	Nghệ An	4684	43A-780.88	Đà Nẵng			
3685	37K-261.79	Nghệ An	4685	43A-795.89	Đà Nẵng			
3686	37K-271.69	Nghệ An	4686	43A-796.69	Đà Nẵng			
3687	37K-289.39	Nghệ An	4687	43A-806.68	Đà Nẵng			
3688	37K-314.66	Nghệ An	4688	43A-806.79	Đà Nẵng			
3689	37K-329.69	Nghệ An	4689	43A-843.39	Đà Nẵng			
3690	37K-352.99	Nghệ An	4690	43A-848.68	Đà Nẵng			
3691	37K-355.00	Nghệ An	4691	43A-859.39	Đà Nẵng			
3692	37K-357.75	Nghệ An	4692	43A-875.39	Đà Nẵng			
3693	37K-382.69	Nghệ An	4693	43A-875.99	Đà Nẵng			
3694	37K-412.14	Nghệ An	4694	43A-877.00	Đà Nẵng			
3695	37K-420.66	Nghệ An	4695	43A-877.86	Đà Nẵng			
3696	37K-424.44	Nghệ An	4696	43A-938.86	Đà Nẵng			
3697	37K-424.99	Nghệ An	4697	47A-603.33	Đắk Lắk			
3698	37K-477.99	Nghệ An	4698	47A-611.79	Đắk Lắk			
3699	38A-560.86	Hà Tĩnh	4699	47A-625.39	Đắk Lắk			
3700	38A-580.99	Hà Tĩnh	4700	47A-652.89	Đắk Lắk			
3701	38A-635.35	Hà Tĩnh	4701	47A-689.88	Đắk Lắk			
3702	38A-666.64	Hà Tĩnh	4702	47A-715.68	Đắk Lắk			
3703	38A-671.88	Hà Tĩnh	4703	47A-716.39	Đắk Lắk			
3704	38C-236.99	Hà Tĩnh	4704	47A-750.05	Đắk Lắk			
3705	43A-792.69	Đà Nẵng	4705	47A-777.56	Đắk Lắk			
3706	43A-876.69	Đà Nẵng	4706	47A-783.83	Đắk Lắk			
3707	43A-892.22	Đà Nẵng	4707	47A-788.55	Đắk Lắk			
3708	43A-894.69	Đà Nẵng	4708	47A-808.39	Đắk Lắk			
3709	43A-917.17	Đà Nẵng	4709	47C-387.69	Đắk Lắk			
3710	47A-622.33	Đắk Lắk	4710	47C-387.79	Đắk Lắk			
3711	47A-629.89	Đắk Lắk	4711	47D-016.88	Đắk Lắk			
3712	47A-631.86	Đắk Lắk	4712	48A-192.79	Đắk Nông			
3713	47A-632.68	Đắk Lắk	4713	48A-216.89	Đắk Nông			
3714	47A-654.44	Đắk Lắk	4714	48A-217.69	Đắk Nông			

4
NG
IU
P D
T
YU

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3715	47A-684.48	Đắk Lắk	4715	48C-108.86	Đắk Nông			
3716	47A-709.86	Đắk Lắk	4716	48C-111.39	Đắk Nông			
3717	47A-711.55	Đắk Lắk	4717	49A-610.00	Lâm Đồng			
3718	47A-714.89	Đắk Lắk	4718	49A-612.22	Lâm Đồng			
3719	47A-740.99	Đắk Lắk	4719	49A-633.86	Lâm Đồng			
3720	47A-758.39	Đắk Lắk	4720	49A-635.68	Lâm Đồng			
3721	47A-759.88	Đắk Lắk	4721	49A-644.89	Lâm Đồng			
3722	47A-770.00	Đắk Lắk	4722	49A-649.89	Lâm Đồng			
3723	47A-791.99	Đắk Lắk	4723	49A-651.66	Lâm Đồng			
3724	47A-809.86	Đắk Lắk	4724	49A-661.86	Lâm Đồng			
3725	47C-378.69	Đắk Lắk	4725	49A-670.69	Lâm Đồng			
3726	47C-387.39	Đắk Lắk	4726	49A-699.86	Lâm Đồng			
3727	47C-388.89	Đắk Lắk	4727	49A-712.12	Lâm Đồng			
3728	48A-201.11	Đắk Nông	4728	49A-712.21	Lâm Đồng			
3729	48A-220.69	Đắk Nông	4729	49A-737.88	Lâm Đồng			
3730	48A-222.09	Đắk Nông	4730	49A-741.41	Lâm Đồng			
3731	48A-236.63	Đắk Nông	4731	49A-742.79	Lâm Đồng			
3732	48B-011.99	Đắk Nông	4732	49C-375.89	Lâm Đồng			
3733	48C-107.68	Đắk Nông	4733	51D-827.86	Hồ Chí Minh			
3734	48C-111.38	Đắk Nông	4734	51D-827.88	Hồ Chí Minh			
3735	49A-601.68	Lâm Đồng	4735	51D-859.99	Hồ Chí Minh			
3736	49A-607.99	Lâm Đồng	4736	51D-877.99	Hồ Chí Minh			
3737	49A-610.68	Lâm Đồng	4737	51E-325.79	Hồ Chí Minh			
3738	49A-671.71	Lâm Đồng	4738	51E-332.86	Hồ Chí Minh			
3739	49A-696.88	Lâm Đồng	4739	51M-009.68	Hồ Chí Minh			
3740	49A-710.66	Lâm Đồng	4740	51M-013.99	Hồ Chí Minh			
3741	49A-719.91	Lâm Đồng	4741	51M-014.10	Hồ Chí Minh			
3742	49B-029.68	Lâm Đồng	4742	51M-019.91	Hồ Chí Minh			
3743	49B-031.69	Lâm Đồng	4743	51M-021.22	Hồ Chí Minh			
3744	49C-382.99	Lâm Đồng	4744	51M-050.39	Hồ Chí Minh			
3745	51B-712.22	Hồ Chí Minh	4745	60D-019.68	Đồng Nai			
3746	51D-863.39	Hồ Chí Minh	4746	60K-346.39	Đồng Nai			
3747	51D-892.99	Hồ Chí Minh	4747	60K-347.99	Đồng Nai			
3748	51D-895.89	Hồ Chí Minh	4748	60K-375.79	Đồng Nai			
3749	51E-323.86	Hồ Chí Minh	4749	60K-385.69	Đồng Nai			
3750	51E-333.29	Hồ Chí Minh	4750	60K-390.69	Đồng Nai			
3751	51E-335.39	Hồ Chí Minh	4751	60K-468.99	Đồng Nai			
3752	51M-014.88	Hồ Chí Minh	4752	60K-481.68	Đồng Nai			
3753	51M-017.79	Hồ Chí Minh	4753	60K-499.22	Đồng Nai			
3754	51M-027.72	Hồ Chí Minh	4754	60K-499.39	Đồng Nai			
3755	51M-042.39	Hồ Chí Minh	4755	60K-499.94	Đồng Nai			
3756	51M-043.66	Hồ Chí Minh	4756	60K-501.68	Đồng Nai			
3757	60C-731.13	Đồng Nai	4757	60K-503.88	Đồng Nai			
3758	60C-732.89	Đồng Nai	4758	60K-508.89	Đồng Nai			
3759	60C-735.99	Đồng Nai	4759	60K-538.79	Đồng Nai			
3760	60K-346.66	Đồng Nai	4760	60K-544.55	Đồng Nai			
3761	60K-354.88	Đồng Nai	4761	60K-554.39	Đồng Nai			
3762	60K-362.39	Đồng Nai	4762	60K-555.34	Đồng Nai			
3763	60K-376.88	Đồng Nai	4763	60K-557.55	Đồng Nai			
3764	60K-386.99	Đồng Nai	4764	60K-574.44	Đồng Nai			
3765	60K-401.11	Đồng Nai	4765	60K-596.79	Đồng Nai			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3766	60K-411.68	Đồng Nai	4766	60K-596.99	Đồng Nai			
3767	60K-433.77	Đồng Nai	4767	60K-612.61	Đồng Nai			
3768	60K-444.89	Đồng Nai	4768	61C-591.68	Bình Dương			
3769	60K-461.99	Đồng Nai	4769	61C-597.97	Bình Dương			
3770	60K-465.39	Đồng Nai	4770	61C-608.68	Bình Dương			
3771	60K-473.68	Đồng Nai	4771	61K-293.66	Bình Dương			
3772	60K-544.68	Đồng Nai	4772	61K-300.77	Bình Dương			
3773	60K-584.79	Đồng Nai	4773	61K-327.77	Bình Dương			
3774	60K-592.29	Đồng Nai	4774	61K-369.66	Bình Dương			
3775	60K-600.66	Đồng Nai	4775	61K-404.39	Bình Dương			
3776	60K-612.12	Đồng Nai	4776	61K-418.39	Bình Dương			
3777	60K-613.89	Đồng Nai	4777	61K-432.88	Bình Dương			
3778	61C-603.99	Bình Dương	4778	61K-444.89	Bình Dương			
3779	61C-605.39	Bình Dương	4779	61K-462.39	Bình Dương			
3780	61K-267.39	Bình Dương	4780	61K-477.47	Bình Dương			
3781	61K-318.86	Bình Dương	4781	61K-479.86	Bình Dương			
3782	61K-360.60	Bình Dương	4782	61K-483.38	Bình Dương			
3783	61K-371.11	Bình Dương	4783	61K-493.89	Bình Dương			
3784	61K-387.69	Bình Dương	4784	61K-498.66	Bình Dương			
3785	61K-405.88	Bình Dương	4785	61K-511.33	Bình Dương			
3786	61K-412.89	Bình Dương	4786	62A-390.89	Long An			
3787	61K-413.79	Bình Dương	4787	62A-394.89	Long An			
3788	61K-436.88	Bình Dương	4788	62A-396.89	Long An			
3789	61K-449.94	Bình Dương	4789	62A-434.99	Long An			
3790	61K-455.39	Bình Dương	4790	62A-437.89	Long An			
3791	61K-488.77	Bình Dương	4791	62A-448.99	Long An			
3792	61K-495.99	Bình Dương	4792	62A-450.45	Long An			
3793	62A-396.88	Long An	4793	63A-261.39	Tiền Giang			
3794	62A-410.79	Long An	4794	63A-280.86	Tiền Giang			
3795	62A-415.86	Long An	4795	63A-300.89	Tiền Giang			
3796	62A-422.88	Long An	4796	63A-307.89	Tiền Giang			
3797	62C-213.33	Long An	4797	63C-222.57	Tiền Giang			
3798	63A-249.89	Tiền Giang	4798	64A-175.89	Vĩnh Long			
3799	63A-278.69	Tiền Giang	4799	64A-176.86	Vĩnh Long			
3800	63A-295.89	Tiền Giang	4800	64A-185.55	Vĩnh Long			
3801	63A-297.77	Tiền Giang	4801	64A-188.81	Vĩnh Long			
3802	63A-320.02	Tiền Giang	4802	65A-401.68	Cần Thơ			
3803	63C-222.29	Tiền Giang	4803	65A-487.39	Cần Thơ			
3804	63C-222.89	Tiền Giang	4804	65A-493.88	Cần Thơ			
3805	63C-225.88	Tiền Giang	4805	65A-512.15	Cần Thơ			
3806	64A-161.39	Vĩnh Long	4806	65C-229.99	Cần Thơ			
3807	64A-197.97	Vĩnh Long	4807	65C-232.22	Cần Thơ			
3808	64C-122.33	Vĩnh Long	4808	65C-233.86	Cần Thơ			
3809	65A-403.89	Cần Thơ	4809	65C-238.89	Cần Thơ			
3810	65A-436.63	Cần Thơ	4810	65C-239.86	Cần Thơ			
3811	65A-436.68	Cần Thơ	4811	66A-229.66	Đồng Tháp			
3812	65A-492.92	Cần Thơ	4812	66A-241.86	Đồng Tháp			
3813	65A-502.50	Cần Thơ	4813	66A-249.66	Đồng Tháp			
3814	65A-510.79	Cần Thơ	4814	66A-279.89	Đồng Tháp			
3815	65C-238.79	Cần Thơ	4815	66A-294.88	Đồng Tháp			
3816	66A-232.69	Đồng Tháp	4816	66A-295.68	Đồng Tháp			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3817	66A-235.89	Đồng Tháp	4817	66A-296.88	Đồng Tháp			
3818	66A-278.66	Đồng Tháp	4818	66A-298.92	Đồng Tháp			
3819	66A-300.03	Đồng Tháp	4819	67A-265.99	An Giang			
3820	66B-022.22	Đồng Tháp	4820	67A-280.39	An Giang			
3821	66C-182.79	Đồng Tháp	4821	67A-312.22	An Giang			
3822	67A-264.99	An Giang	4822	67A-316.89	An Giang			
3823	67A-266.39	An Giang	4823	68A-310.68	Kiên Giang			
3824	67A-266.89	An Giang	4824	68A-347.39	Kiên Giang			
3825	67A-298.79	An Giang	4825	68A-355.86	Kiên Giang			
3826	67A-304.44	An Giang	4826	68A-364.64	Kiên Giang			
3827	67A-305.05	An Giang	4827	70A-469.86	Tây Ninh			
3828	67A-308.08	An Giang	4828	70A-475.86	Tây Ninh			
3829	67A-324.66	An Giang	4829	70A-479.86	Tây Ninh			
3830	67A-325.23	An Giang	4830	70A-493.88	Tây Ninh			
3831	68A-299.66	Kiên Giang	4831	70A-502.02	Tây Ninh			
3832	68A-300.86	Kiên Giang	4832	70A-532.69	Tây Ninh			
3833	68A-311.33	Kiên Giang	4833	70A-535.86	Tây Ninh			
3834	68A-317.17	Kiên Giang	4834	70A-553.79	Tây Ninh			
3835	68A-320.79	Kiên Giang	4835	71A-174.99	Bến Tre			
3836	68A-326.86	Kiên Giang	4836	71A-176.89	Bến Tre			
3837	68A-343.69	Kiên Giang	4837	71A-176.99	Bến Tre			
3838	68A-359.68	Kiên Giang	4838	71A-179.89	Bến Tre			
3839	69A-154.44	Cà Mau	4839	72A-719.66	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3840	70A-467.67	Tây Ninh	4840	72A-722.55	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3841	70A-478.79	Tây Ninh	4841	72A-723.39	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3842	70A-539.88	Tây Ninh	4842	72A-726.99	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3843	70A-541.88	Tây Ninh	4843	72A-731.89	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3844	70A-562.63	Tây Ninh	4844	72A-759.66	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3845	71A-201.66	Bến Tre	4845	72A-772.66	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3846	72A-735.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	4846	72A-784.39	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3847	72A-760.60	Bà Rịa - Vũng Tàu	4847	72A-784.88	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3848	72A-772.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	4848	72A-816.17	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3849	72A-789.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	4849	73A-302.39	Quảng Bình			
3850	72A-796.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	4850	73A-305.68	Quảng Bình			
3851	72A-810.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	4851	73A-313.88	Quảng Bình			
3852	72A-810.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	4852	74A-251.79	Quảng Trị			
3853	72A-824.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	4853	74A-258.66	Quảng Trị			
3854	72A-833.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	4854	74A-258.99	Quảng Trị			
3855	72C-232.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	4855	75A-323.79	Thừa Thiên Huế			
3856	73A-317.86	Quảng Bình	4856	75A-325.55	Thừa Thiên Huế			
3857	73A-323.86	Quảng Bình	4857	75A-344.88	Thừa Thiên Huế			
3858	73C-189.69	Quảng Bình	4858	75A-353.89	Thừa Thiên Huế			
3859	74A-244.88	Quảng Trị	4859	75B-027.99	Thừa Thiên Huế			
3860	74A-246.39	Quảng Trị	4860	76A-237.39	Quảng Ngãi			
3861	74A-260.39	Quảng Trị	4861	76A-249.49	Quảng Ngãi			
3862	74B-015.89	Quảng Trị	4862	76A-257.39	Quảng Ngãi			
3863	75A-314.39	Thừa Thiên Huế	4863	76A-276.39	Quảng Ngãi			
3864	75A-314.89	Thừa Thiên Huế	4864	76A-297.86	Quảng Ngãi			
3865	75A-330.68	Thừa Thiên Huế	4865	76A-305.69	Quảng Ngãi			
3866	75A-333.56	Thừa Thiên Huế	4866	76A-306.06	Quảng Ngãi			
3867	75A-364.66	Thừa Thiên Huế	4867	76A-316.68	Quảng Ngãi			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3868	75A-377.68	Thừa Thiên Huế	4868	77A-281.39	Bình Định			
3869	75A-382.89	Thừa Thiên Huế	4869	77A-305.69	Bình Định			
3870	75B-028.69	Thừa Thiên Huế	4870	77A-316.86	Bình Định			
3871	76A-236.89	Quảng Ngãi	4871	77A-319.39	Bình Định			
3872	76A-254.88	Quảng Ngãi	4872	77A-326.39	Bình Định			
3873	76A-255.89	Quảng Ngãi	4873	77A-350.89	Bình Định			
3874	76A-255.99	Quảng Ngãi	4874	78A-182.99	Phú Yên			
3875	76A-257.68	Quảng Ngãi	4875	78A-197.88	Phú Yên			
3876	76A-305.39	Quảng Ngãi	4876	78A-201.10	Phú Yên			
3877	76A-306.60	Quảng Ngãi	4877	78C-122.33	Phú Yên			
3878	76A-306.88	Quảng Ngãi	4878	79A-472.79	Khánh Hòa			
3879	76A-307.70	Quảng Ngãi	4879	79A-506.99	Khánh Hòa			
3880	76A-318.18	Quảng Ngãi	4880	79A-509.86	Khánh Hòa			
3881	77A-284.39	Bình Định	4881	79A-518.86	Khánh Hòa			
3882	77A-314.44	Bình Định	4882	79A-526.89	Khánh Hòa			
3883	77A-314.89	Bình Định	4883	79A-553.35	Khánh Hòa			
3884	77A-323.23	Bình Định	4884	81A-375.69	Gia Lai			
3885	77A-328.82	Bình Định	4885	81A-385.39	Gia Lai			
3886	77A-331.11	Bình Định	4886	81A-386.39	Gia Lai			
3887	77A-331.32	Bình Định	4887	81A-389.68	Gia Lai			
3888	77A-345.39	Bình Định	4888	81A-405.68	Gia Lai			
3889	77C-256.66	Bình Định	4889	81A-410.99	Gia Lai			
3890	78A-192.99	Phú Yên	4890	81A-415.15	Gia Lai			
3891	78A-199.39	Phú Yên	4891	81A-423.66	Gia Lai			
3892	78C-122.79	Phú Yên	4892	81A-426.69	Gia Lai			
3893	79A-490.89	Khánh Hòa	4893	81A-433.39	Gia Lai			
3894	79A-506.06	Khánh Hòa	4894	81A-435.53	Gia Lai			
3895	79A-512.66	Khánh Hòa	4895	81A-446.39	Gia Lai			
3896	79A-514.39	Khánh Hòa	4896	81A-452.53	Gia Lai			
3897	79A-520.00	Khánh Hòa	4897	81B-025.25	Gia Lai			
3898	79A-545.66	Khánh Hòa	4898	81B-026.39	Gia Lai			
3899	79A-547.48	Khánh Hòa	4899	81B-026.69	Gia Lai			
3900	79C-221.86	Khánh Hòa	4900	81B-027.99	Gia Lai			
3901	81A-371.86	Gia Lai	4901	81C-276.69	Gia Lai			
3902	81A-388.44	Gia Lai	4902	81D-011.68	Gia Lai			
3903	81A-389.96	Gia Lai	4903	82A-131.99	Kon Tum			
3904	81A-411.66	Gia Lai	4904	82A-142.66	Kon Tum			
3905	81A-428.42	Gia Lai	4905	82A-146.79	Kon Tum			
3906	81A-444.86	Gia Lai	4906	82C-092.39	Kon Tum			
3907	81C-273.33	Gia Lai	4907	83A-162.79	Sóc Trăng			
3908	81C-281.99	Gia Lai	4908	83A-183.66	Sóc Trăng			
3909	81D-012.39	Gia Lai	4909	84A-115.15	Trà Vinh			
3910	82B-015.86	Kon Tum	4910	84A-125.86	Trà Vinh			
3911	82C-092.68	Kon Tum	4911	84A-137.77	Trà Vinh			
3912	83A-163.39	Sóc Trăng	4912	84C-123.69	Trà Vinh			
3913	83B-022.79	Sóc Trăng	4913	85A-132.88	Ninh Thuận			
3914	83C-129.66	Sóc Trăng	4914	85B-011.11	Ninh Thuận			
3915	84A-113.79	Trà Vinh	4915	86A-265.79	Bình Thuận			
3916	84A-131.88	Trà Vinh	4916	86A-274.66	Bình Thuận			
3917	84A-143.39	Trà Vinh	4917	86A-284.48	Bình Thuận			
3918	85A-138.39	Ninh Thuận	4918	86A-292.66	Bình Thuận			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3919	85A-144.77	Ninh Thuận	4919	86A-299.89	Bình Thuận			
3920	86A-260.39	Bình Thuận	4920	86A-304.68	Bình Thuận			
3921	86A-271.66	Bình Thuận	4921	86A-305.05	Bình Thuận			
3922	86A-271.99	Bình Thuận	4922	86A-312.89	Bình Thuận			
3923	86A-279.86	Bình Thuận	4923	86C-205.99	Bình Thuận			
3924	88A-610.39	Vĩnh Phúc	4924	86C-207.77	Bình Thuận			
3925	88A-623.89	Vĩnh Phúc	4925	88A-607.99	Vĩnh Phúc			
3926	88A-630.99	Vĩnh Phúc	4926	88A-621.66	Vĩnh Phúc			
3927	88A-652.88	Vĩnh Phúc	4927	88A-674.88	Vĩnh Phúc			
3928	88A-670.86	Vĩnh Phúc	4928	88A-682.39	Vĩnh Phúc			
3929	88A-691.86	Vĩnh Phúc	4929	88A-722.33	Vĩnh Phúc			
3930	88A-696.39	Vĩnh Phúc	4930	88A-732.79	Vĩnh Phúc			
3931	88A-711.79	Vĩnh Phúc	4931	88A-777.09	Vĩnh Phúc			
3932	88A-715.51	Vĩnh Phúc	4932	88A-779.86	Vĩnh Phúc			
3933	88A-754.75	Vĩnh Phúc	4933	89A-402.66	Hung Yên			
3934	88A-757.99	Vĩnh Phúc	4934	89A-443.79	Hung Yên			
3935	88A-760.79	Vĩnh Phúc	4935	89A-445.79	Hung Yên			
3936	88A-765.56	Vĩnh Phúc	4936	89A-449.88	Hung Yên			
3937	88A-781.79	Vĩnh Phúc	4937	89A-454.68	Hung Yên			
3938	88C-309.68	Vĩnh Phúc	4938	89A-460.99	Hung Yên			
3939	89A-416.79	Hung Yên	4939	89A-474.69	Hung Yên			
3940	89A-419.66	Hung Yên	4940	89A-479.88	Hung Yên			
3941	89A-449.69	Hung Yên	4941	89B-023.32	Hung Yên			
3942	89A-487.86	Hung Yên	4942	89C-337.66	Hung Yên			
3943	89A-488.11	Hung Yên	4943	90A-219.66	Hà Nam			
3944	89A-493.33	Hung Yên	4944	90A-245.66	Hà Nam			
3945	89A-503.33	Hung Yên	4945	90A-272.86	Hà Nam			
3946	89A-513.69	Hung Yên	4946	90A-283.84	Hà Nam			
3947	89B-022.39	Hung Yên	4947	90A-284.89	Hà Nam			
3948	89B-023.89	Hung Yên	4948	92A-361.79	Quảng Nam			
3949	89C-336.69	Hung Yên	4949	92A-366.79	Quảng Nam			
3950	90A-255.69	Hà Nam	4950	92A-372.22	Quảng Nam			
3951	92A-377.86	Quảng Nam	4951	92A-396.79	Quảng Nam			
3952	92A-379.96	Quảng Nam	4952	92A-400.89	Quảng Nam			
3953	92A-388.39	Quảng Nam	4953	92A-411.99	Quảng Nam			
3954	92A-398.69	Quảng Nam	4954	92A-426.86	Quảng Nam			
3955	92A-399.88	Quảng Nam	4955	92A-428.69	Quảng Nam			
3956	92A-419.71	Quảng Nam	4956	92A-432.66	Quảng Nam			
3957	92A-420.99	Quảng Nam	4957	93A-406.89	Bình Phước			
3958	93A-410.68	Bình Phước	4958	93A-413.68	Bình Phước			
3959	93A-413.13	Bình Phước	4959	93A-430.99	Bình Phước			
3960	93A-428.99	Bình Phước	4960	93A-431.69	Bình Phước			
3961	93A-434.68	Bình Phước	4961	93A-467.88	Bình Phước			
3962	93A-436.36	Bình Phước	4962	93A-486.84	Bình Phước			
3963	93A-440.79	Bình Phước	4963	93A-503.05	Bình Phước			
3964	93A-441.79	Bình Phước	4964	94A-090.39	Bạc Liêu			
3965	93A-472.86	Bình Phước	4965	94A-097.77	Bạc Liêu			
3966	93A-498.69	Bình Phước	4966	94A-100.86	Bạc Liêu			
3967	94A-095.66	Bạc Liêu	4967	95A-106.79	Hậu Giang			
3968	94C-082.68	Bạc Liêu	4968	95A-122.69	Hậu Giang			
3969	95A-113.66	Hậu Giang	4969	98A-631.89	Bắc Giang			



Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3970	95A-115.89	Hậu Giang	4970	98A-643.66	Bắc Giang			
3971	95A-128.82	Hậu Giang	4971	98A-646.86	Bắc Giang			
3972	95B-012.86	Hậu Giang	4972	98A-654.66	Bắc Giang			
3973	97A-091.69	Bắc Kạn	4973	98A-728.66	Bắc Giang			
3974	98A-636.79	Bắc Giang	4974	98A-742.22	Bắc Giang			
3975	98A-641.99	Bắc Giang	4975	98A-756.99	Bắc Giang			
3976	98A-646.39	Bắc Giang	4976	98A-757.66	Bắc Giang			
3977	98A-661.79	Bắc Giang	4977	98A-763.69	Bắc Giang			
3978	98A-691.69	Bắc Giang	4978	98A-765.79	Bắc Giang			
3979	98A-711.22	Bắc Giang	4979	98A-800.77	Bắc Giang			
3980	98A-711.66	Bắc Giang	4980	98A-800.79	Bắc Giang			
3981	98A-722.99	Bắc Giang	4981	98A-803.69	Bắc Giang			
3982	98A-759.68	Bắc Giang	4982	98A-816.81	Bắc Giang			
3983	98A-769.96	Bắc Giang	4983	98A-821.68	Bắc Giang			
3984	98A-788.44	Bắc Giang	4984	98A-833.89	Bắc Giang			
3985	98A-834.35	Bắc Giang	4985	98C-370.07	Bắc Giang			
3986	98A-849.86	Bắc Giang	4986	99A-653.88	Bắc Ninh			
3987	98D-016.16	Bắc Giang	4987	99A-690.86	Bắc Ninh			
3988	99A-674.68	Bắc Ninh	4988	99A-717.69	Bắc Ninh			
3989	99A-703.88	Bắc Ninh	4989	99A-740.68	Bắc Ninh			
3990	99A-704.68	Bắc Ninh	4990	99A-795.39	Bắc Ninh			
3991	99A-722.86	Bắc Ninh	4991	99A-800.77	Bắc Ninh			
3992	99A-755.33	Bắc Ninh	4992	99A-807.08	Bắc Ninh			
3993	99A-772.79	Bắc Ninh	4993	99A-809.08	Bắc Ninh			
3994	99A-807.68	Bắc Ninh	4994	99A-816.17	Bắc Ninh			
3995	99A-810.81	Bắc Ninh	4995	99A-816.61	Bắc Ninh			
3996	99A-815.69	Bắc Ninh	4996	99A-817.66	Bắc Ninh			
3997	99A-831.99	Bắc Ninh	4997	99A-817.71	Bắc Ninh			
3998	99B-028.89	Bắc Ninh	4998	99A-826.39	Bắc Ninh			
3999	99C-317.99	Bắc Ninh	4999	99C-316.66	Bắc Ninh			
4000	99C-322.33	Bắc Ninh	5000	99C-322.88	Bắc Ninh			